

1^{re} ANNÉE, N° 4.

AVRIL 1918.

REVUE INDIGÈNE DE L'INDOCHINE

Organe de propagande de la Pensée Française

大越輯志

ĐẠI-VIỆT TẬP CHÍ

MỖI THÁNG XUẤT BẢN MỘT KỶ

Giá mỗi số : 0 \$ 50

...Sarcier n'est pas tout,
semier est mieux...

TỔNG-TÀI

A. SARRAUT.

LONGXUYÊN KHUYẾN-HỌC HỘI

QUẢN-LÝ

NGUYỄN-VĂN-CU'

CHỦ-BÚT

Chánh-trị khoa	LÊ THÚC-THANH.
Lý-tài khoa.....	HỒ BIỂU-CHÁNH.
Bát-học khoa.....	NGUYỄN ĐỊNH-CHI.
Đông Tây thời-vụ.....	LÊ THƯỜNG-TIÊN.
Âu Á tư-dàng.....	ĐẶNG THÚC-LIÊNG.

SAIGON

IMPRIMERIE NOUVELLE A. PORTAIL

1918

YẾU MỤC

	Số trang
Chánh-trị khoa. ...	1° Phổ cáo Cựu-học gia..... 309
	2° Việt-Nam chánh trị lược biên.. 311
	3° Đề-hình sự vụ 318
Lý-tài khoa.....	1° Đại-Việt tài nguyên..... 325
	2° Nông-nghiệp Tương-tế hội..... 332
	3° Khai-hóa chi phương châm... 338
	4° Dùng máy cày ruộng..... 341
	5° Chợ bán thú vật..... 342
	6° Đề-huynh tranh luận..... 343
	7° Đông-dương hỏa luân thuyên.. 347
	8° Hạng chế tạo đồ chơi bên Nhựt-bồn.....,..... 347
Bất-học khoa.....	1° Pháp luật, Thương vụ luật lệ... 349
	2° Địa-Lý học 353
	3° Đại-Pháp văn-minh lược biên. 357
Đông tây thời vụ..	1° Âu-châu chiến sử. 361
	2° Huê-kỳ khai chiến với Đứơc-quốc 366
	3° Tin giặc trong tháng Mars và Avril 1918.. 371
	4° Lời đoán tiên-tri của một thầy bói Nhựt-bồn..... 373
	5° Lễ tế Nam-giao... 374
	6° Đại-nam Hoàng-Đế Bắc-hạnh... 375
	7° Cung hạ tân thân 377
Âu Á từ đàng	1° Văn..... 379
	2° Nhơn hòa thuyên hội..... 384
	3° Tân bổ văn Quốc-ngữ... 387
	4° Thi..... 390
	5° Ca..... 395
	6° Chuyện Gia-Đi..... 397
	7° Tiểu tự điển..... 401

GIÁ BÁN TẬP CHÍ

Một năm... ..	5 \$ 00
Sáu tháng	3 00
Mỗi số	0 50

Ai mua Tập-chí hoặc muốn biện luận việc chi thì xin gửi bạc hay là thư cho M. Nguyễn-văn-Cư, Quản-lý Đại-việt tập chí tại Longxuyên (Cochinchine).

Những bài gửi đến xin ấn hành vào tập chí, nếu bôn-quán xét in chẳng tiện thì chủ gửi không phép đòi bôn thảo lại.

Ai muốn lấy những bài có ấn hành trong tập chí này mà in vào đâu, thì trước phải xin phép chủ-bút nào viết bài ấy đó.

Còn như lấy ý-kiến trong bài đó mà luận lại, thì phải chỉ rõ căn nguyên bài ấy mới được.

THƯỢNG ĐẲNG DƯỢC PHÒNG

G. RENOUX

NHÚT HẠNG BÀO-TÊ-SU

Ở ngan nhà hát tây. — Saigon

Tiệm củ của ông **HOLBÉ** và **RENOUX**

Y-khoa dược liệu đủ thứ, Vật liệu
để bào chế thuốc, Vật liệu để dùng
chụp hình, Đồ tiện dùng cho người
Langsa và người ngoại-quốc, Đồ phụ
tùng cho nhà bào chế thuốc, Đồ phụ
tùng về máy chụp hình, Kiên và giấy
để chụp hình, Đồ để dùng bó rịt. Dầu
thơm thượng hạng đủ thứ. Dầu mắng
(Bạc-hà) thượng hạng.

Thuốc nước hiệu **R.** để dùng mà bỏ nha phiến của ông
Holbé chế ra.

Như vị nào có mua thuốc của Thượng-đẳng Dược-phòng
G. Renoux thì phải nài cho có cái nhãn hiệu **Xích-long**
(con rồng đỏ).

P. S.— Nếu vị nào có gởi thư xin thì nhà Thượng-đẳng
Dược-phòng **G. Renoux** sẽ gởi cho không một cuốn *Dược-*
tánh lược biên có chỉ rõ cách dùng các thứ thuốc,

Saigon, le 5 Juin 1918
P. le Directeur
N. Renoux

NHÀ CỬ MICHEL.

L. CAFFORT kê nghiệp

Đường Catinal môn bài số 32, 34, 36, 38 — Saigon.

Súng bắn chim



KHÍ GIẢI THUỐC
ĐẠN ĐỦ THỦ
đồ phụ tùng
sẵn sẵn

Xe máy đạp hiệu
“ALCYON” và hiệu
“SPHINX” (nhà
Caffort đại diện
cho hai hiệu này
ở Nam-kỳ). Đồ
phụ tùng xe máy
đạp (là vỏ xe,
ruột xe, đèn, ống
thực, v. v.).

ĐỒ NỮ TRANG
đồ vàng lệ và đồ
bằng bạc, đồng
hồ đủ thứ, đồng
hồ trái quít hiệu
“LIP”.

Chuyên đeo cổ,
mề - đai, mề - đai
đồng cho người
Annam dùng. Vàng
đỏ có giây làm
chừng 18 Carats.



Longines
5 Grands Prix

Hors Concours
Chez les BONS HORLOGERS

GIÁ RẺ LẮM, ÍT TIỆM BÌ KỊP !

SẼ GỞI VÀO LỤC-CHÂU CÁCH MAU LẼ.

Pharmacie asiatique
NHI-THIÊN-DU'Ò'NG

38, rue de Canton, Cholon
TÉLÉPHONE N° 658

DƯỢC-PHẨM PHỤC PHÁP

Phụ khoa kim phụng-huờn

Phẩm đờn-bà khác hơn đờn-ông thì chỉ có 2 điều :
1° đường kinh, 2° sanh-đẻ mà thôi. Nên hễ muốn sanh con thì trước hết phải lo cho đường-kinh đều đặn. Nếu đường-kinh chẳng đều thì khó mà có thai cho đẻ, ấy là phần nhiều, gốc bởi ngoại-cầm, hoặc tại lo, rầu, buồn-bực, ưu-huất trong lòng, làm cho khí huyết hao mòn, sanh nhiều chứng bệnh, đều cũng do nơi đường kinh-không đều mà ra.

Tiệm tôi đây, từ ngày đặt phương thuốc mẫu-nhiệm của ông Tổ truyền lại đến nay, hằng gìn lòng giúp cho đời, lựa những thuốc tốt, gia công chế ra mà làm huờn, để trị cho các chứng bệnh đờn-bà đều dùng đẻ hết.

Còn như bình thời mà thường uống thuốc này, thì khí huyết đầy đủ, chẳng hề sanh bệnh, mà rồi sanh con dễ cháu cũng nhiều, chỉ như đờn-bà có thai mà uống thuốc này, thì lại đẻ an thai bảo sản, chừng sanh con ra lại đẻ mạnh mẽ nữa, ấy là một phương thuốc rất hay, để trị các chứng bệnh đờn-bà hiệu nghiệm như thần đó.

Chủ trị các chứng kể ra sau này :

- 1° Đường-kinh hoặc trời, hoặc sục, hoặc ít, hoặc nhiều ;
- 2° Bạch-đái, Bạch-dã, ra hoài không dứt ;
- 3° Đường-kinh hoặc vàng dợt, hoặc đen bầm ;
- 4° Khí huyết đều hư, đường-kinh không có ;
- 5° Hoặc đường-kinh ra nhiều quá, như muốn làm băng ;
- 6° Đường-kinh đi nghịch, sanh ra thổ huyết, trong bụng đau ;
- 7° Thân thể chẳng yên, xây-xâm mặt mày, ăn uống không tiêu ;
- 8° Đau lưng, mỏi cẳng, vàng mét, ốm gầy ;
- 9° Thai động chẳng yên, trong bụng đau hoài ;
- 10° Đẻ rồi ứ huyết mà đau, hoặc lá-nhao không ra.

Cá h dùng : Mỗi ngày phải uống 1 huờn, uống với nước trà. Còn đờn-bà đẻ thì phải dùng nước đá con nít mà uống với thuốc.

Cữ ăn : Những đồ sống-sít, lạnh-lẻo, cùng là rang-nướng, nóng-nảy, độc-địa chẳng nên dùng.

Mỗi hộp 2 huờn, giá là..... 1 \$ 00

BÁ NHẢN TRUYỀN

Của ông Huỳnh-thực-Mậu, ở Lấp-vò (Longxuyên) soạn

Trong quyển Bá-Nhân này có một trăm điều của thánh hiền xưa làm gương tốt vì bền lòng nhịn-nhục việc nhỏ rồi sau được nên việc lớn. Đồng-ban nên mua để trong nhà cho con cháu đọc cho thường, cũng là một phương tiện nhẹ bớt cho cha mẹ trong phần giáo dục con cháu.

Có bán tại nhà in,

J. VIẾT

Nº 59, rue d'Ormay Saigon và các nhà bán sách khác.

Giá mỗi quyển..... 0 \$ 50

Tiệm bán hàng Bắc

ĐÀO-HUÔNG-MAI

Tiệm cái ngoài Hanói, số 52. phố Hàng-trống.

Tiệm ngành ở Saigon, số 151, đường Catinat và số 145, đường Schröder (Chợ Bến-thành-mới)

Có bán đủ các thứ đồ cần, đồ thêu, đồ đồng, đồ kiêu, tơ lụa, hàng giẻ, bộ may mừng, nón tây, giày ta, các thứ trà và bàn ghế bằng cây trắc, cây gỗ, mặt đá của thợ annam ta làm rất khéo, vân vân...

Mới có một cái dường bằng cây trắc cần vân-mẫu, ở Bắc-kỳ đem vô, rất đẹp, giá là : **800 \$ 00.**

XIN KÍNH MỜI.

REVUE INDIGÈNE DE L'INDOCHINE

ĐẠI-VIỆT TẬP CHÍ

大越輯誌

CHÁNH-TRỊ KHOA

Phò cáo cựu-học gia

Ở Cựu-học gia chur-lôn,

Trộm thấy mấy năm nay có nhiều người, hoặc viết nhật-báo, hoặc ngồi luận đàm, thường hay chê bai những đảng Cựu-học là bọn hủ-lậu. Chúng tôi thăm nghĩ những người có ý kiến-đó đều là người sốt sắn trong đường tấn-hóa của quốc-dân, song thấy nói ra chẳng ai nghe, lời nói ví như gươm chém xuống nước, nên buồn đời mới luận như thế; ấy vậy chur-tôn cũng chẳng nên phiền mà sanh đều xích mích trong dân-tộc.

Buổi này những đảng thức giả trọng què-hương ta ai lại không biết dân-tộc nào mà muốn được toàn-hảo văn-minh thì trong phải lo trau dồi nhơn-cách cho được mỹ tục thuần phong, còn ngoài phải lo canh-cải học-thức cho có cửa nhiều tri rộng. Trong hai điều ấy nếu khiếm-khuyết một điều nào thì cũng không toàn hảo được, nghĩ vì nhiều khôn ngoan mà ít đạo đức thì xã-hội phải đảo điên, còn dư đạo đức mà thiếu khôn ngoan thì nước nhà e nhu nhược.

Hiện nay Chánh-phủ lo mở mang tri thức cho dân-tộc ta đặng biết hưởng những đều lợi ích trong nông công thương chư nghiệp; mà coi lại quốc-dân ta cũng có mọi muốn dõ chơn lần bước vào đường tấn-hóa đặng hiệp với Mầu-quốc mà cạnh-tranh quyền-lợi cùng thiên hạ. Ấy vậy lúc này là lúc chúng ta đương dơ tay tiếp rước ngọn đuốc văn-minh mà cặm nơi đất Việt này. Vậy chúng ta phải toan tính thế nào cho tri-thức và đạo đức của chúng ta đồng phát minh một lược, đường ấy sự văn-minh tương-lai của chúng ta mới thành văn-minh toàn hảo.

Vả lại phần quảng dân tri-thức, tập dân nghiệp-nghệ thì thầy Đại-pháp ta đã lãnh rồi, mà các đảng tân-học cũng sẵn lòng vừa giúp nữa. Còn phần giáo dân đạo-đức, mỹ dân phong-tục, nếu chư-tôn không lãnh thì biết cậy ai bây giờ?

Ở Cựu-học gia chư-tôn, một ngàn mấy trăm năm nay, dân-tộc ta nhờ học-thức Trung-hoa mà được tập thành tư-cách và được rõ nghĩa luân thường, chúng ta nhiệm đạo-lý Khổng Mạnh đã nhiều đời rồi, dầu nay muốn vùng vẫy thế nào cũng khó mà bỏ cho được; huống chi đạo-lý Khổng Mạnh là một đạo-lý cao thượng, nếu chúng ta chê mà bỏ đi, rồi phải nương đạo-lý nào mà cư xử.

Chư-tôn, con người sanh trên trái địa-cầu này, ai ai cũng phải lãnh một phần trách-nhậm, ai ai cũng là hội-viên của nhơn quần xã-hội. Chúng ta đây, nào là tân-học, nào là cựu-học, nào là phú-hộ, nào là điền-phu, chúng ta thấy đều là hội-viên của Á-pháp-lang xã-hội đó. Nay những đảng tân-học đã lãnh phần trách-nhậm giúp với Chánh-phủ mà khai hóa đồng-bang, chư-tôn há đành khoanh tay cáo từ chẳng chúc chi giúp ích cho đồng-nhơn sao?

Chúng tôi trộm thấy buổi này trong xứ ta phong-tục suy đồi, đạo nghĩa plế tắt. Những người nhiệt-tâm ái-chúng thấy đều chắc lười than thẳm. Thế thì một ngày kia dầu chúng ta học rộng tri cao đến bậc nào, cũng khó mà

hoàn mỹ được, nghĩ vì gốc yếu, dầu hay có ngọn mạnh bao giờ.

Chư-tôn, phận sự của chư-tôn ngày nay là lo đắp nền cho cao, bồi gốc cho chắc, dựng cho tân-học gia đứng vững mà luyện tinh thần cho kịch liệt đó. Vậy chư-tôn phải liệu thế nào, hoặc đặt sách vở mà dạy dân luân thường, hoặc viết nhật-báo mà nhắc dân đạo nghĩa. Quê-hương ta buổi này đồng cây tân-học và cựu-học vừa giúp đỡ bước lên đường tân-hóa. Vậy khuyên chư-tôn xét kỹ, phải ráng làm sao cho trách-nhậm vẹn toàn, đường ấy mới khỏi hổ cùng đồng thời tân-học đó.

LONGXUYỀN KHUYẾN-HỌC HỘI

Việt-Nam Chánh-Trị

Tiếp theo

TỔNG LÀNG

Trước tôi có nói mỗi tổng chia ra nhiều làng.

Làng là một phần đất quốc-gia hoan-vu mà có người qui tụ bà con, anh em đến xin phép chim cừ, ở ăn khai phá làm ruộng và đóng thuế cho Nhà-nước. Người ta thường kêu là thôn hay là xã.

Trong lúc ban sơ, làng mới lập chưa có dòng dân ở, thì thường thường người đứng làm đầu xin lập làng ấy, phải thọ lãnh chức Xả-trưởng mà cai trị. Người ấy đến ngày quá vắng rồi, thì Hương-chức trong làng tặng người là Tiên-hiền, dựng thiên niên qui-tế. Dần-dần dân đến ở trong làng đông, mới đặt thêm chức khác đặt phụ với Xả-trưởng mà trị dân cho dễ.

Làng là một người vô hình (personne morale), được hưởng đủ quyền-phép nhơn-sự (droits civils) như người ta vậy. Nhưng trừ ra có một điều là không được phép tự-chuyên bán tài-sản riêng mà thôi,

Làng đặt quyền quản-lý riêng, đặt phép định số thuế và thâu các sắc thuế; đặt dùng huê-lợi tư của bốn thôn mà làm các việc công-ích trong làng; nhưng phải giữ số binh-dịch cho đủ luôn luôn và phải lo việc tuần-phòng.

Chánh-phủ chẳng dự vào việc cai-trị trong làng. Trừ ra khi nào dân-sự đến quan mà kiện Hương-chức, thì quan mới xét và phân xử.

Việc trị thôn-xã cũng giống như việc trị gia vậ; thường cứ do theo phong-tục trong xứ mà thi-thố, chứ ít do theo lệ-luật. Vì vậy nên việc trị thôn-xã tỉnh này thường hay khác với tỉnh kia, không đồng một thể với nhau. Những người đặt lên đặt lo việc cai-trị trong làng kêu là *Hương-dịch* hay là *Hương-chức*.

Hương-chức chia ra Hương-chức lớn và Hương-chức nhỏ.

Hương-chức lớn lập thành Bàn-hội-tề đặt quyền bàn-nghị và phán-đoán trong các việc công-ích trong làng; còn Hương-chức nhỏ đặt ra để mà sai khiến và thi hành các việc của Hương-chức lớn bàn định.

Cử Hương-chức thì phải chọn những người có gia-viên điền-sản, cùng người thương-mại giàu có, hay là người thứ dân mà tánh chất hiền-lương và từng-trải việc đời, mà đặt lên.

Còn dân thì cũng phân ra làm hai hạng: dân thuộc bộ tục kêu dân bộ và dân ngoại bộ tục kêu dân lậu. Dân bộ thì phải đóng thuế đinh còn dân ngoại bộ thì khỏi đóng thuế chi hết. Dân ngoại bộ không đặt làm Hương-chức và dự vào việc làng.

Số Hương-chức trong các làng không có đồng nhất (uniforme), nhiều ít tùy làng lớn hay là làng nhỏ và cũng tùy phong tục bốn xứ.

Trong Thôn-hội (hiện kiêm kêu là Bàn-hội-tề), cần phải có vị Xã-trưởng hay là Thôn-trưởng, vị Hương-thần và vị Hương-hào.

Thường trong làng có một mình Xã-trưởng thì sự cử đặt phải trình cho quan tỉnh vuu-hứa (agréer) mà thôi.

Xã-trưởng hay là Thôn-trưởng là Tỉnh-dụng Đới-lý-nhơn (agent acéridité) của Chánh-phủ và Trung-gian-nhơn (intermédiaire) của làng và Chánh-phủ. Xã-trưởng phải thay mặt cho làng mà trình đơn trạng của làng cho quan trên, phải hiệp với Hương-thân, Hương-hào mà thị nhận đơn trạng và xác nhận thủ-ký (légalisation des signatures) của dân trong làng.

Tờ trát của quan trên thì gửi thẳng đến cho Xã-trưởng, nếu Xã-trưởng không lo thi-hành thì phải bị phạt. Cũng về phần Xã-trưởng chuyên lo việc tuần phòng trong làng. Luật định khi nào trong làng có án mạng chi hay là có trộm cướp, Xã-trưởng hay biết mà yêm-ần chẳng chạy tờ cho quan trên hay lập tức, thì Xã-trưởng có tội.

Xã-trưởng phải gìn-giữ sổ sách và các sắc bộ của làng với trát giấy của quan trên gửi đến, phải chuyên lo thầu thuế mà đăng vào ngân-khố. Hương-thân và Hương-hào phải giúp Xã-trưởng trong việc thầu thuế vụ.

Trên ba vị Hương-chức ấy, thì có Hương-cả, Hương-chủ, Hương-lễ, Hương-văn, Hương-sư, Hương-trưởng, Hương-chánh, Thủ-chỉ, Tham-trưởng, Hương-giáo, Hương-quan. Thủ-bồn, Thủ-bộ, Cai-dinh, Thủ-khoán, Câu-đương, v. v... Dưới thì có Lý-trưởng, Phó-lý, Phó-xã, Biện-lại, Cai-binh, Biện-dinh, Tri-lễ, Tri-khách, Cai-tuần, Cai-thị, Trùm-việc, Cai-lân, Ấp-trưởng, Trưởng, văn văn... Hễ làng lớn, công việc nhiều thì cử đông Hương-chức, còn làng nhỏ ít việc thì cử ít Hương-chức.

Trong làng, hễ khi nào có khuyết Hương-chức, thì Hương-chức tại vị nhóm nhau lại mà cử đặt người khác thế vị. Làm chức việc làng lâu mau không có hạn, cứ tùy phong-tục bốn xứ mà thôi. Làng hản thiết là một Tiểu-quốc của dân cử đặt người lên mà trị. Hễ dân đông chừng nào thì cử đặt đông thêm chức-việc chừng nấy.

Xã-trưởng làm mảng kỳ một năm thì dặng từ chức, song có nhiều người làm luông đôi ba năm, hoặc lâu hơn nữa cũng được. Mỗi người muốn làm Hương-chức lớn

trong làng, lệ buộc phải làm chức Xã-trưởng ít nữa là một năm.

Trong làng khi cử Xã-trưởng rồi, làm phúc bẩm chạy cho Cai-tổng: Cai-tổng trình cho quan Phủ hay là quan Huyện đăng gởi lên cho quan Bố-chánh phê. Quan Tỉnh phê rồi dạy quan Phủ, quan Huyện phát bằng-cấp và mộc-ký cho người mới cử làm Xã-trưởng ấy.

Ngoại việc xâu thuế, việc tuần-phòng, việc thi-hành tờ trát của quan trên cùng việc tế-tự trong đình miếu của làng, Hương-chức làng còn đăng phép phán-đoán những vụ nhơn-sự tầm thường mà dân đành ưng xin làng xử, và trong các vụ vi-lệ (contraventions).

Trong làng, dân muốn đem việc kiện thưa tới Hương-chức nào, xử tự ý nó chọn; các vị Hương-chức lớn đều đăng phép phán-đoán hết.

Các chức nhỏ, như Cai-lân, Trùm-ấp, đăng phép phạt đòn dân trong lân trong ấp phạm tội rầy lộn, mắng lộn với nhau, từ một roi tới 5 roi. Khi nào có đánh lộn mà không thương tích thì phải trình cho các chức lớn xử. Các việc tiểu-hình nhẹ cũng về các chức lớn tra xét và phán-đoán. Các chức lớn đăng phép phạt kẻ phạm-nhơn từ 10 roi đến 20 roi.

Trong các vụ nhơn-sự của làng phản xử, nếu tiên-cáo và bị-cáo không vưng lời làng dạy, thì đăng phép đến xin Cai-tổng xét lại, hay là đến kêu nại với quan Phủ, quan Huyện tùy ý.

Đến đem vụ kiện đến Cai-tổng xin xử thì tiên-cáo bị-cáo đều phải nạp mỗi đảng từ 3 quan đến 6 quan tiền tra-lễ; còn đem vụ kiện đến làng thì nạp từ hai quan đến 4 quan. Người nào đăng kiện, thì đăng rút tiền tra-lễ về, còn phần tiền của người thất kiện về người xử kiện thâu.

Bày tiền tra-lễ thế là chủ ý trước làm cho bớt tánh ham kiện thưa của dân, sau là đền đáp công khó cho làng tổng là người của dân đặt lên mà bảo chữa và trị nhau.

Đến đây đã dứt chương nói về Việt-Nam chánh trị từ đời Hồng-Bàng đến năm 1859 là năm Nhà-nước Đại-pháp đến chinh phục Nam-kỳ.

Trước khi tôi nói đến Việt-Nam chánh-trị từ ấy đến nay, tôi xin biên sơ lược ra sau đây một ít hàng về việc giáo dục trong nước, vì việc giáo dục cũng thuộc về việc chánh-trị.

Việc giáo dục

Trong nước Việt-Nam, quốc-dân ta trọng sự giáo dục hơn hết.

Tuy Chánh-phủ chẳng lập học-đường và chẳng buộc dân phải học, mà trong nước học trò đông lắm; nên số người biết chữ nhiều hơn người dốt. Chánh-phủ chẳng lập trường-học, mà trong mỗi làng đều có ít nữa là một cái trường. Ai muốn lập trường-học thì lập, Chánh-Phủ chẳng cấm. Thường mấy vị nho-sĩ hoặc không ham chen lấn vào đường hoạn-lộ, hoặc bị trái thời lở bước nên cam bề ăn khuất, cùng mấy vị Hưu-quan hay lập trường mà dạy dỗ con em trong hương xã. Thầy giáo dạy học trò không ăn tiền bạc chi hết, chỉ có thọ lễ vật của cha mẹ học trò dựng trong mồng năm, ngày tết mà thôi. Làm thầy giáo thì dặng trừ công-sưu và khỏi chưng binh-dịch.

Tại kinh-đô, Chánh-phủ có lập một cái học-đường kêu là Quốc-tử-giám, để cho con các ông Hoàng cùng con các quan Đại-thần đến đó học dặng đi thi. Trong các tỉnh sĩ-tử nào học cho thiệt tài-ba mần-thiệp cũng dặng vào trường ấy mà học.

Trong mỗi tỉnh có một ông Đốc-học (thuộc hàng quan lục-phẩm). Mỗi Phủ có một ông giáo-thọ, mỗi Huyện một ông Huấn-đạo. Ba ông này, tuy thuộc ngạch quan-trường, có thọ lương-bổng của Nhà-nước, mà Chánh-phủ không buộc phải dạy học trò. Ai muốn đến học với mấy ông ấy

thi học, chớ Chánh-phủ không ép. Mấy ông Đốc-học thường dạy mấy vị Cử-nhơn, Tú-tài học đặng vào thi trường Hội-thi tại kinh-dô.

Mấy người lập trường dạy học thường là người tuổi tác có vợ con hết. Học trò kính phục thầy như cha. Thầy đặng quyền trừng-phạt học trò như con vậy, cha mẹ học trò cùng trong hương xã ai ai cũng đều kính trọng mấy thầy giáo lắm. Vì vậy mới có nhiều người chịu ra lãnh chức ấy mà dạy dỗ con em.

Trong nước có ba hội thi : *Khảo-thi*, *Hương-thi* và *Hội-thi*.

1^o Trường *Khảo-thi*, mỗi tỉnh 6 tháng có mở một lần, đặng tuyển học-trò để vào trường *Hương-thi*. Những người thi đậu *Khảo-thi* thì đặng miễn công-sưu và binh-dịch trong một năm.

2^o Trường *Hương-thi*, ba năm khai một kỳ, cho các sĩ-tử trong năm ba tỉnh nhóm lại mà thi. Nội trong nước có năm trường *Hương-thi* : Trường *Bình-định*, *Thừa-thiên*, *Nghệ-an*, *Hà-nội* (trường này hiện kiêm đời qua tỉnh *Nam-định*, và trường *Giadinh*).

Thi đậu trường này thì đặng ban chức *Cử-nhơn* hay là *Tú-tài*, tùy thứ lớp cao thấp : Đậu trên thì đặng *Cử-nhơn*, đậu dưới thì đặng *Tú-tài*.

Ngoại kỳ 3 năm, khi nào trong nước có việc chi trọng đại mà đặng may mắn cho nhà vua và nhơn-dân hết thảy, thì vua đặng khai trường *Hương-thi* ngoại lệ.

3^o Trường *Hội-thi*, cũng 3 năm khai một kỳ, tại *Kinh-dô*. Có một mình mấy vị đậu *Cử-nhơn* rồi mới đặng vào thi trường ấy, đặng lãnh chức *Tấn-sĩ*.

Thi rồi mấy người đậu cao đặng dăng danh vào *Chánh-bản*, mấy người đậu kế đó đặng dăng danh vào *Phó-bản*. Còn mấy người không đậu, sau còn đặng vào trường *Hội-thi* khác mà thi lại.

Mấy vị dặng dặng danh vào Chánh-bản, dặng vào thi Đình-thi tại Triều. Trong hội thi này, thi bốn thân Đức Hoàng-đế ra đề. Vào Đình-thi 3 người đậu đầu, thi dặng bỏ đi làm quan Án-sát liên, 3 người kế đó cũng dặng bỏ đi làm quan tại trong Lục-bộ hay là đi làm quan Phủ liên. Còn lại mấy người sau đó phải đợi đến chừng nào có khuyết quan Phủ hay là quan Huyện mới dặng bỏ đi.

Xét lại cho kỹ, thì việc giáo dục trong đất Việt cũng thanh-hành lắm chớ chẳng không. Nhưng mà sao lại đường văn-minh, cuộc kỹ-nghệ và chốn thương-trường lại thua sút tha-ban lắm vậy?

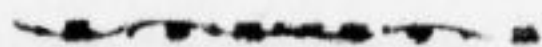
Theo ý-kiến siêng-lậu tôi, ấy là tại quốc-dân ta cứ chỉ noi theo sách Tàu và qui-cử của Trung-hoa mà học dặng tấn-hóa trong nền Đạo-đức mà thôi, chớ không có chuyên Hóa-học và Thiết-nghiệp.

Còn Nhà-nước không ép dân học, sao mà ham học lắm vậy? Vì trong cả và nước, dân-tộc ta đều kính trọng người nho-sĩ lắm. Dầu không vào đường hoạn-lộ, học rồi lui về chốn điền-viên mà vui thú quê mùa cũng dặng người kính-trọng yêu-vì vậy.

Lại học mà thi đậu, chẳng những mình dặng hiển-vinh mà thôi, còn làm cho cha mẹ và tông-tộc đều dặng hiển-vinh cả; việc ấy là một mối rất trọng đại trong nhơn-đạo và tử-đạo (*devoir de l'enfant*).

(Sau sẽ tiếp theo).

THÚC-THANH.



Đề-hình sự vụ

Cách truyền rao tờ trát đòi hầu

Những việc thuộc về Đề-hình phân ra làm hai loại : việc hình và việc hộ.

Về việc hình, thì phần quan Biện-lý làm trát, còn về việc hộ, thì phần quan Lục-sự làm trát.

Mà làm trát đòi ai ?

Về việc hình, thì đòi kẻ phạm phép và mấy người chứng, còn về việc hộ, thì đòi người nguyên-cáo, người bị-cáo và mấy người chứng.

Phép làm trát đòi người tranh-tụng trong một vụ nào, thì phải làm ra một bản chánh và một bản hay là nhiều bản sao, tùy khi có một người can-dự hay là nhiều người can-dự trong vụ kiện ấy. Bản trát chánh là bản để biên chung hết thấy mấy người tòa đòi hầu, còn bản sao để biên riêng từ người, mỗi người có can-dự mỗi bản.

Trong bản chánh và trong mấy bản sao, phải biên rõ ngày, tháng, năm, tên họ, chức-nghiep và chỗ ở của người nguyên-cáo, người bị-cáo hay là người chứng, lại cũng phải biên có-tích làm sao mà đòi hầu, đòi hầu tại đâu, ngày giờ, tháng, năm nào cho rõ ràng.

Khi trát làm xong rồi, thì quan Biện-lý hay là quan Lục-sự gửi thẳng cho Hương-hào làng nào đó, đăng dạy truyền rao.

Hễ được trát ấy rồi, thì Hương-hào phải bản thân đi đến nhà mấy người có tên trong trát mà giao mỗi người mỗi bản sao, bản sao nào thuộc về của ai thì giao cho nấy, chớ chẳng hề khi nào đăng gửi cho ai đi giùm cho đăng. Người nào lãnh bản sao phải ký tên vào trong trát chánh, chứng rằng: mình đã được trát ấy rồi. Nếu người ấy không biết viết, thì Hương-hào phải đo trong bản chánh. Khi mấy người tòa đòi đều có lãnh đủ mỗi người mỗi bản sao rồi, thì Hương-hào phải gửi trả bản chánh lại cho tòa lập tức.

Nếu Hương-hào không gặp người tòa đã đòi, mà giao bồn sao, thì phải giao lại cho bà-con hay là tôi-tớ ở trong nhà người ấy, song phải do việc giao đó trong bốn chánh, còn như kiếm người đó không được, lại không có ai ở nhà người đó mà giao trát, thì phải đem bồn sao thuộc về cửa người ấy mà dán tại nhà hội làng, rồi cũng do việc ấy vô trong bốn chánh mà gọi trả lại cho tòa trong 24 giờ.

Phép đòi kẻ tranh-tụng cùng người chứng đến hầu phải ra trát trước ít nữa ba ngày trọn, nghĩa là vì quan nào làm trát phải liệu độ làm sao cho, từ ngày người được trát đến ngày đi hầu cách xa cho dặng ba bữa trọn, ngày lãnh trát và ngày ứng hầu không kể vô truyền-kỳ (délai) đó. Ví dụ: trát đòi ngày mùng năm đến hầu, thì phải tính sao cho người đi hầu được trát ngày mùng một. Nếu ngày chót cái truyền-kỳ ấy là ngày chúa-nhật hay là ngày lễ thì ngày ấy không kể vô trong số ba ngày đã định trước đó. Ấy là khi nào người tòa đòi hầu ở xa tòa trong ba mươi ngàn thước trở lại, nếu người tòa đòi ở cách xa tòa từ 50 ngàn thước sắp lên 60 ngàn thước, thì truyền-kỳ phải thêm một ngày nữa là bốn.

Luật định như thế, là có ý muốn cho người nào tòa đòi, có đủ ngày giờ đến mà hầu.

Bởi vậy, khi quan tòa xử vụ chi, thì trước hết ngài phải xem xét trát chánh coi truyền rao có đủ ngày giờ như đã nói trên đó chẳng; như đủ ngày giờ mà người tòa đòi không ứng hầu, thì tòa xử khiếm diện ngay, còn như xét không đủ ngày giờ thì phải đình vụ kiện, rồi dạy gọi trát khác đòi lại. Khi ấy, quan tòa xét coi việc thiếu ngày giờ đó tại ai, nếu quả tại Hương-hào hay Chức-việc làng nào làm thế, để bề trễ, thì viên chức ấy, đã chẳng dặng lãnh tiền công, mà lại còn có khi phải bị buộc thường các sổ tổn và tiền thiệt hại cho nguyên-cáo hay là bị-cáo nữa.

Ấy vậy, phận sự làm Chức-việc lãnh phần truyền rao tờ trát phải ráng cẩn thận cho lắm, chẳng nên bề trễ mà làm cho làm lụy tiền tài mình.

(Sau sẽ cắt nghĩa việc truyền rao án)

**Luật định việc trừng phạt tội say rượu và
việc tuần tra mấy quán rượu**

(Tiếp theo)

ĐIỀU THỨ TƯ. — Phải bị phạt vạ từ một quan đến năm quan, chủ quán trà-phe, chủ quán rượu hay là chủ quán nào khác mà cho kẻ có mồi say rồi uống rượu thêm, hoặc rước kẻ ấy vào quán mình, hoặc cho kẻ thiếu niên chưa đầy 18 tuổi uống tinh-tửu (spiritueux) phiêu-tửu (liqueurs alcooliques).

Những người dưỡng bệnh tại mấy nhà thương nuôi bệnh điên khùng hay là tại mấy nhà thương của xã-hội nào lập ra để nuôi chứng bệnh ấy, luật tỹ như kẻ thiếu niên chưa đầy 18 tuổi vậy.

Nhưng rứa mà, chủ quán nào bị buộc về tội cho kẻ thiếu niên chưa đầy 18 tuổi hay là cho người bệnh ở nhà thương nuôi bệnh điên, uống tinh-tửu hay là phiêu-tửu (các thứ rượu mạnh) thì chủ quán ấy được lấy có chữa mình rằng: mình không biết tuổi đứa thiếu niên, hay là chẳng biết chứng bệnh của người đau, nên phải lằm. Nếu chủ quán dựng đủ bằng cớ ấy, thì khỏi bị phạt về khoản đó.

Mắc tội tái phạm là khi nào trong 12 tháng trở lại, kẻ vi-cấm (contrevenant) bị phạt cũng một tội như vậy nữa. Như tái phạm lần thứ nhất, thì bị phạt tù từ ba ngày trở lại.

Chú giải.— Từ điều thứ nhất tới điều thứ ba, thì luật định hình phạt kẻ say rượu, còn từ điều thứ tư trở về sau, thì luật định hình phạt chủ quán rượu.

Chiếu theo điều thứ tư đây, thì chủ quán nào thấy người ta có bộ say rồi, mà còn cho uống rượu thêm, hay là rước kẻ say vào quán hoặc dùng rượu mạnh (1) mà cho kẻ thiếu niên chưa đầy 18 tuổi uống, thì chủ quán ấy phải bị tòa tạp-hình phạt từ một quan dĩ chí năm quan. Nếu

(1) Rượu mạnh như rượu đế annam, rượu cỏ-nhắc, rượu rom, v.v.

chủ quán cho mấy người đau dưỡng bệnh nơi mấy nhà thương nuôi bệnh điên khùng (1) thì chủ quán ấy cũng bị phạt như vậy, vì luật coi mấy người mắc bệnh điên cũng như kẻ thiếu niên chưa đủ 18 tuổi vậy. Song luật có hơn không phạt chủ quán nào ruồi chẳng biết tuổi đứa thiếu niên cùng là chẳng rõ chứng bệnh điên khùng của người đau nên làm mà cho uống rượu (2).

Hễ chủ quán nào bị phạt vạ một lần đầu, mà trong kỳ một năm, còn phạm tội ấy nữa, thì phải bị phạt tù từ ba ngày trở lại.

ĐIỀU THỨ NĂM. — Phải bị tù từ sáu ngày cho đến một tháng và tiền vạ từ 16 quan đến 300 quan, chủ quán trả phe, chủ quán rượu hay là chủ quán nào khác, đã bị phạt hai lần rồi theo điều lệ trước đó, mà trong kỳ 12 tháng trở lại còn phạm một việc trái lệ dự định trong điều ấy.

Ai đã bị tòa sơ-hình phạt về tội vi-phạm một điều trái lệ nào (đã kể trên đó) trong kỳ 12 tháng trở lại, mà còn vi-phạm một điều trái-lệ như vậy nữa, thì phải bị phạt bậc chót cái hình dự định trong khoản trên đây, hình ấy có khi phải gia bội.

Chú giải.— Những chủ quán nào phạm một tội trọng trong ba tội kể trong điều thứ tư trước đây là: 1. tội cho kẻ say rượu uống thêm, 2. tội rước kẻ say rượu vào quán, 3. tội cho kẻ thiếu niên chưa đến 18 tuổi hay là kẻ đau dương dưỡng bệnh nơi mấy nhà thương nuôi bệnh điên khùng uống rượu mạnh thì lần đầu hết bị tòa lập-hình phạt vạ từ một quan cho đến năm quan; kể từ ngày

(1) Nội cỏ Đông-Dương, Chánh-phủ mới lập đặt một cái nhà thương để nuôi rông những bệnh điên khùng. Nhà thương ấy cất mới vừa xong tại tỉnh Biênhoa (Nam-kỳ).

(2) Muốn cho khỏi làm tuổi đứa thiếu niên, thì phạt làm chủ quán hễ thấy đứa trẻ nào vào quán uống rượu, thì phải hỏi tuổi nó, như có ngbi, thì hỏi bài thuế thân (18 tuổi sắp lên mới có đóng thuế thân) còn về chứng bệnh người đau, tưởng chẳng cần đợi gặp người mắc bệnh điên khùng, mới từ nang chẳng cho uống rượu, lý phải đừng bán rượu lẻ cho kẻ đau ốm uống tại quán, bất kỳ là bệnh gì. Sá chi một cái lợi nhỏ mà đành để hại cho một người đau.

bị phạt đó cho đến một năm, nếu phạm tội ấy một lần thứ nhì, thì bị tòa tập hình phạt từ ba ngày tù trở lại, kể từ ngày bị phạt lần thứ nhì cho đến một năm, nếu còn phạm tội ấy nữa, thì bị giải đến tòa sơ-hình phạt tù từ 6 ngày cho đến một tháng và phạt tiền vạ từ 16 quan cho đến 300 quan; kể từ ngày bị phạt lần thứ ba cho đến một năm, nếu còn phạm tội ấy một lần nữa là lần thứ tư, thì bị tòa sơ-hình phạt 3 tháng tù và 300 quan tiền vạ, có khi tòa phạt cho đến 6 tháng tù và 600 quan tiền vạ (cộng hết thấy là 2 án tòa tập-hình và 2 án tòa sơ-hình).

ĐIỀU THỨ SÁU. — Người nào bị hai án Tòa sơ-hình về một tội trong mấy tội đã dự định trong điều trước đây, thì trong cái án thứ nhì Tòa có phép cất những quyền hành đã chỉ trong điều thứ ba, lại Tòa cũng có quyền truyền đóng cửa quán chẳng quá một tháng, nếu chủ quán bất tuân, thì bị phạt tù từ 6 ngày cho đến sáu tháng và phạt tiền vạ từ 25 quan cho tới 500 quan.

Chú giải. — Bị hai án Tòa Sơ-hình nghĩa là : đã bị phạt bốn lần rồi : hai lần tại Tòa Tập-tụng, hai lần tại Tòa sơ-hình như đã giải nghĩa trong điều thứ năm trước đây. Trong án thứ tư đó Tòa cất những quyền hành người chủ quán là những quyền hành có kể ra trong lời chú giải dưới điều thứ ba, lại Tòa cũng có quyền dạy đóng cửa quán cấm buôn bán trong một tháng trở lại, nếu chủ quán nào chẳng chịu đóng cửa, thì Tòa phạt tù từ 6 ngày cho tới 6 tháng và phạt tiền vạ từ 25 quan cho tới 500 quan.

ĐIỀU THỨ BẢY. — Phải bị phạt tù từ 6 ngày cho đến 1 tháng và phạt tiền vạ từ 16 quan đến 300 quan, bất luận người nào cho kẻ thiếu niên chưa đến 18 tuổi uống rượu đến say.

Phải bị những hình phạt đã dự định trong điều thứ năm và thứ sáu, chủ quán trà-phe, chủ quán rượu hay là chủ quán bán đồ uống chi khác, trong kỳ một năm, kể từ ngày bị phạt về khoản trên đây mà chủ quán ấy còn phạm phép một lần vậy nữa, hay là phạm một hai điều đã định trong điều thứ tư.

Chú giải. — Theo điều thứ bảy này thì bất kỳ người nào, hề ai cho kẻ chưa dặng 18 tuổi uống rượu đến say, thì phải bị phạt tù từ 6 ngày cho tới một tháng và phạt tiền va từ 16 quan cho đến 300 quan.

Còn chủ quán nào cho kẻ thiếu niên uống rượu đến say thì cũng bị phạt lần đầu như vậy. Kể từ ngày bị phạt tội ấy cho đến một năm, nếu chủ quán còn phạm tội đó nữa, hay là phạm một điều nào kể trong điều thứ tư, thì phải bị những hình phạt định trong điều thứ năm và thứ sáu, nghĩa là bị 1 tháng tù và 300 quan tiền va, hoặc bị 2 tháng tù và 600 quan tiền va, lại có khi cũng phải bị cất những quyền hành đã kể trong điều thứ ba và bị đóng cửa quán, như bất tuân thì bị phạt tù thêm từ 6 ngày tới 6 tháng và tiền va từ 25 quan tới 500 quan (1).

ĐIỀU THỨ TÁM. — Cấm bán lẻ, bán chịu, hoặc rót ra ly, hoặc bán nguyên chai, uống tại chỗ hay là đem về nhà các thứ rượu kêu là tinh-tượu hay là phiêu-tượu.

Ai bán rượu trái điều cấm này, dầu có vào đơn đòi tiền bán chịu thì Tòa không thâu đơn.

Cũng cấm bán mặc cho kẻ thiếu niên chưa dặng 18 tuổi mua mà đem về nhà, nếu bất tuân thì bị hình phạt định trong điều thứ tư.

Chú giải. — Luật chẳng cho chủ quán bán chịu các thứ rượu mạnh, dầu bán lẻ uống tại quán hay là bán nguyên chai mua đem về nhà cũng vậy (2). Nếu chủ quán chẳng tuân cứ việc bán chịu, thì tuy luật không phạt chớ chủ quán ấy chẳng dặng phép kiện mà đòi tiền chịu đó.

Luật cũng chẳng cho chủ quán bán rượu mạnh cho kẻ thiếu niên chưa dặng 18 tuổi mua đem về nhà, dầu mua

(1) Luật để cho quan Tòa thông thả dặng lựa chọn mấy hình phạt định đó mà phạt kẻ phạm.

(2) Ấy là sợ người ta ỷ mua chịu được rồi uống vô độ vô lượng chẳng?

tiền mặc cũng vậy (1). Nếu chủ quán nào chẳng tuân khoản này, thì bị phạt từ 1 quan đến 5 quan tiền vạ, nếu vi-cấm một lần thứ hai thì bị phạt 3 ngày tù trở lại.

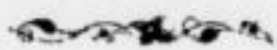
(Còn nữa)

XỬ-CUNG.

(1) Mình là người thành đinh muốn sai trẻ đi mua rượu mạnh cho mình thì phải biên giấy cho nó đi. Chủ quán có giấy mình rồi mới dám bán rượu cho kẻ ấy. Nếu không vậy thì mình phải bỏn thân đi mua mà uống. Luật gắt như thế một là sợ đưa trẻ thơ tập tánh uống rượu, hai có lẽ làm cực lòng kẻ thành đinh dặng giận mà bỏ rượu chẳng.



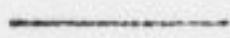
LÝ-TÀI KHOA



Đại-Việt tài nguyên



CHƯƠNG THỨ NHÌ.— CÔNG-NGHỆ



Đoạn thứ nhứt.— Nông-nghiệp Công-nghệ



SÚC MỤC

(Tiếp theo)

Theo những điều đã tỏ trong *Đại-Việt Tập Chí* số 3, thì Đông-Dương ta cũng là một xứ có nuôi thú vật, song chưa được lợi là vì nuôi chưa được nhiều đó mà thôi. Mà theo địa thế đã nói đó thì sự nuôi thú coi có mối dễ tin-tấn lắm. Súc mục là một cuộc cần nhứt của dân sự, bởi vì cuộc ấy là một mối lợi to tác của nước nhà. Ngày nay dân-tộc ta chỗ nào cũng lo tin-tấn nông-nghiệp đặng làm cho cuộc lý-tài trở nên rộng rãi. Vả nông-nghiệp thì cần phải có trâu bò. Nếu trâu bò ít thì khó mà khai phá ruộng đất cho nhiều được : bởi vì trâu bò ít thì tư nhiên giá phải mắc, mà hễ giá mắc thì nông gia phần nhiều làm sao mà mua cho nổi. Chẳng nói đâu cho xa, như ở Nam-Kỳ trong mấy tỉnh đất thuộc rồi, nông-gia phần nhiều phải mượn trâu mà cày, bừa, cộ, kéo. Ruộng làm lúa chẳng đặng bao nhiêu, mà trâu bò phải trả tiền mượn mắc, thì làm sao cho có lợi.

Phần thì trong Nam-kỳ dân số một ngày một thêm đông, còn tôm cá một ngày một giảm bớt. Quốc-dân ta lần lần phải dùng thịt heo, thịt bò mà tiếp dưỡng sự sống. Vả cá thịt là hai món cần nhứt của người Annam. Cá ít thì khó mà làm cho nhiều được. Còn bò heo là thứ mình làm thêm được, vậy mình phải nuôi thêm cho nhiều mà thế cho cá.

Sự nuôi thú vật chẳng những là giúp ích cho cuộc canh-diền mở đất và làm cho dân trong nước mua được thịt rẻ mà dùng, mà thôi, mà lại còn làm cho quốc-dân có thể bán thường thường cho các nước mà lấy lợi nữa. Mầu-Quốc ta trong lúc thái-bình thì thú vật trong nước có đủ dùng luôn luôn, khỏi mua của nước khác. Từ khi có giặc đến nay binh lính chiêu mộ nhiều. Mỗi ngày phải phát thịt cho lính luôn luôn, và phần thịt của lính ăn phải nhiều hơn phần của người thường ăn mới được. Bởi có ấy nên số heo bò trong nước dùng không đủ, Chánh-Phủ phải kiếm mua thêm của nước khác. Đã có thí nghiệm rồi, bò chở đi xa đường phải ốm, mất thịt rất nhiều. Đã vậy mà lại còn hay chết dọc đường nữa.

Đông-Dương ta dầu có heo bò nhiều muốn giúp cho Mầu-Quốc mà nuôi quân lính, thì phải lập lò giữ hơi lạnh luôn luôn mà hong thịt, rồi cũng phải sắm tàu có phòng lạnh mà chở đi mới được, chớ chở heo bò sống thì bất tiện vì tiền chở đã mắc, mà lại còn phải bị hao hụt dọc đường nữa. Mà lập lò lạnh và sắm tàu có phòng lạnh thì tốn hao rất nhiều, quốc-dân ta khó mà tính việc ấy được. Đã vậy mà muốn lập lò lạnh hong thịt thì phải có bò heo cho nhiều và phải có sẵn luôn luôn mới được, nghĩ vì một chuyến tàu đi sở phí rất nhiều, nếu không có thịt mà chở cho đầy thì chịu sở phí sao cho nổi. Mà Mầu-Quốc ta cần dùng thịt là phát cho quân lính trong lúc giặc giã này mà thôi. Một ngày kia chiến bại rồi, thú vật trong xứ đủ cho dân trong xứ dùng, không mua nữa, thì chủ lò thịt lạnh

phải kiếm mỗi hàng trong nước khác mà bán, lại càng gian nan hơn nữa. Ấy vậy sự bán thú vật cho Mầu-Quốc thì chúng ta không thể trông nom được.

Tuy vậy chợ Đông-Dương ta nếu có thú nhiều thì cũng chẳng mất mỗi lợi. Theo lời của ông Thù-Y *Sarazin* thì trong miền Cực-Đông này có xứ Hường-Cảng, Hạ-Châu và Lữ-Tống mỗi năm cần dùng mua thú vật rất nhiều.

Hường-Cảng đất hẹp mà dân đông nên thú vật nuôi không đủ cho dân-sự dùng. Trong năm 1915 Hường-Cảng mua của các nước :

Gà, Vịt, Ngỗng. . . .	9.720 đở (mỗi đở từ 50 đến 100 con).
Dê, Trừu.	13.979 con.
Heo.	77.022 con.
Bò.	7.830 con.

Trong năm 1914 Đông-Dương ta bán 2.722 con heo cho Hường-Cảng. Từ năm 1915 đến nay, Chánh-Phủ thấy thú vật trong xứ còn ít, không cho xuất dương nữa, nên không còn bán được.

Hạ-Châu là xứ mua thú vật còn nhiều hơn Hường-Cảng nữa. Trong năm 1914 mua đến 948.078 con bò và 1.088.679 con heo. Từ năm 1912 tới năm 1914 Đông-Dương ta mỗi năm bán cho Hạ-Châu chừng 5 000 con bò, giá đáng chừng 300.000 quan. Còn số heo từ năm 1909 tới năm 1914, lấy bậc trung, mỗi năm bán cho Hạ-Châu chừng 28.000 con, giá chừng 832.000 quan.

Lữ-Tống là một xứ đương lo khai phát nông-vụ, nên cần dùng mua trâu bò làm ruộng chứ không phải ăn thịt. Đã biết trong xứ Lữ-Tống thú vật nuôi cũng nhiều, song bệnh toi thường hay phá hại nên thú thường không đủ mà dùng trong cuộc mở ruộng. Lấy bậc trung mà tính thì mỗi năm Lữ-Tống mua của ngoại-quốc trâu bò cộng đến 42.000 con. Xin coi số sau đây thì biết trong số 42.000 con đó phần Đông-Dương ta bán là bao nhiêu.

Đông-Dương bán cho Lữ-Tổng :

THỨ	1909	1910	1911	1912	1913	1914
Bò.....	15.386	31.594	22.184	5.347	cấm	2.571
Trâu.....	4.961	15.965	11.567	5.348	xuất dương	1.583
Cộng.....	20.347	47.559	33.751	10.695	»	4.154

Ấy vậy trong 5 năm Đông-Dương ta bán cho Lữ-Tổng đến 77.082 con bò giá 4.724.920 quan và 39.424 con trâu, giá 3.548.160 quan.

Trong miền Cực-Đông duy có ba xứ nói trên đây mua thú vật nhiều. Còn xứ mà có thú vật bán là: Trung-Quốc, Đông-Dương và Xiêm-La.

Từ năm 1909 đến năm 1914, lấy bức trung, thì mỗi năm Trung-Quốc xuất dương 24.954 con bò và 220.531 con heo, còn Xiêm-La chừng 4.800 con bò và 9.830 con heo. Đông-Dương ta trước khi Chánh-Phủ cấm thì số thú vật xuất dương mỗi năm là:

Bò :

Năm 1909.....	15.529 con.
id. 1910.....	31.949 id.
id. 1911.....	22.196 id.
id. 1912.....	9.012 id.
id. 1913.....	3.586 id.
id. 1914.....	10.777 id.

Trâu :

Năm 1909.....	4.961 con.
id. 1910.....	15.967 id.
id. 1911.....	11.603 id.
id. 1912.....	5.378 id.
id. 1913.....	36 id.
id. 1914.....	1.621 id.

Heo :

Năm 1909.	7.476 con.
id. 1910.	9.848 id.
id. 1911.	31.422 id.
id. 1912.	75.073 id.
id. 1913.	40.456 id.
id. 1914.	14.018 id.

Ấy vậy trong sự bán thú vật cho ngoại-quốc thì Đông-Dương ta duy thua Trung-Quốc mà thôi, chớ hơn Xiêm-La xa lắm. Vả những xứ mua thú vật đều ở chung quanh nước ta. Đường đi chẳng xa bao nhiêu nên sự chở chuyên khỏi tốn hao nhiều và thú vật cũng không mất sức. Tuy vậy mà cũng chẳng gần thái quá, nếu con thú nào chở xuống tàu rồi lâm bệnh, thì trước khi đến mấy xứ ấy bệnh nó đã phát ra rồi dễ cho người ta biết mà nhốt riêng cho khỏi lây với thú khác.

Lấy những điều đã tỏ trước đây mà suy thì súc mục là một nguồn lợi rất to tác của nước ta. Vậy nên cần nuôi cho nhiều dạng:

1. Có thể bán rẻ cho nông-gia dùng trong cuộc mở ruộng;
2. Cho quốc-dân có thể mua được thịt rẻ dùng mà tiếp dưỡng sự sống;
3. Cho quốc-dân có đủ mà bán được cho các nước luôn luôn mà thu lợi.

Còn muốn số thú vật trong nước thêm cho nhiều thì yếu cần phải :

1. Có thú-y cho nhiều mà đặt cùng trong các tỉnh có nuôi thú dạng ngăn ngừa bệnh hoạn. Điều này Chánh-phủ đương trù-hoạch, có lẽ trong ít năm nữa đây những học-sanh nơi trường Thú-y tại Hanoi tốt nghiệp được nhiều rồi thì thành tựu được ;

2. Cấm nhặc đừng cho làm thịt bò cái chưa đúng tuổi hoặc có chữa. Điều này Chánh-phủ cũng đã có định lệ luật rồi, song dân sự hãy còn lén lút làm trái luật ;

3. Làm cho dân sự có thể bán thú vật cho dễ, nhưt là làm thế nào cho xứ Lào có đường thông qua Trung-kỳ và Bắc-kỳ cho nhiềuặng tiện bề bán thú vật;

4. Phát phần thưởng mà nông tri kẻ nuôi thú vật và khi nào thú vật bị bệnh truyền nhiễm mà hao hót thì chuần tiền mà cứu giúp;

5. Đưng cấm sự bán thú vật cho ngoại-quốc, song cũng đưng cho bán quá độ mà hết số trong nước.

Những lời luận trong đoạn súc mục này là luận về trâu, bò, heo mà thôi, chớ trong Đông-dương ta cũng còn nhiều thứ cầm thú khác nữa là: ngựa, dê, gà, vịt, ngỗng, thỏ, v. v. Ngựa trong Đông-dương ta xứ nào cũng có nuôi, song không có giống nào tốt bằng ngựa của các nước. Thường thường xưa nay người mình cho giống ngựa Bình-định, Nam-vang và Bà-ri-a là giống hay, song sánh với giống ngựa của họ thì hảy còn thua nhiều lắm. Ấy vậy dầu ngựa của mình mà nuôi được nhiều thì bất quá bán xăn bản cho trong xứ mình dùng mà cỡi hoặc kéo xe mà thôi, chớ không trông bán cho ai được. Quốc-dân ta nếu muốn tin-tấn trong nghề nuôi ngựa thì phải kiếm giống ngựa Á-rập (Arabe) hoặc giống tốt nào khác mà nuôi rồi cho nhảy ngựa xứ mình đặng đúc ra giống khác cho lớn con, cho có sức mạnh hơn mới được.

Còn bò sữa và dê, nếu trong mấy xứ núi nuôi cho nhiều được rồi lập lò lấy sữa nấu đồ vô hộp, làm như các nước thì mới có lợi. Cuộc công-nghệ này rất to tác. Hiện kiêm quốc-dân ta chưa thạo nghề ấy và chưa có vốn lớn thì chắc chưa tinh được, nếu quốc-dân ta muốn làm thì phải chung cọng với người Langsa làm mới nên việc.

Sự nuôi gà, vịt, ngỗng trong xứ ta nhắm thế dễ làm lớn được lắm. Vả gà thì chịu nuôi đất cao, còn vịt và ngỗng thì chịu nuôi đất thấp. Trong Đông-dương ta đất cao cũng nhiều mà đất thấp cũng nhiều. Vậy ở miền nào hiệp nuôi thú nào thì nuôi thú ấy cho nhiều, chắc phải

được lợi lớn. Theo lời đã tỏ trong đoạn *thực vật* thì trong xứ ta số bắp trồng nhiều đến đôi bán cho các nước mà cũng chẳng hết. Nếu quốc-dân ta dùng bắp dư ấy mà nuôi cầm thú thì bắp đã có chỗ dùng mà cầm thú lại được mập nữa; ấy là tính một việc mà lợi hai ngả, há chẳng đáng lưu tâm sao? Chớ nên nói gà, vịt, ngỗng, bò cày, nuôi nhiều sợ không chỗ bán. Xưa nay mỗi kỳ tàu chạy đều có chở giống ấy qua Hạ-châu. Nếu mình nuôi được nhiều thì còn bán cho Hường-cảng, Lữ-tống và Gia-hoa được nữa.

Ấy vậy cái vấn đề súc mục cũng là một vấn đề yếu trọng trong cuộc lý-tài kinh-tế. Trong nước nếu súc mục được tin-tấn thì chẳng những là ruộng đất mau mở man, dân sự tiện bề ăn uống mà thôi, mà lại còn có lợi về phần bán thú vật nữa. Quốc-dân nếu muốn xứ mình được phong-phú như các nước, thì chẳng nên bỏ qua một mảnh lợi nào cả; hễ thấy mỗi lợi thì phải nghiên-cứu thể nào dặng làm cho mỗi lợi đó được lớn thêm, đừng ấy cuộc lý-tài mới quản đại.

Quan Toàn-quyền ALBERT SARRAUT là đứng lão thành kinh-tế, ngài đã dòm thấy súc mục là một nguồn lợi lớn của xứ ta nơi miền Cực-đông này, nên ngài mới cấp cấp mở trường Thú-y tại Hà-nội thêm ra rộng lớn. Trong đời ba năm nữa đây, trong xứ ta sẽ có thú-y nhiều mà bảo dưỡng loài vật, chẳng còn lo binh hoạn nữa. Vậy quốc-dân chớ nên dãi dãi trong cuộc này, chớ nên bỏ mất phần lợi lớn mà uống.

(Sau sẽ tiếp theo)

BIỂU-CHÁNH.



Nông-nghiệp Tương-tế hội

(Tiếp theo)

Nam-Kỳ Nông-nghiệp Tương-tế hội chi lợi ích

Trong *Đại-Việt Tập Chỉ* số 3 tôi đã phân rõ căn-nguyên và chủ-nghĩa của hội Nông-nghiệp Tương-tế bên Đại-pháp và trong các nước văn-minh. Tôi tưởng đồng-bang hễ ai mà đọc bài ấy kỹ lưỡng rồi thì tự-nhiên rõ thấy hội Nông-nghiệp Tương-tế là một cuộc rất lợi-ích của nhơn-loại. Vậy nay tôi xin luận tiếp coi cuộc ấy có nên lập tại xứ ta chăng, rồi sau sẽ chỉ tới cách thế lập hội là thế nào cho những người hữu tâm công-ích nương theo mà thi thố.

Trong Nam-kỳ xưa nay những đấng thức-giã thường hay than phiền về sự đồng-bang không có bụng thương nhau, không biết giúp đỡ nhau, ôm lòng nghi-kỵ nhau. Có kẻ lại giận về sự mình làm đồ mồ hôi xót con mắt mới có được hột lúa, mà hễ lúa có rồi thì người thủ lợi hết một mớ. Có kẻ lại tức về sự quốc-dân tã mõi vật dụng đều đến chệt mà mua cả thảy, thậm chí cày, cuốc, tiêu, mè, đường, đậu, là đồ của mình làm ra, mà cũng phải đến tiệm chệt mà mua mới có. Có kẻ lại trách về sự bần chệt tiền bạc, không có đủ mà làm ăn, hễ rớ vay bạc chà Chetty thì chịu tiền lời rất nặn. Có kẻ lại than về sự vụng về chức-nghiệp, nói rằng mình chuyên nghề nông đã mấy trăm năm rồi mà lớp trước dùng cách nào thì ngày nay cũng còn dùng một cách ấy, chớ không biến cải một mảy chi cả.

Những lời than phiền ấy nghĩ thiệt trúng chớ chẳng phải lời nói hoang-đàng. Song xưa nay than phiền thì có than phiền, chớ chưa có ai bày chước chi mà trừ cho dứt mấy sự hại ấy. Những chủ-nghĩa của hội Nông-nghiệp Tương-tế tôi đã kể trong *Đại-Việt Tập Chỉ* tháng trước, xét lại có nhiều cái chẳng khác nào lá bùa hay đề trị bịnh của quốc-

dân ta đó. Nếu quốc-dân muốn trừ cho dứt những sự hại của mình thì chẳng kể chi hay hơn là lập hội Nông-nghiệp Tương-tế, rồi lựa rút trong những chủ-nghĩa ấy coi cái nào cần ích và thích hiệp thì lấy mà sắp vào, đừng ấy tự-nhiên mấy sự hại xưa nay thấy đều tiêu giải. Xin đồng-bang nghĩ đó mà coi, nếu dùng :

Chủ-nghĩa « *nghiên-cứu và bảo thủ quyền-lợi chung* » thì đồng-bang có diệp gần gũi nhau mà bàn nghị việc chung; hễ gần gũi lâu ngày thì lần lần biết yêu mến nhau, mà hễ yêu mến nhau thì tự-nhiên lo binh vực nhau, tự-nhiên hết nghi kỵ nhau, tự-nhiên muốn giúp đỡ nhau.

Chủ-nghĩa « *Thoát khỏi tay mấy người làm trung-gian cho mình bán đồ* » thì đồng-bang ai có lúa, bắp, cùng thổ sản chi khác đều đem để chung lại cho nhiều rồi hội giáo giá bán thẳng cho nhà đại thương, khỏi bị chẹt trả cao thấp mà đoạt lợi của mình nữa.

Chủ-nghĩa « *thoát khỏi tay mấy người làm trung-gian cho mình mua đồ* » thì hội mua tại gốc những đồ cho đồng-bang dùng, đừng ấy đồng-bang khỏi đến tiệm chẹt mà mua mắc.

Chủ-nghĩa « *tương-trợ tư-bồn* » thì đồng-bang dễ có vốn rộng mà làm ăn, khỏi hạ mình chiều lụy chà Chetty và cũng khỏi bị nó ăn lời cắt cổ.

Chủ-nghĩa « *nông-nghiệp chỉ phương châm* » thì đồng-bang có thể mà cải-lương nông-nghiệp cho được tin tấn như Nhứt-bồn, Gia-hoa (Java) và Miến-diện.

Ấy vậy nếu đồng-bang muốn trừ những lối hại mà chúng ta phiên trách tức giận bấy nay đó thì mỗi tỉnh đều phải thiết lập một hội Nông-nghiệp Tương-tế. Những hội ấy lập được nhiều rồi thì phải liên hiệp lại mà lập một *Nông-nghiệp Tương-tế tổng-cuộc*, đừng ấy mới có thể lực lớn mà bảo thủ quyền-lợi của nông-gia, đừng ấy mới có tri thức rộng mà quản khai lý-tài trong quê-vực.

Quan Tổng-thống Toàn-quyền *Albert Sarraut* khi ngài trấn nhậm Đông-Dương lần thứ nhứt thì ngài đã có lòng

muốn điều dắt quốc-dân ta vào đường lợi ích ấy. Bởi vậy ngày 8 Novembre 1912 ngài có ban hành một lời nghị cho phép quốc-dân Nam-Kỳ lập hội Nông-nghiệp Tương-tế. Tôi xin dịch lời nghị ấy ra đây cho đồng-bang rõ biết đặng chắc ý mà làm khỏi nghi ngờ trái phép.

*Nghị định ngày 8 Novembre 1912, về sự lập hội
Nông-nghiệp Tương-tế trong Nam-kỳ*

ĐIỀU THỨ NHẤT.— Quan Nguyên-soái Nam-kỳ được quyền cho phép những người bôn thổ lập hội Nông-nghiệp Tương-tế cho thể lệ định sau đây. Người được đứng lập hội là :

1°. — Những chủ điền, những người ăn huê lợi đất hay là người hưởng nhờ các thứ huê lợi điền thổ, hoặc bôn thân cày cấy, hoặc cho người khác cày cấy.

2°. — Những người coi ruộng đất, những tá điền tá thổ, những người bao tá, và hết thảy những nông-phu nào có cày cấy ít nữa là 5 mẫu đất và đã đứng bộ đình trong làng ít nữa là 5 năm.

ĐIỀU THỨ HAI. — Những hội Nông-nghiệp Tương-tế của người bôn-quốc thì chuyên lo cứu giúp nhau trong nông-vụ theo luật định như là : cho vay bạc, mua khí cụ, cải-lương và quản khai Nông-nghiệp, cùng là liệu cách thể mà làm cho nông-vụ trong xứ trở nên thanh phát.

ĐIỀU THỨ BA. — Những người đứng lập hội phải nạp điều lệ có quan Nguyên-soái phê chuẩn đủ phép và phải nạp một tờ biên tên họ những người lãnh phần cai-quản, đầu làm chức chi cũng vậy.

Điều lệ và sổ này thì nạp tại phòng-văn quan Đốc-lý thành-phố Saigon hay là Cholon tùy chỗ hội lập; còn trong các tỉnh, thì nạp tại phòng văn quan Tham-biện chủ-tỉnh. Mỗi lần đổi người cai-quản hoặc đổi điều lệ thì phải nạp cái khác.

Quan Đốc-lý thành-phố hoặc quan Tham-biện chủ-tỉnh phải gửi điều lệ ấy cho quan Biện-lý tòa sở tại xem.

Những người trong hội mà lãnh cai-quản hội thì phải :

(a) Thuộc dân Langsa, thành đinh và không có án tiếc.

(b) Chũ-diền, người ăn huê lợi đất hay là người hưởng nhờ các thứ huê lợi điền-thổ hoặc bồn thân cày cấy, hoặc cho người khác cày cấy, người coi đất tá điền, người bao tá, có cày cấy ít nữa là 5 mẫu đất và đứng bộ đinh trong làng ít nữa là 5 năm.

ĐIỀU THỨ BỐN. — Những hội Nông-nghiệp tương-tế của người Bồn-quốc lập theo thể lệ định trong lời nghị này, thì được phép thông thả hiệp với nhau lập tổng-cuộc mà nghiên-cứu và bảo thủ quyền lợi thuộc về Nông-nghiệp. Tổng-cuộc phải tuân theo thể lệ định trong đoạn thứ 2 điều thứ 3 trên đây mà trình tỏ tên các hội Nông-nghiệp nào hiệp mà lập thành tổng-cuộc ấy. Tổng-cuộc không được phép sắm vật bất động (vườn đất và cũng không được phép đi kiện hoặc hầu kiện tại tòa).

ĐIỀU THỨ NĂM. — Những hội Nông-nghiệp Tương-tế của người Bồn-quốc được quyền đi kiện hoặc hầu kiện tại Tòa. Cũng được phép dùng những tiền bạc của hội-viên chung đàu.

Nhưng mà không được phép mua sắm những vật bất động (vườn đất) nào khác hơn là chỗ để mà nhóm, để làm tàn thơ phòng và để mà dạy dỗ về Nông-nghiệp học vấn.

Hội-viên Nông-nghiệp Tương-tế hội được phép chung nhau mà lập một cuộc tương-trợ tiền bạc và phụ cấp dưỡng lão. Việc này làm khỏi xin phép, song phải tuân theo các thể lệ định trong lời nghị này.

Nông-nghiệp Tương-tế hội được thông thả mà thiết lập và cai quản một phòng biện-sự đặng mà chỉ vẽ cho hội-viên biết chỗ nào dùng nhơn-công và cho điền-chủ biết chỗ nào có nhơn-công.

Người ta được thỉnh mà hỏi thăm đặng phân đoán đều tranh-tụng cùng là giải quyết những vấn-đề thuộc nông-vụ.

Trong việc tranh-tụng ý-kiến của hội Nông-nghiệp Tương-tế thể nào thì tiền cáo bị cáo đều được đến xin coi, hoặc xin sao-lục cũng được.

ĐIỀU THỨ SÁU. — Trừ ra có lời buộc chi khác thì thời, chớ Hội-viên Nông-nghiệp Tương-tế muốn thời chừng nào cũng được, song hội được phép buộc phải đóng cho tất số tiền chung đậu trong năm ấy.

Hội-viên dầu xin thôi Nông-nghiệp Tương-tế hội, mà cũng còn được phép làm hội-viên hội tương-trợ tiền bạc và phụ cấp dưỡng lão luôn luôn, bởi vì hội-viên ấy trước đã có đóng tiền chung đậu mà lập cuộc ấy.

ĐIỀU THỨ BẢY. — Nếu tài-sản nào mua sắm trái thể lệ định trong điều thứ 5 trên đây thì quan Biện-lý tòa sở tại, hoặc người nào có can hệ đều được phép xin hủy sự mua sắm ấy. Hủy rồi thì tài-sản ấy trở về cho người bán hoặc cho kẻ kế-nghiệp, hoặc cho kẻ có quyền hưởng nghiệp của người ấy.

ĐIỀU THỨ TÁM. — Nếu có sự chi trái thể lệ định trong điều thứ 2, 3, 4, 5, và 6 của lời nghị này thì Tổng-lý và mấy người Cai-quản đều bị buộc theo điều thứ 291, 292 và mấy điều kế sau trong luật hình. Nếu có lời quan Biện-lý xin thì Tòa được rả hội và hủy những sự mua đồ bất động (vườn, đất) trái lệ định, trong điều thứ 5.

ĐIỀU THỨ CHÍN. — Những chủ đất, người coi đất tá-diễn, người bao tá. v. v. nào mà không phải gốc ở trong Nam-kỳ và ở xứ khác mà nhập khẩu thì không được vào những hội nói trên đây.

ĐIỀU THỨ MƯỜI. — Những hội lập theo phép cho trong lời nghị này thì thuận từng điều thứ 291, 292, 293 và 294 trong luật hình.

ĐIỀU THỨ MƯỜI MỘT. — Những thể lệ nào lập trước mà trái với thể lệ định trong lời nghị này thì hủy hết.

ĐIỀU THỨ MƯỜI HAI. — Quan Nguyên-soái Nam-kỳ, và quan Chưởng-lý đề-hình trong Đàng-dương, các tùy phạn sự, lãnh thi hành lời nghị này.

Saigon, ngày 8 Novembre 1912

ALBERT SARRAUT.

Nghị định này ban hành đã gần 6 năm rồi mà nội Nam-kỳ ở Mytho lập được một hội, ở Soctrang lập được một hội và tại Longxuyên vừa mới lập được một hội Nông-nghiệp Tương-tế mà thôi. Tuy cộng chung là ba hội; tại Mytho và Longxuyên hội lập theo nghị định ngày 8 Novembre 1912 trên đây, chứ còn tại Soctrang hội lại nương theo luật ngày 5 Novembre 1894, nghĩa là theo cách thức Langsa, Hội-đồng Cai-quản phải 2 phần người Langsa và có một phần người Annam mà thôi. Đã vậy mà hội Soctrang lấy có một điều «*Tương-trợ tư-bổn*» mà làm tôn-chỉ, chứ không lo chủ-nghĩa khác. Ấy vậy trong Nam-kỳ gần 6 năm mà lập được có 3 hội Nông-nghiệp Tương-tế còn bên Mầu-quốc ta từ năm 1884 tới năm 1890 cộng cũng là 6 năm mà lập tới 910 hội. Lấy hai cảnh tượng này mà so sánh thì thấy tri thức của quốc-dân ta thấp thỏi hơn người là dường nào.

Ai cũng biết chẳng phải quốc-dân ta không muốn tìm lợi và tránh hại. Bấy lâu nay quốc-dân ta mà lơ lửng nơi đường Nông-nghiệp Tương-tế, ấy là tại chưa hay biết những điều ích lợi, chưa thuộc quen cách đặt chương trình đó mà thôi. Tưởng ở đời ai có bệnh lại không muốn mau lành; bệnh của quốc-dân ta lâu lành đây là tại không biết thuốc. Chánh-phủ mà ban hành lời nghị ngày 8 Novembre 1912 đó là trao một toa thuốc hay cho quốc-dân ta. Vậy như quốc-dân muốn lành bệnh thì phải dùng toa thuốc ấy mới được.

Xin đồng-bang xét kỹ, theo lời nghị ấy thì những người điền-chủ, tá canh, bao tá đều được phép thông thả hiệp nhau mà lập hội Nông-nghiệp Tương-tế. Trong hội này chúng ta lại được phép đặt chủ-nghĩa về sự cứu giúp nhau như: lập thể dặng cho nhau vay cho nhẹ lời; hiệp với nhau mà mua đồ khi cụ dặng giá rẻ; chung với nhau mà bán đồ sản vật cho cao giá; bàn tính cùng nhau mà làm cho thanh phát nông-nghiệp, hoằng khai lý-tài, tập cách tương-tế nghĩa là chung mỗi người một ít mà cứu giúp nhau trong khi nghèo ngặt, hoặc trong lúc già yếu.

Đã vậy mà chúng ta lại được phép hiệp các hội Nông-nghiep Thương-tế mà lập ra một tổng-cuộc để lo bình vực quyền-lợi cho nhau và nghiên-cứu đều hay mà dạy nhau nữa. Chánh-phủ chẳng buộc chúng ta đều chi cả, duy biểu chúng ta hễ hội lập rồi thì phải nạp điều lệ và nạp sổ biên tên họ người lãnh phần cai-quản trong hội mà thôi.

Tôi tưởng nói bấy nhiêu đó đồng-bang cũng đủ biết sự lợi-ích của Nông-nghiep Thương-tế hội rồi và cũng đủ thấy có thể lập cùng trong Nam-kỳ ta được. Vậy xin đề qua kỳ sau tôi sẽ chỉ rõ cách thức lập hội ấy là thế nào đặng đồng-bang để hiểu cơ quan của Nông-nghiep Thương-tế.

(Sau sẽ tiếp theo).

HỒ-VĂN-TRUNG.

Khai-hóa chi phương châm

Quan Tổng-thống Toàn-quyền ngài diễn thuyết tại Đông-dương Chánh-phủ nghị viện hôm ngày 13 Novembre 1918 thì ngài có hứa sẽ lập một sở để nghiên-cứu mà sắp đặt đường sanh-huật cho người Annam và cách thực-dân nơi thuộc-địa. Ngài nói đến đâu thì làm đến đó nên ngày 1^{er} Janvier 1918 ngài có ban hành một lời nghị định lập sở này và ngài lại cấp bằng cho ông Rivet, là cựu Nguyên-soái Nam-kỳ, làm Quãn-đốc sở ấy.

Tôi xin dịch lời nghị ngày 1^{er} Janvier 1918 ra sau đây cho đồng-bang rõ thấy tài kinh-tế của quan Toàn-quyền và chào rước sự mở mang của quê-vực :

ĐIỀU THỨ NHỨT. — Định lập tại Tổng-thống Toàn-quyền phủ vụ một sở để kiểm đốc sự sanh-huật và cách thực-dân.

ĐIỀU THỨ 2. — Sở này chủ nghiên-cứu mà sắp đặt những việc kể sau này :

1^o Định cách dùng nhơn-công trong cuộc kỹ-nghệ và nông-nghiep ; định luật về đường sanh-huật ; định kiểm chỗ

dùng và định cách mượn tiền-công bòn-quốc : định cách dùng nhơn-công ngoại-quốc nơi Thuộc-địa.

2° Lo qui-tụ nhơn dân mà khai hóa mấy chỗ còn hoan-vu và giải-quyết những vấn-đề thuộc về sự nghèo khổ của nhơn dân.

ĐIỀU THỨ 3. — Quan Quản-lý làm đầu sở này được quyền đi cùng các chỗ mà xem xét tận nơi cho rõ ràng các việc và được quyền cậy các quan việc giúp-sức.

Cũng được quyền vẫn lai thơ tin với quan Tổng-thống Toàn-quyền với các quan Đốc-lý, các quan chủ-tỉnh cùng những người thay mặt cho các quan chủ-tỉnh.

ĐIỀU THỨ 4. — Quản-lý sở kiểm đốc sự sanh-huật và cách thực-dân được hưởng các điều lợi ích định cho quan viên theo trong lời nghị ngày 13 Février 1918, điều thứ 3, thuộc về sự bang cấp công xá.

Lại cũng được hưởng một số tiền phụ giúp định mỗi năm là 4.000 đồng bạc.

ĐIỀU THỨ 5. — Quan Thuộc-địa tổng Từ-hàng và quan quản lý soái phủ văn-phòng, các tùy phận sự, lãnh thi hành lời nghị này.

Nam-vang, ngày 1^{er} Janvier 1918.

A. SARRAUT.

Trong quê-hương ta xưa nay những làm công thường chịu thiệt-thòi nhiều nỗi. Hễ xách thân đi làm mượn thì cực khổ vô cùng. Chẳng nói chi trong việc làm, hễ gặp rủi ro vong thân hay là mang bệnh thì phải chịu lấy, thậm chí giờ làm việc cũng không định chắc, có kẻ bắt làm từ sớm mơi cho đến thiệt tối mò mới cho về.

Xứ ta là xứ thiếu nhơn-công, xưa nay nào nông-vụ, nào thiệt-nghiệp đâu đâu cũng than phiền về sự ấy. Tuy than phiền thì than phiền, mà không ai biết ái-truất, không ai muốn qui trọng nhơn-công, dẫu ấy thì làm sao cho

nhơn dân vui lòng mà chuyên nghề làm mướn. Chánh-phủ dòm thấy xứ ta còn phải khai hóa nhiều chỗ mà vấn-đề nhơn-công, là cái máy rất cần ích của sự khai hóa ấy, hãy còn hỗn-tạp lắm; bởi vậy Chánh-phủ mới ban hành lời nghị trên đây ngỏ dặng lập lệ luật mà bảo quyền-lợi cho nhơn-công, định cách thức dùng nhơn-công bôn-quốc và liệu phương chức mà chiêu tập nhơn-công ngoại-quốc.

Ai cũng đoán chắc rằng khi chiến bại rồi thế nào Đông-dương ta cũng phải khai quảng nông, công, thương chư môn dặng giúp với Mầu-quốc mà cạnh-tranh quyền-lợi. Quan Toàn-quyền ban hành lời nghị ngày 1^{er} Janvier 1918 đây, là ruồng đường trước cho Kỵ-nghệ và Nông-nghiệp xứ ta dễ bề tấn phát. Vậy chúng ta nên rập nhau mà cảm tạ ơn đây, xưng tụng trí rộng của quan Toàn-quyền là dấng Chúa-tể có lòng thương yêu dân Annam xưa nay chưa ai bì kịp.

Chẳng những quan Toàn-quyền chủ lo mở mang thiết-nghiệp và nông-vụ xứ ta mà thôi đâu; ngài lại nghĩ hiện kiêm dân-tộc ta đương vui thân nơi nước lửa mà vừa giúp cho Mầu-quốc kể hơn 6 muôn người. Vậy phải tính thế nào dặng khi chiến bại, mấy muôn người ấy trở về có sẵn chỗ mà làm ăn cho dễ. Quốc-dân coi lấy đó thì thấy ý ngài lo cho người Annam là dường nào. Ngài thường hay nói « *tri phòng bị nhiên hậu vi chánh* ». Nay ngài lập cuộc này thiết là chỗ nói với chỗ làm chẳng sai một mảy.

Đồng-bang! Quan Toàn-quyền đã muốn cho cuộc lý-tài trong quê-hương ta được rộng rãi, mà lại còn lo cho sự cùng khổ của quốc-dân ta tiêu tuyệt nữa. Ngài quyết hết lòng điều dắc quốc-dân ta. Vậy đồng-bang còn đợi buổi nào nữa mới dõ chơn lần bước vào đường công-cổ ?

BIỂU-CHÁNH.

Dùng máy cày ruộng

Trong xứ Nam-kỳ ruộng đất thì rộng, còn nhơn-công thì ít, bởi vậy nên khó mà mở mang những đất hoan-vu cho mau thành điền được.

Vả buổi này người cho là *cơ khi thời dợt*. Trong các nước văn-minh mỗi mỗi đều dùng máy cày cấy, đường ấy vật dụng mới làm được nhiều, ruộng đất mới mau mở rộng. Trong xứ ta nhơn-công đã ít mà xưa nay không chịu dùng máy như người thì làm sao mà sanh sản-vật nhiều cho dặng.

Chánh-phủ muốn tập quốc-dân ta dùng máy, nên mới xuất 40 ngàn quan tiền mà mua một cái máy cày ruộng dặng dùng thử cho quốc-dân ta bắt chước. Hôm ngày 25 Février 1918 đem máy ấy ra tại một chỗ đất không mềm lắm mà cũng không cứng lắm rồi móc một cái cày 4 lưỡi vào mà cày thử. Những người đến dự xem rất đông.

Theo lời ông Ng.-No trong báo *La Tribune Indigène* thì máy này mỗi ngày trọn 10 giờ đồng hồ cày được 5 mẫu đất. Còn sự tổn phí thì :

Tiền mua dầu sắn (essence).....	50 \$ 00
Tiền mướn người coi máy, tiểu công.....	1 40
Các việc tổn phí khác như : dầu nhớt, hư mòn, v. v.	7 60
Cộng	59 \$ 00

Lấy đó mà suy thì dùng cày máy mỗi mẫu đất tổn phí gần 12 \$ 00. Đã biết số này cũng chẳng phải mắc hơn tổn phí cày trâu là bao nhiêu và cày máy thì mau rồi hơn, bởi vì trâu mỗi ngày cày chừng 6 giờ đồng hồ mà thôi và cày được lối đôi ba công đất là nhiều. Nhưng vậy trong xứ Nam-kỳ đất chẳng đều nhau : ở miền hướng Tây đất còn sin súp, ẽ khó mà dùng máy cày cho được. Ở miền hướng Đông và miền trung-trương đất cao có lẽ dùng được. Ngặt trong hai miền ấy ruộng từ phía đều có bờ mầu, ẽ máy

khó treo ngan qua những bờ mầu ấy cho được. Đã vậy mà tại hướng Đông và trung-ương Nam-kỳ ruộng thành thực lâu rồi nên chia manh mún hết. Những điền-chủ ít người có một sớ đất lớn luôn một vạt, cho đến đôi dăm chịu tổn ba bốn chục ngàn quan tiền mà mua máy cày.

Chánh-phủ muốn cho quốc-dân ta dùng máy mà thể nhơn-công, ý đó thiệt cao thiệt tốt. Song sớ Nông-chánh phải nghiên-cứu thể nào làm cho tiện dụng và ít tổn hao hơn mướn nhơn-công thì quốc-dân mới ham noi theo mà dùng máy.

QUI-THÀNH.

Chợ bán thú vật

Thành-phố Saigon mới lập một cái chợ để cho nhơn dân đến đó mà mua bán thú vật. Chợ ấy cất nơi một miếng đất rộng lớn ngan trường đua ngựa, có đặt thú-y để điều dưỡng những thú có bệnh, lại có sấm chuồng mà nhốt, sấm hồ để cho uống nước, sấm cân đặng buôn bán cho dễ.

Thú vật đem đến giờ nào cũng đặng; trong 4 ngày đầu Thành-phố nuôi không ăn tiền, đến ngày thứ 5 sắp về sau mỗi ngày:

Ngựa, lừa, bò, trâu phải trả mỗi con..... 0 \$ 20

Ngựa con, bò con, trâu nghé, trừa, dê, heo
phải trả mỗi con..... 0 \$ 10

Hôm ngày 11 Mars 1918 thì khai thị, song người bán người mua không được đông. Lấy làm tiếc cho người mình chưa hiểu chỗ lợi ích trong cuộc này.

Thành-phố Saigon lập chợ thú vật đây là có ý muốn cho đồng-bang ta tiện bề mua bán. Xưa nay khách-trú làm trung-gian đến nhà mình mua thú vật đem về bán lại cho người mình mà lấy lời. Thành-phố thấy sự ấy nên chẳng kể tổn hao, xướng ra lập chợ thú vật cho mình khỏi thất lợi. Nhà-nước còn lo giữ quyền-lợi cho mình như thế, huống chi mình sao lại chẳng biết giữ quyền-lợi của mình. Rất tiếc thay! rất buồn thay!

THỨ-TÊN.

Đệ-huỳnh tranh luận*(Tiếp theo)*

Nguyễn-Đệ chẳng nghe lời anh, lấy 5 ngàn đồng bạc rồi từ giả anh chị và vợ xuống tàu trẩy sang Pháp-quốc. Vì Nguyễn-Đệ là người chí độ lớn lại ít ham chơi nên qua Pháp-quốc ở trọn một năm đi gần giáp các thành, các chợ làm quen cùng mấy hãng lớn, mấy xưởng to. Khi trở về đến Nam-kỳ tuy tuổi đã nhẹ bạc tiền, mà óc chứa đầy học thức.

Nguyễn-Đệ vào nhà anh chị và vợ rất vui mừng. Com nước xong rồi bèn xúm nhau lại mà trò chuyện.

HUYNH — Em lược biển bằng ngàn một mình như vậy thiệt anh ở nhà lo sợ hết sức.

ĐỆ. — Thừa anh, có hại chi đâu. Mỗi chuyến tàu có một hai ngàn người đi chớ phải một mình mình sao mà sợ.

HUYNH. — Nghe nói lúc này có giặc, tàu-lặn sao đó nó hay bắn tàu chìm hoại.

ĐỆ. — Việc ấy cũng có, song một hai khi nó thừa lúc đêm tối hoặc sa mù làm lén vậy, chớ mỗi chiếc tàu thơ, tàu buôn đi thì có chiến thuyền đưa, tàu lặn ít dám lại gần lắm.

Vợ ĐỆ. — Thầy ba, thầy qua bên thấy những công việc chi đâu thuật nghe thử coi thầy.

ĐỆ. — Tôi ở tại Đại-pháp một năm trường thấy đủ các cơ-xảo tài-trí của người văn-minh hết. Bây giờ muốn thuật lại thì phải một năm thuật mới rồi.

Vợ ĐỆ. — Đâu thầy nói mấy việc đại-khái nghe thử coi mà.

ĐỆ. — Được, nếu nói sơ những điều đại-khái thì dễ. Để tôi thuật lần cách học-vấn của họ cho anh chị và em nghe. Tôi qua tới Paris bữa trước thì bữa sau tôi gặp một ông giáo-sư khi trước có dạy tôi học nơi trường Bồn-quốc bên này. Ông ấy về di linh bị đạn cục tay nên ở Paris mà

đường binh. Ông có dắt tôi đi coi các bậc học-đường, từ trường cao-đẳng đến trường hạ-đẳng, bên Mầu-quốc ta có luật buộc mỗi người phải có bằng cấp tiểu-học đặng biết đọc, biết viết, biết bút toán chút đỉnh hết thảy. Xứ người ta làm như vậy dân mới khôn chớ. Trẻ nhỏ đưa nào muốn lớn làm giáo-sư thì vô mấy trường sư phạm. Trường sư-phạm cũng có đủ bậc: sơ-học, trung-học và đại-học. Còn đưa nào muốn học các nghiệp khác thì trước hết phải học lãnh cho được bằng cấp tú-tài rồi mới được vào hoặc trường thuộc-địa chánh-trị, hoặc trường pháp-luật, hoặc trường võ-bị, hoặc trường y-khoa, hoặc trường thương-mại, hoặc trường nông-nghiệp, hoặc trường chuyên-môn tập-nghệ, hoặc trường chức-nghiệp, hoặc trường kiểu-lương, vân vân...

Tôi có đi coi các trường ấy hết và tôi lại cũng có đi coi các tân-thor viện, thấy có nhà chứa sách tới mấy triệu cuốn để cho nhơn-dân ai muốn coi đến coi thong thả.

Tôi thấy công cuộc người ta tổ chức như thế đặng làm cho toàn mỹ lối học-vấn trong nước, rồi tôi nhớ đến sự giáo-dục trong quê-hương mình thì tôi buồn vô cùng.

HUYNH. — Có cái chi đâu mà buồn em. Nước mình cũng có giáo-dục vậy chớ.

ĐỆ. — Ai lại không biết có, song sự học của mình là học đặng ngũ cho yên giấc, còn sự học của người là học đặng rộng mở trí khôn

HUYNH. — Em cứ chê dè nước mình hoài, tội nghiệp thì thôi. Em nghỉ lại coi có cái học nào quý báu cho bằng học đạo đức nữa em.

ĐỆ. — Phải chi thiên hạ cả thảy đều học đạo đức như mình vậy thì tốt. Ngặt mình nằm mà lo đạo đức còn họ thì đứng mà thuyết lợi-quyền mới tức cho chớ.

HUYNH.—*Nhơn nghĩa nhi dĩ hĩ, hà tất viết lợi.* Cái tin thần của đạo nho thì chủ làm cho vững cái gốc; rễ gốc yêm ẩm chắc chắn rồi thì tự nhiên ngọn nhánh phải sanh tốt, ấy vậy rễ trong nước mỗi mỗi đều làm nhưn nghĩa thì tuy không lo lợi mà cũng có lợi vậy chớ.

Đệ.— Anh hai này, những ngũ-kinh, tứ-thơ đó Tây họ kêu là sách triết-học Đại-pháp có nhiều bộ sách triết-học rất thâm-diệu huyền-viễn cũng như ngũ-kinh của mình vậy, song những sách ấy từ bậc trung-học sắp lên mới cho học, nghĩ vì lời nói đạo đức ý tứ cao sâu thì người học phải dư trí mà xét nét mới thông hiểu được chớ. Em coi lại thuở trước sự giáo-dục trong xứ mình thật cách lắm anh. Trẻ nhỏ chưa hiểu chi hết mà bắt nó đọc sách triết-học thì nó hiểu sao cho thấu; bởi vậy có đứa chừng lớn khôn, nhớ chừng một hai câu sách học khi trước rồi hay vịnh nường lấy đó làm mục-dịch mà cư xử, nên không thích hiệp với thời nghi. Còn có đứa học được nhiều rồi chừng lớn lại ưa làm dạn thánh hiền, không chịu chen đua vòng thiệt-nghiệp. Anh coi cách học như vậy làm sao mà tấn-hóa theo thói văn-minh kịch-liệt đời này cho được.

HUYNH.— Em nói vậy sao phải. Thế nào cũng phải nường đạo đức làm gốc chớ. Nước văn-minh mà phong-tục tồi bại, còn nước giả-mang mà luân-thường thuần mỹ thì thà anh ở nước giả-mang chớ không muốn ở nước văn-minh.

Đệ.— Anh luận thiệt cao, song anh phải biết có nước văn-minh nào mà không tu đạo đức bao giờ. Hồi này em nói bên Mâu-quốc từ bậc trung-học sắp lên mới cho học triết-học. Ấy là nói triết-học, chớ còn phận sự làm con dân, trong quê-hương, phận làm con người trong xã-hội, cùng các mối cang thường luân-lý thì lối tiểu-học người

ta đã dạy rồi, song cách dạy phong-hóa chẳng phải người ta lấy sách xưa ý tứ cao sâu mà cho con nít đọc thuộc lòng như mình vậy, người ta dùng lời ví dụ, chỉ gươm tốt, bầy thối xấu, làm cho con nít dễ cảm-hóa mà lánh dữ theo lành.

HUYNH. — Nếu dạy như vậy thì được, mà theo ý anh anh muốn sao trong xứ mình đây Nhà-nước dùng sách nho mà tập phong-hóa cho trẻ nhỏ, bởi vì anh thấy có nhiều ông mắc học theo 'phổ-thông' mà quên hết lễ-nghi làm cho mất thói cư xử lịch sự của xứ mình xưa nay.

ĐỆ. — Ý anh muốn như vậy thì hiệp với ý em lắm.

VỢ ĐỆ. — Sao thầy khuyến khích biểu học theo tây, bây giờ thầy lại chịu lấy sách nho mà dạy trẻ nhỏ.

ĐỆ. — Không phải vậy đâu em, ý anh thì muốn cho quốc-dân ta lấy ý vị thâm trầm của đạo nho mà tập thành nhơn-cách ở trong, rồi học bát-vật hóa học của Mầu-Quốc mà đúc nắn cần-lực ở ngoài, dường ấy mình mới gồm đủ cả tân văn-minh và cựu văn-minh được.

Tôi về mời tới còn một quá, thôi cho phép tôi nghỉ rồi tới tôi sẽ thuật tới cách ăn ở, cuộc công-nghệ và trường thương-cổ cho anh chị và em nghe.

(Sau sẽ tiếp theo)

CỎ-NGUYỆT TRANG



Đông-Dương Hoả-luân thuyền

Lời thông-báo của Chánh-Phủ ngày 22 Mars 1918

Đông-dương Chánh-phủ nghị-viện nhóm buổi sớm mới này hồi 9 giờ. Có quan Tổng-thống Toàn quyền tọa chủ.

Nghị-viện nhóm đây là nhóm mà xét về phỏng lời nghị của Chánh-phủ định lấy trong kho dự-trữ ra một số bạc một triệu bốn trăm sáu chục ngàn đồng (1.460.000 \$), dâng mà lập tại Saigon chế-tạo cuộc (sở Ba-son) một chỗ đóng cho được tàu buôn chở nổi ba ngàn rưởi tấn.

Quan Toàn-quyền có tỏ hiện trạng về những tàu của Đông-dương mua, và tại có nào mà giao những tàu ấy cho Mầu-quốc điều dụng. Ngài cũng có trình những diễn-tín của quan Thuộc-địa bộ Thượng-thor tỏ rằng người rất vui lòng cho quan Toàn-quyền lo cuộc Đông-dương Hoả-luân thuyền cho thành tựu.

Về sự đóng tàu thì quan Toàn-quyền có nói rằng, chẳng những ngài tính đóng tại sở Ba-son Saigon mà thôi, mà ngài còn tính đóng tại hảng của ông Porchet ngoài Hai-phong nữa. Đã vậy mà trong Nam-kỳ đương lo dùng thử xi-mon và đá mà đóng tàu (như bên Huê-kỳ) nên có lẽ còn tính đóng tàu thế ấy nữa.

Ông de Monpezat và các nghị-viên khác bàn nghĩ kỹ lưỡng rồi thì cả thấy đều ưng chịu lời nghị ấy.

Hảng chế tạo đồ chơi bên Nhứt-bồn

Nhờ có chiến cuộc nơi Âu-châu, nên các hảng chế tạo đồ của trẻ nhỏ chơi bên Nhứt-bồn trở nên thịnh vượng lắm. Khi trước những đồ của trẻ nhỏ chơi trong toàn cầu thì phần nhiều là đồ của Đức-quốc làm. Trước khi có giặc mỗi năm Đức-quốc bán đồ chơi cho các nước đến 90 triệu quan. Ngày nay một trăm phần không còn một, vì Nhứt-bồn đã chìm cả mối lợi ấy.

Sự thành vượng trong cuộc chế tạo đồ chơi của Nhựt-bồn cũng nhờ duyên cớ khác nữa. Máy hăng làm đồ chơi không cần phải vốn lớn. Đã vậy mà các nước giao-chiến cùng các nước trung-lập thấy đều chuyên chế tạo binh khí mà bán không hay lo tới việc khác. Nhơn công của Nhựt-bồn mướn rẻ và thợ của Nhựt-bồn xảo thủ nên dầu nước nào muốn làm đồ chơi rồi tranh bán với Nhựt-bồn cũng phải thua.

Xin xem số bán đồ của Nhựt-bồn trong năm 1914 và năm 1915 biên sau đây rồi mới rõ thấy cuộc công-ngệ ấy thành vượng là thế nào.

TÊN NƯỚC MUA ĐỒ	NĂM 1914	NĂM 1915
Trung-Hoa	229.463 yển	204.353 yển
Quần-Đông.	33 259	43 443
Hương-Cảng.	178.189	179.582
Ấn-Độ	281.862	510.674
Hạ-Châu.	91.403	56.098
Lữ-Tống.	27.827	78.319
Anh-Quốc.	332.167	1.596 648
Pháp-Quốc.	15 296	14 581
Thuộc-địa Hà-Lang.	83 409	93 332
Huê-Kỳ.	828 889	1 100 709
Ca-na đa (Gia nã-đại).	42 715	96 497
Út-đại-lợi-á (Australie).	73 945	524 075
Các xứ khác.	186.481	138.176
Cộng.	2.424.885 yển	4.533 486 yển

Mỗi một yển của Nhựt-bồn tin ra tiền tây là 5 fr. 16. Lấy số này mà suy thì trong năm 1915 Nhựt-bồn làm đồ chơi mà bán thu lợi gần bằng hai số năm trước.

(Rút trong Cực-dòng Thương cuộc toàn chí).

BÁT-HỌC KHOA

Pháp luật

THƯƠNG VỤ LUẬT LỀ (Tiếp theo)

XÃ HỘI (SOCIÉTÉ)

Hội ước chi tổng luận

Hội ước là gì ?

Hội ước (contrat de société) là một cái tờ của hai người hoặc nhiều người làm ra mà giao ước với nhau rằng: mỗi người phải để chung vào một phần hùn đặng làm việc chi cho té lời mà chia với nhau. Mà việc tính làm đó cho hiệp pháp nghĩa là làm việc chi đừng phạm luật cấm, đừng trái phong tục tốt.

Theo cái lời giải dịch đó, hễ ai muốn lập một cái hội-ước nào, cho khỏi lệ luật bắt bẻ, cho được hiệu nghiệm, thì trước hết người hội-viên phải ưng thuận với nhau, phải có đủ nhưn quyền mà lập hội và có ý lập hội ra để làm một việc chi cho hiệp pháp (1) sau nữa phép lập hội-ước phải có đủ ba cơ riêng kể ra sau đây mới được.

1. *Mỗi người phải để chung vào một phần hùn* (apport réciproque). — phần hùn ấy hoặc tiền bạc, hoặc của cải chi khác, hoặc tài nghề riêng của người hội-viên. Thí dụ: ba người muốn lập một cái hội-ước đặng buôn bán, người thứ nhứt, để vào một phần hùn 1.000 \$; người thứ hai, không có bạc mà có một sở ruộng mỗi năm huê-lợi chừng 500

(1) Ba đều ấy muốn rõ cho cùng lý, chờ lúc tôi giải luật hộ tôi sẽ chỉ rành.

gia, người đó giao hết huê-lợi mỗi năm cho hội thâu góp, còn người thứ ba, đã không bạc lại không ruộng đất, duy có tài nghề buôn bán giỏi, người thứ ba đó chịu đứng buôn bán không, không ăn tiền công, rồi chung niên, như cuộc buôn bán có té lợi bao nhiêu thì chia ra ba phần bằng nhau.

2° *Hùn hiệp cho té lợi mà chia* (des bénéfices à réaliser). — Trong việc hùn hiệp với nhau, chẳng những lo tránh cho khỏi lỗ vốn mà thôi, như cuộc bảo hiểm cộng-tế (1) mà lại phải tính sao cho có lờiặng chia với nhau. Việc chia lời cho ai bao nhiêu thì do theo các khoản trong hội-ước, nếu trong hội-ước sót khoản đó, thì luật định phần ai hùn nhiều thì lãnh lời nhiều, ai hùn ít thì lãnh lời ít.

3° *Lợi công cộng* (un intérêt commun). — Phép lập hội, chủ ý để cho té lợiặng cộng hưởng với nhau, ai hùn nhiều thì được hưởng nhiều, chớ chẳng hề khi nào được giao kết rằng : một người hội viên nào được choán hết phần lợi, hoặc chịu hết phần hại một mình.

Có mấy thứ xã-hội ?

Có hai thứ xã-hội, một thứ kêu là dân-hội (Société civile) ; còn một thứ kêu là thương-hội (Société commerciale).

Muốn cho biết hội nào là dân-hội, hội nào là thương-hội, thì phải xét coi hội ấy làm những việc chi, nếu hội nào chuyên làm những việc thuộc về thương-nghiệp (2) là cái việc làm cho vận-động tài-nguyên và tư-bồn, thì

(1) Bảo hiểm cộng-tế (assurance mutuelle) nghĩa là cuộc hùn hiệp với nhau, đặng giúp nhau trong cơn nguy hiểm. Ví dụ : một bọn nông-phu, nhằm cuộc làm ruộng không chắc ăn, nên hùn nhau lại, mỗi năm mỗi người xuất ra một số bạc hay là một số lúa mà để dành đó. Năm nào ruộng, một hai người bị thất mùa thì hội lấy số bạc hay là số lúa ấy mà cấp cho. Trong việc hùn đây không có ý vì lợi, duy lo cho khỏi hại mà thôi.

(2) Những việc ấy có kể sơ trong Tập Chí số 2, nơi trang 159, sau còn kể thêm cho rõ.

hội đó là thương-hội; còn hội nào lập ra không việc ấy, thì thuộc về dân-hội. Thí dụ: hội lập mà mua bán điền-thồ, hoặc lập mà khai thác các khoáng kim, đó là dân-hội.

Tuy vậy mà có luật ngày 1^{er} Août 1893 định rằng: bất kỳ hội nào hề lập ước theo thể hình thương-hội, như: tập-danh hội, nặc-danh hội, tâm-thể hội thì luật sắp về thương-hội hết thảy.

Mà phân biệt dân-hội và thương-hội có ích chi chẳng?

Sự phân biệt hai thứ hội đó cần phải biết lắm, vì nó khác với nhau như sau đây:

1^o Phép lập thương-hội phải làm hội ước dầu số vốn chẳng quá 150 quan cũng vậy, lại phải bố cáo cái hội-ước đó cho thiên hạ hay.

Còn phép lập dân-hội, thì chừng nào số vốn quá 150 quan mới làm hội-ước, mà hội-ước ấy không cần bố cáo.

2^o Trong thương-hội người quản-lý có quyền hành rộng, được tự chuyên thay mặt cho các hội-viên mà giao dịch cùng thiên hạ.

Còn trong dân-hội, người quản-lý trong mỗi việc phải đợi hội-viên bang quyền mới được hành sự.

3^o Trong thương-hội hết thảy hội-viên đều phải chung cùng với nhau mà giữ lời giao ước của hội (như thiếu nợ phải chung nhau mà trả).

Còn trong dân-hội, việc chung cùng đó, phải có dự định trong hội-ước; bằng chẳng vậy, thì hội-viên nào hứa việc chi với ai, hoặc làm thốn thiếu của ai, thì về phần hội-viên ấy giữ lời hứa, hoặc trả nợ một mình mà thôi.

4^o Khi thương-hội không đủ tiền mà trả nợ thì bị đảo-sản (khánh tận) hoặc là bị tính toán tài-phản.

Còn dân-hội hề hết tiền trả nợ thì bị phá-sản nghĩa là bị chủ nợ thi hành biến mãi hết thì thôi.

5^o Mấy người hội-viên trong thương-hội có việc tranh-tụng với nhau thì đem đến tòa thương-vụ mà xin xử; còn những việc tranh-tụng xảy ra trong dân-hội thì phải đem đến tòa hộ phân đoán.

6. Kể từ ngày hội bị giải-tán rồi, nghĩa là rã hội, mà hội-viên hãy còn thiếu nợ của hội, nếu hội-viên ấy thuộc về thương-hội thì người của hội hay là người tòa cũ để lo tính toán việc sổ sách, phải đòi nợ ấy trong kỳ năm năm, nếu để quá kỳ đó, thì không dặng đòi nữa; như hội-viên còn thiếu tiền của hội mà hội ấy là dân-hội, thì người lo việc tính toán sổ sách của hội được đòi tiền người hội-viên thiếu nợ đó, trong hạng ba mươi năm trở lại.

7. Thương-hội luật gọi là một người vô hình (personne morale) có một vị quản-lý thay mặt mà hành sự; còn dân-hội thì có khi luật cũng cho là người vô hình vậy, có khi lại không cho.

Mà luật gọi một cái xã-hội là người vô hình là có ý chi chăng?

Khi nào luật cho là người vô hình thì có nghĩa như sau đây:

1° Những tư-bồn mà hội-viên hùn vào hội thì thuộc về hội làm chủ, hễ ngày nào hội ấy chưa giải tán, thì hội-viên chẳng hề được dùng tư-bồn ấy theo ý mình, duy được hưởng tiền lời mà thôi, cũng như một người dờn-bà Annam chồng chết có để diên-thổ lại, người dờn-bà ấy nếu thủ tiết, thì được hưởng huê-lợi trọn đời mà thôi, chớ của cải đó thuộc về con làm chủ hết.

2° Tư-bồn của hội là vật bảo chứng (Gage) cho người chủ nợ của hội, nếu hội bị giải tán thì chủ nợ của hội chiếu giấy tờ mà lấy số nợ trước hết; chớ mấy người chủ nợ riêng của hội-viên chẳng được xen vào mà chia.

3° Nếu có một người chủ nợ của hội mà thiếu nợ của một người hội-viên nào, hoặc người ấy thiếu nợ của hội mà đã làm chủ nợ của một người hội-viên nào, thì khi hội giải-tán rồi, người đó chẳng hề khi nào được trừ cần, thiếu của ai phải trả, ai thiếu lại thì đòi mà thôi.

4° Khi có việc kiện thưa đến Tòa, thì Tòa đòi người quản-lý của hội đi hầu, chớ chẳng đòi mỗi người hội-viên.

(Sau sẽ tiếp theo)

ĐỊNH-CHÍ,

Địa-lý học (Tiếp theo)

VỎ TRÁI ĐỊA-CẦU

Như đã luận trong bài trước đây, thì cái vỏ trái Địa-cầu bề dày đồng-đặc chừng năm sáu chục ngàn thước trở lại mà thôi.

Mà giống chi thành ra cái vỏ đồng-đặc ấy?

Nếu xét cho kỹ, thì thấy có hai thứ khoáng tầng (roches) tạo thành cái vỏ ấy.

1° Kim-thạch-tầng (roches éruptives) chứa những vật cứng như các thứ đá, các thứ thuộc kim. Thuở ban sơ vẫn là hơi bị lạnh nên hóa ra đá, hoặc là hơi trong ruột trái Địa-cầu bị hỏa-sơn khạc ra thành kim-thạch đó.

2° Tra-địa-tầng (roches sédimentaires) chứa những vật mềm như vôi, cát, đất, muối, làn vật các loại, phần nhiều là những vật trong nước lỏng lại, rồi đóng trên mặt trái Địa-cầu, tục kêu là đất bồi.

Người ta phân biệt tra-địa-tầng ra làm bốn lớp.

1° Đệ nhứt địa-tầng. — (Terrains primaires) là lớp đất hóa sanh trước hết, bề dày bằng đệ nhị và đệ tam địa-tầng nhập lại. Người ta đào trong lớp đất đó, thì gặp những tàn-vật như là vỏ sò ốc biển, xương cá, thang đá (1).

2° Đệ nhị địa-tầng (terrains secondaires) là lớp đất hóa sanh kể lớp đất trước, trong ấy người ta gặp thêm nhiều tàn-vật khác như là xương thú thủy-lục (2), xương chim, nhiều thứ sò ốc khác hơn các thứ gặp trước, và lại gặp một thứ cây khác thuộc loại cây tùng, cây bá (conifères).

(1) Nguyên xưa là cây thuộc loại cây rau Dớn (fougères) mà lớn lắm, nằm dưới đất kính thiên khí, lâu năm nên thành thang đá.

(2) Thú thủy-lục là thú đã thở dưới nước và thở trên mặt đất đều được hết, như loại sấu, loại cua, loại ếch, v. v.

3. Đệ tam địa-tầng (terrains tertiaires) là lớp đất kể lớp thứ nhì; người ta gặp trong ấy gần đủ các thứ tàn-vật: các loài cầm-thú, xương và vỏ các loài thủy-tộc, các loại thảo mộc, người ta lại gặp nhiều dấu tích chỉ rằng: lúc hóa-sanh lớp đất này, thì hỏa-sơn thanh phát. Từ đó đến ngày nay, trên mặt trái Địa-cầu có mòi bớt dòi dôi nữa.

4. Đệ tứ địa-tầng (terrains quaternaires) là lớp đất trên hết, mình đương ở bây giờ đây, lớp đất này không thấy khác lớp đất trước, duy có gặp thêm xương loài người ta và các thứ khí-cụ của loài người dùng cũng trong lớp đất này, song chẳng biết chắc là bao lâu nay, trái Địa-cầu bị hồng-thủy tàn hại, làm cho nhiều thứ thú lớn: như con mammoth (giống voi mà lớn hơn) bị tuyệt giống. Từ khi hết hồng-thủy đến nay, thì không còn thấy dấu chi chỉ rằng các loài sanh vật còn thêm bớt nữa.

Nhờ những tàn vật người ta gặp trong các tầng đất đó, nên mới quyết đoán rằng: trước hết Tạo-hóa sanh các loài động vật có vỏ, kể đó sanh cá, sanh cây, sanh các loại thú cầm, sau rốt hết mới sanh loại người. Từ khi có loại người đến nay chẳng thấy Tạo-hóa sanh vật chi mới lạ nữa, tuy vậy chớ chưa ắc những loài động vật mình thấy ngày nay đó được vĩnh cửu, vì cuộc đất hầy còn đương biến hóa chưa định.

* *

THIÊN KHÍ (atmosphère)

Thiên khí là cái bầu không khí bao bọc trái Địa-cầu. Cái bầu ấy bề dày chẳng biết là bao nhiêu, nhưng mà người ta biết chắc là kể từ mặt đất sắp lên mười ngàn thước thì không khí hầy còn chứa đủ dưỡng-khí (1) nghĩa là đến mười ngàn thước bề cao, người ta hầy còn thở được, từ đó sắp lên dưỡng khí trở ra thừa thớt chẳng đủ mà nuôi sống sanh vật đặng. Mới đây, người ta dùng ba-lông để

(1) Trong không khí, có nhiều thứ khí tập thành: nhưt là dưỡng khí (oxygène) đạm-khí (azote) và hơi nước sau giải hóa-học thì sẽ chỉ tách chất mấy thứ khí đó.

máy vô trổng, rồi cột giây thả bổng lên trời mà độ không khí, nên người ta biết được không khí lên tới 18 ngàn thước bề cao; ngoài số ấy ắt còn không khí nữa, song chẳng biết được đến đâu mà cùng.

Trong không khí, có một thứ khí kêu là Ô-thuần khí (Ozone) cũng là thuộc loại dưỡng-khí. Khí ấy ít và mỏng thì không có màu chi, mà nếu nhiều, thì nó có màu xanh miết. Bởi tại khí ấy, cho nên chúng ta thấy cái bầu bao chung quanh chúng ta có màu xanh miết, gọi là bầu trời, chớ thật tình chẳng có ông Trời nào hết;

Vạn vật trên trái Địa-cầu đây mà sống được, thì cũng nhờ có không khí mà thở, nếu một mai, bởi có chi, không khí ấy tuyệt, thì phải tận thế (1).

PHONG (gió)

Ai ai cũng biết trời gió, song chẳng biết tại có nào rồi đặt đều nói rằng: có ông thần làm gió, hoặc có cái hang núi nào đó thổi ra. Chớ thật gió là bởi không-khí vận-động mà sanh. Sự vận-động đó chỉ tại khí-hậu không chừng, nghĩa là tại trời nóng, lạnh không đều mà hóa sanh gió.

Muốn thí nghiệm, hãy châm chỉ xem một cái nhà cháy. Lúc trời đương bình-tĩnh, hễ ruồi nhà cháy thì thỉnh-linh thấy gió nổi lên. Những người chẳng rõ có tích trở lại trách trời sao ô bất-nhơn, nổi gió cháy cho mau, làm cho chữa lửa chẳng kịp. Còn có kẻ, có học chút đĩnh, nói: hỏa sanh phong, song có hỏi tới, thì không biết sao mà giải nghĩa.

Nguyên duyên có nó như vậy: không khí, hễ nóng thì nhẹ, mà hễ nhẹ, thì bay lên trên cao. Lúc lửa cháy, không khí nào ở tại chỗ cháy và ở gần bên ngọn lửa, đều bị nóng, trở ra nhẹ hơn khí chung quanh nó phải

(1) Thường thường trong mấy cái đuôi sao chổi có một thứ khí tạnh hay rút dưỡng khí dạng hóa ra một thứ khí khác. Bởi đó, nên trong năm Canh-tuất (1910) lúc sao chổi Halley gần hiện, thì mấy nhà Thiên-văn đều sợ hãi, vì trong đuôi sao chổi ấy người ta biết chắc có nhiều thứ khí hay rút dưỡng-khí. Mà may thay, sao chổi ấy đi cách xa trái Địa-cầu nên mới vô hại.

bay lên, bởi đó mình mới thấy mấy ngọn cây ở gần chỗ lửa điều động rồi mình nói tại hơi lửa, chớ thật là khi nhẹ thổi lên đó. Hễ khi nóng và nhẹ bay lên rồi, thì chỗ nó ở khi trước phải trống, tức nhiên khi lạnh ở chung quanh gần lối đó phải bay vào mà thế chỗ trống, rồi lại trở ra nóng, ra nhẹ bay lên nữa, khi lạnh khác chung quanh bay vào. Mà khi nóng nhẹ đó nó bay đi đâu ? Lúc nó bay khỏi hơi lửa rồi thì nó trở ra lạnh lại rồi nó bay xuống mà thế mấy chỗ trống của khi lạnh bỏ mà bay vào lửa thế cho nó khi nãy. Bay đi, bay lại vận chuyển như vậy cho đến chừng nào lửa tàn hết mới định lại như trước. Nếu ai có ý mà coi, thì thấy lúc lửa cháy chẳng phải một ngọn gió thổi vào đám lửa mà thôi, lúc đó, gió bốn phía đều thổi vào hết thảy. Như tháp bốn góc bốn ngọn đèn, thì thấy ngọn đèn nào cũng ngó vào chỗ lửa cháy.

Còn một phép nữa thí nghiệm rất dễ hiểu hơn: hãy lấy một cái thùng bằng cái tử vậy, khoét hai lỗ trên nắp, một lỗ trên đầu, một lỗ ở dưới. Cắm trên mỗi miệng lỗ mỗi cây đèn cây. Trong thùng thì nhóm một bếp lửa rồi khép nắp thùng lại để mà coi hai ngọn đèn. Khi bếp lửa trong thùng cháy, tức thì thấy ngọn đèn trên đang ra như có người ở trong thổi ra, còn ngọn đèn dưới lại đang vô, như người ở ngoài thổi vô. Bởi có sao vậy ? Như đã cắt nghĩa trước đây, khi trong thùng bị nóng bay lên kiếm đường mà ra, gặp lỗ trên chung ra làm cho ngọn đèn đang ra. Khi khi nóng đi rồi, trong thùng trống, khí lạnh ngoài thùng phải bay vô mà thế, song không có ngã vô, gặp cái lỗ mình khoét sẵn, chung vào làm cho ngọn đèn phải đang vô.

Hỏa sanh phong là vậy đó.

(Sau tôi sẽ cắt nghĩa trời gió)

LƯU-NGUYỆT-TRANG.

Đại-pháp văn-minh lược biên

(Tiếp theo)

Nước Langsa phong kiến chư-hầu.

Từ khi ông quận công Hugues Capet lên tức vị làm vua nước Langsa trong năm 987 thì trong nước phân ra chẳng biết bao nhiêu là thực-ấp. Mỗi một thực-ấp thì có một vị hầu cai trị, nguyên là người có công với nhà vua, nên vua phong hầu và chia đất.

Theo lễ phong hầu lớp ấy, thì trước khi ra trấn nhậm phần đất của vua bang, thì mỗi vị hầu phải đến trước mặt vua, quì gối xuống, hai tay nắm hai tay vua mà thề rằng: trọn đời trung tình.

Phận làm chư-hầu phải trợ chiến với vua khi vua xuất chiến, giúp vua trong việc hành chánh và phải triều kiến vua khi vua có việc tuyên triệu; còn phận vua, thì phải binh vực chư-hầu trong khi chư-hầu bị ai hiếp.

Tuy lệ định phân minh như vậy, mà chư-hầu, lúc còn thiếu sức, thì mỗi mỗi đều tuân lệnh vua, đến khi có đủ binh quyền mạnh rồi, thì ngoài mặt tuy chịu nhìn vua là chúa, chớ trong lòng chẳng kiên phục chút nào. Trong địa-phận mình muốn làm chi thì làm, lại đặt ra có bồi-phần riêng để theo phục sự và hộ vệ mình.

Bởi vua lớp đó không có quyền lực đủ mà trị chư-hầu, cho nên thường thường chư-hầu cạnh-tranh quyền-lợi với nhau mà sanh giặc giả liêng năm,

Theo phép thuở đó, hễ vị hầu nào muốn đánh với một vị hầu khác, thì trước hết phải sai sứ đi khêu chiến. Cách khêu chiến thì là vị đi sứ phải lột bao tay bằng sắt mà liện dưới chơn vị hầu nghịch, hoặc nhờ lông áo làm bằng da con huỳnh-thử-lang (hermine) mà trao cho vị hầu đó. Ấy là dấu khinh khi. Hễ hai bên giao chiến rồi, thì đánh với nhau cho đến tan nát nhà cửa, binh gia chết hết mới chịu hòa.

Thuở đó phe giáo đạo Gia-tô cũng mạnh mẽ vậy. Mấy vị giáo chủ cũng xưng hầu, xưng bá, cũng có binh quyền đủ để phòng chống cự với quân nghịch. Duy đồ binh khí, chẳng dùng gươm đao mũi nhọn, chỉ dùng là trái chì và những vật đánh chết mà không có máu, ấy là sợ giết người chảy máu mà phạm luật cấm của nhà thờ. Mà phe giáo đạo được mạnh mẽ đó, cũng nhờ nhơn dân lúc ấy tin đạo. Phe ấy vì được lòng dân, lại thấy sự chiến đấu làm cho khốn khổ loài con người, nên mới bày ra lệ cấm chư-hầu mỗi tuần lễ bốn ngày, chẳng được đánh giặc, ấy là muốn bớt việc chiến tranh. Tuy vậy mà có nhiều vị hầu bất tuân, chẳng luận là ngày nào, hễ nhắm dèo đánh thắng thì kéo binh đi đánh; kẻ bị đánh chẳng lẽ nhin thua, cho nên rút lại rồi việc cấm cũng như không.

Qua đến nửa thập thế kỷ, giặc giả giầy cùng trong nước Langsa làm cho thành quách tiêu-diêu, ruộng vườn tan nát, nhơn dân bị cơ hàng chết đói vô số; ngoài chợ bán thịt người, còn trong rừng, trú đầy những người ăn thịt người. Đã vậy mà binh dịch khí lại thanh phát làm cho dân số càng mau hao nữa.

Khi ấy, phe giáo đạo động lòng ra sức khuyên cang chư-hầu bãi chiến đặng giảm cái sự khốn khổ của dân. Chư-hầu mỗi sức phải nghe theo, đồng lập thệ cùng nhau rằng: 1° mỗi tuần lễ, từ chiều bữa thứ tư cho đến sớm mai bữa thứ hai và nhất là trong mấy ngày lễ lớn, phải đình chiến; 2° chẳng được phá tán nhà thờ và đất thánh; 3° không chém giết những thầy giáo đạo và kẻ nông-phu. Minh thệ ấy gọi là “Thần mạng chi hưu chiến” (Trève de Dieu).

Nếu vị hầu nào đã có thệ như vậy rồi mà sau trái lời thệ ấy, thì phải bị phạt vạ, nếu không chịu phạt vạ, thì giáo-chủ khi tuyệt (1) (excommunier) nghĩa là đuổi

(1) Thuở đó, người bôn-đạo nào mà bị nhà-thờ khi tuyệt thì đến đời vợ con, tòi tở trong nhà cũng ghét bỏ không muốn nhìn, còn ngoài nhơn thì mắng nhiết coi như kẻ nghịch với nhơn loại, có khi họ khiến thầy ma mà quăng vào nhà chò bỏ ghét. Bởi vậy, nên bôn-đạo sợ sự phạt đó lắm.

ra khỏi đạo và bị chư-hầu hội công đồng mà xử lưu xử hoặc xử trảm.

Phe giáo đạo lại còn bày một phép đề phong tước mãnh-tướng (Chevalier) có ý buộc tình thân-ái chư-hầu, vì con cháu vị hầu nào được phong tước ấy, thì dầu nghèo, dầu giàu, dầu sang, dầu hèn đi nữa, cũng được trọng đồng một thể thống. Phép ấy diễn sơ như vậy: con cháu vị hầu nào trước khi xuất trận lần đầu, phải đến nhà-thờ mà sám-hối (confesser) lãnh thánh-thể (communier) và làm lễ, rồi thì có một vị hầu mặc chiến phục cho, đeo cho một cái thích-mả-cự (1) (éperon) bằng vàng, ấy là dấu riêng phân biệt mãnh-tướng. Lúc thọ lãnh binh khí cầm tay thì người được phong mãnh-tướng phải hứa giữa nhà thờ rằng: sẽ dùng binh khí ấy mà giúp đỡ kẻ yếu đuối và binh vực người bị hiếp đáp.

Xét cho kỹ, cái phép ấy có ích là gì: nó làm cho con người đã có hùng khí lại có nhân-tâm. Dân Langsa nhờ đó mà có chi anh hùng trước hơn dân các nước. Hiếp đáp đờn-bà cùng là kẻ yếu đuối, thấy kẻ ấy lâm cơn nguy cấp mà không ra ơn tế độ, đánh giết kẻ nghịch mà không cho hay trước, hoặc thừa cơn kẻ nghịch chẳng đề phòng, dụng mưu thần chú quỷ mà hại người, cả thấy là những điều người Langsa coi như nhục lắm. Nếu ai phạm mấy điều ấy, thì đủ cho công chúng Langsa cho là quân phản-bạn.

Về việc công đường lớp ấy, thì còn mọi rợ lắm: trong mùa tranh tụng, việc nào rớt lại, nếu chùng dẫu sức, cũng dẫu gươm; về việc hộ, nếu ai đánh thua thì thất kiện; về việc hình, ai đánh thua thì phải bị xử tử. Như việc tranh tụng thuộc về của đờn-bà, con nít cùng là mấy thầy giáo đạo, thì mấy người ấy được mượn người ta đánh thế. Nếu người đánh thế cho mình mà thua thì cũng như mình đánh thua, khi ấy mình cũng bị lệ buộc như đã nói trên đó vậy.

(1) Mũi chông người cỡi ngựa hay đeo sau gót giày để mà thúc ngựa đi.

Ấy đó là việc xử đoán nơi chốn công đường. Còn những việc tranh tụng xảy ra trong bốn đạo của nhà thờ, thì giáo chủ cứ lấy bằng có giấy tờ mà luận đoán chớ chẳng hề dùng nước, lửa, hay là gươm đao mà tra. Bởi phép xử đoán của nhà thờ hay và công bình, cho nên lần lần vua và các quan thấy đều bắt chước theo mà trị dân.

Còn về việc lệ thứ thì phân ra làm hai bậc : bậc qui-tộc là giòng giống mấy ông công, hầu, bá ; còn hết thấy chúng dân thì thuộc về tiện-dân.

Bậc tiện-dân lại phân làm hai thứ : dân làm ruộng và dân nô-lệ. Dân làm ruộng được thông thả cái thân sanh, song phải ở tại ruộng mà làm cho chủ là mấy ông hầu, mỗi năm phải đóng thuế cho chủ bao nhiêu, còn bao nhiêu được xài phí tự-ý. Còn dân nô-lệ bị khổ khắc như loài thú, chủ muốn bắt làm chi phải vâng, bằng trái lệnh thì bị phạt, bị chém giết.

Những chợ-búa, cầu-kỳ, các nẻo đường trong thực-ấp, như dân muốn đến đó thì phải đóng thuế trước (ấy là tiền mải lộ); làm cho đến việc hôn như cũng phải đóng thuế, khi nào người trong thực-ấp muốn đi cưới vợ trong ấp khác.

Chư-hầu thuở đó có quyền hành vô cùng như thế, cho nên cái thân làm dân rất khổ vô cùng: lúc chinh chiến phải ra chịu đường thương mủi đạn, lúc thái-bình lại bị khổ khắc trăm bề.

(Sau sẽ tiếp theo)

THI-CỒ AM.



ĐÔNG TÂY THỜI VỤ

Âu-chiến lược sử

Trước ngày khai chiến, thì Đại-pháp cứ giữ phép, giảng binh cách ranh tám ngàn thước. Ngày 6 Aoút, binh mới riết đến Lo-ranh, đoạt hai làng Vic và Moyenvic. Lúc ấy những người Langsa ở các nước khác, nghe tin khai chiến liền xuống tàu về nước từng quân hơn mấy ngàn người. Dân nước Tỹ-lợi-thì và dân Nga-la-tur ở tại nước Langsa cũng bương bả ai về nước nấy đăng nhập ngũ.

Nước Langsa và Hồng-mao hiệp lực mà đương cự với A-lơ-măn tại mặt trận phía Tây, còn phía Đông thì có Nga-la-tur. Ngày 4 Aoút 1914, hai vị tướng quân Langsa sang qua Anh-quốc mà nghị định việc chinh chiến. Hai vị ấy đến Anh-quốc, thì dân Anh-quốc rất vui mừng, tiếp rước cách sang trọng.

Hai nước nhứt định như vậy: tại Bắc-hải thì hai đạo chiến thuyền Langsa và hết thủy chiến thuyền Hồng-mao phải nhập lại rồi giao cho Thủy-sư Đề-dốc Hồng-mao điều khiển, còn tại Trung-hải thì giao cho Thủy-sư Đề-dốc Langsa là Bu-ê đờ La-bây-re (Boué de Lapeyrère) cai quản các chiến thuyền trong biển ấy.

Ngày 7 Aoút, nước Hồng-mao chở binh qua nước Langsa mà tiếp chiến. Anh-quốc cũng là một nước cứng cỏi. Đại Thống-soái là Hoàng Ki-sơ-ne (Lord Kitchener) cụ bị sẵn sẵn binh khí rồi có nói rằng: «ta sắp đặt cho tề chỉnh binh thủy, binh bộ, chừng ta ra binh thì ta chẳng hề thối lui. Dầu các nước Liềng-hiệp có đuổi sức đi nữa thì ta cũng còn sức mạnh mà đối thủ với A-lơ-măn cho

đến cùng, cho đến chừng nào A-lơ-măn chẳng còn ước ao yếm chế cả Toàn-cầu nữa mới thôi.

Khi Anh-quốc hạ chiến thư cùng A-lơ-măn rồi, thì Nhựt-bồn có hỏi Anh-quốc rằng: có nên cho mình vào tiếp chiến chẳng? Thì Anh-quốc khuyên đợi một ít ngày rồi sẽ nhứt định, Anh-quốc mà can đảm đó, là vì có ý đề dòm ý nước Huê-kỳ có nghịch đều chi chẳng.

Lúc ấy Anh-quốc có hỏi nước Hoa-lang (Hollande) coi có giữ bề trung-lập chẳng, và buộc phải trả lời cho mình bạch rằng như A-lơ-măn đem binh vào nước đi tặc lên Bắc-hải, thì nước Hoa-lang phải ra binh mà can. Bằng như trả lời chẳng rõ ràng, chừng Nhựt-bồn ra binh, ắt hai đạo chiến thuyền Anh và Nhựt sẽ hiệp lại thì khó cho những thuộc-địa Hoa-lang tại cõi cực đông, Hoa-lang liền trả lời chịu các điều. Còn Huê-kỳ thì cũng thuận, chẳng có điều chi lo sợ phía ấy, nên Nhựt-bồn mới hạ chiến thư với A-lơ-măn, đem binh phạt Giao-châu và đoạt Thanh-đảo là mỗi địa-lợi của A-lơ-măn tại Trung-huê.

Trong nước Langsa, những dân còn nhỏ cũng tới tình nguyện đầu quân chẳng nói làm chi, cho đến mấy ông già, nhiều ông quan tư, quan năm hưu tri rồi, mà nay nước nhà có việc, mấy ông cũng vào đầu quân, lãnh làm một tên lính thường, đứng gát hoặc đường xe lửa, hoặc bến đò, chịu nhọc nhằn sương tuyết mà cũng vui lòng; biết mấy gương trung-nghĩa đáng mến đáng thương. Còn nhiều ông Hoàng, các Công-hầu vẫn là dòng dõi vua thuở trước theo luật Chánh-phủ Đại-pháp hiện kiêm thì mấy ông không có phép vào làm việc chi trong cơ binh, hoặc quan, hoặc lính cũng vậy, nên nhiều ông muốn lấy hết lòng giúp nước, phải sang qua Anh-quốc mà đầu quân.

Bên nước Tỹ-lợi-thì cũng vậy, khi khai chiến thì quân lính đến các nhà buôn A-lơ-măn mà đóng cửa và đuổi về nước, thì thấy có nhiều nhà chứa biết là bao nhiêu khi-giải và y-phục, lục quân A-lơ-măn, nên dân Tỹ-lợi-thì

mới cầm hòn A-lơ-măn ở nước mình làm giàu mà lại còn lập cơ thể chờ có ngày đoạt nước mình, mà mình tin hoài không phòng bị.

Liège. – Trận đầu giáp chiến với binh A-lơ-măn, tại thành Liège.

Ngày thứ ba, 4 Aoút, một tốp võ tướng A-lơ-măn vào thành Liège mà biểu hàng đầu.

Tướng-quân Tỹ-lợi-thì cầm binh tại Liège tên là Lơ-măn (Leman) trả lời rằng: ta chẳng phải thấy binh mạnh của nước nghịch mà sợ hãi và đầu đầu ».

Trong lúc ấy, ngài liền gián lời bố-cáo cho quân binh như sau này :

« Ở nhưn dân trong thành Liège :

« Nước A-lơ-măn gởi qua cho nước ta một bức Tối-hậu-thư mà nói nhiều đều nhục mạ nước ta. Nước ta tuy nhỏ mặt dầu, chớ không chịu sự nhục ấy.

Ngoài thì binh ta hết lòng vì nước, trong thì dân sự cũng phải hết lòng giữ bền phận. Tỹ-lợi-thì vạn tuế ».

A-lơ-măn đem binh bao phủ thành Liège. Hai bên giáp chiến. Binh Tỹ-lợi-thì, tại đó có 4 muôn, mà binh A-lơ-măn chết và bị binh hơn một muôn rưởi. Ai lại chẳng biết rằng binh Tỹ-lợi-thì không thể chống ngăn binh A-lơ-măn cho nổi. Nhưng mà cũng phải đánh, dặng chờ trong nước sắp đặt và đợi binh Hồng-mao và Langsa qua tiếp chiến.

Ngày 7 Aoút, Hoàng-đế Tỹ-lợi-thì được một tấm khuê-bài Thượng-đẳng bửu-tinh của Nhà-nước Đại-pháp ban cho thành Liège dặng thưởng tài công thủ.

Đánh mấy trận chung quanh thành Liège, thì Tỹ-lợi-thì bắt dặng 2 ngàn quân giặc mà vì nước nhỏ quá, nên gởi cho Nhà-nước Langsa cầm cố.

Đồn Liège sức còn cầm cự được đến 8 ngày nữa, nhưng mà vì kẻ nghịch đến gần công phá một cách dữ tợn nên chịu không nổi. Vậy mà tướng quân Leman không chịu để đồn về tay chúng nó, nên ở trong bế đồn lại rồi truyền

lệnh hủy thành. Trái phá nổ vỡ đồn, ngài bị chôn lấp. A-lơ-măn liền vào, moi lên đem ngài ra, may ngài còn sống, A-lơ-măn bắt đem về cầm tù bên xứ nó. Ngài sống vậy mà chẳng có chúc mừng, vì ngài muốn tự-tử cho rở danh dự mà thôi.

Khi A-lơ-măn chiếm đặng thành Liège, rồi thì chẳng làm nhiều điều độc ác vô cùng.

Kể đó nước A-lơ-măn tư thơ qua cho Hoàng-đế Ty-lơ-thi tên Anh-be nói rằng : nước Ty-lơ-thi ngăn cản binh A-lơ-măn tại Liège, thì cũng đủ tiếng anh hùng rồi. Vậy thì sức yếu phải nhường sức mạnh, dầu đánh nữa lại càng hại thêm, chi bằng để cho binh chúng nó kéo êm qua Langsa rồi sau nó thường bồi sự hư hại, và không xâm phạm một mẫu đất.

Hoàng đế Anh-be trả lời rằng : ta đã ra binh xáp trận rồi, không lẽ ngừng binh, nên ta cứ đường ngay mà đi, dầu phải sao, ta cũng chịu vậy.

An-xách (Alsace). — Tỉnh An-xách và tỉnh Lo-ranh (Lorraine) là hai tỉnh khi trước của Langsa. Đến năm 1870 Langsa bại trận, nên giao hai tỉnh cho A-lơ-măn. Lúc khởi đoan đàm giặc này, thì dân tại 2 tỉnh ấy, nghe tin rất vui mừng. Tuy vui mừng mà chẳng dám hở môi vì A-lơ-măn là dân độc ác, hễ thốt đều chi nghịch ý, thì nó chẳng dung tánh mạng, đến đổi con nít nên năm, nên bảy nói bảy mà chơi với nhau rằng : ít ngày đây, binh Langsa sẽ tới thì nó đã đem ra mà bằng không chút thương xót, có khi cha mẹ trẻ ấy, cũng không toàn tánh mạng nữa.

Ngày 8 Aoùt, lối 8 giờ chiều, tại thành Paris, các nhựt báo cho hay rằng binh Langsa đã chiếm thành Anh-kiết (Alkirch). Lần lần cả nước Langsa đều hay, vỗ tay vui mừng chẳng xiết. Nhựt trình in không đủ mà bán, người nào đi ngoài đường, cầm 1 tấm nhựt trình, thì cả trăm người bao chung quanh một người đọc, cả trăm người lặng nghe. Có nhiều bà già, cũng vui mừng vì binh nước mình đặng thắng, nhưng mà trong binh ấy, có con cháu mình, không biết tánh mạng thế nào, song cũng gượng làm vui.

Cách mấy ngày trước, có một phi-công Langsa bay qua thành Mu-lu-xờ (Mulhouse) ở trên cao 300 thước, rồi xuống đất, A-lơ-măn thấy vậy chạy riết đến. Vị Phi-công ấy liền cất máy bay riết lên, làm cho A-lơ-măn phải mắt cở mà bắn không trúng. Đến ngày sau, vị Phi-công ấy trở lại nữa, lần này bay cao lắm, rồi quần xuống đất tại thành Mulhouse những cò tam-sắc vô số.

Binh Langsa chiếm đóng thành Anh-kiệt rồi, bèn đuổi A-lơ-măn chạy ngả Hoa-lang (Walhim), Ta-gô-sem (Tago-sein); ruồi trời tối, nên phải dừng binh đợi sáng.

Tại thành Anh-kiệt, nhà nhà đều mừng rỡ, mở hoát cửa sổ mà treo cờ và bông đu sắt dặng rước mừng binh Langsa. Nhiều ông già, bà già và mừng và khóc, lại ôm binh lính Langsa mà hung và khen ngợi vô cùng.

Ngày thứ 9 Aoút, A-lơ-măn bỏ thành Mu-lu-xờ mà chạy. Dân ở tại mấy tỉnh Langsa mới lấy lại dặng đó, có sắm trước đồ ăn, thuốc hút, rượu trái cây, chờ binh lính tới, cha mẹ vợ con hết thấy cả nhà đều ra, kẻ bưng người xách, dặng phát hết, Đại Thống-soái Joffre có gởi một tờ cáo báo cho dân An-xách như sau này :

Ơ dân An-xách !

Hơn bốn mươi năm nay, binh lính ngày nay mới vào xứ cũ của chúng ta. Chúng nó liều thân trận này dặng báo thù cho nước chúng ta. Guơng trung nghĩa đã rạng ngời nơi đất An-xách.

Dân An-xách đờn-ông, đờn-bà, già trẻ đều rủ nhau tiếm tới vòng binh Langsa mà đem rượu, thịt, trà, bánh thết đãi và hỏi chuyện bên nước mình.

Ruồi thay sự vui mừng ấy không bao lâu, kể có sự buồn thảm ; là vì A-lơ-măn lúc vỡ chạy, thì đi không bao xa, chờ lúc khuya trở lại với một đạo binh hơn 10 muôn, binh Langsa không phòng, bị nó áp tới đánh nà, nên binh Langsa phải bỏ thành mà lui ra.

Vài ngày sau, A-lơ-măn sắp đặt binh khí xong rồi, bèn ra giấy đòi các người ở An-xách ai có rước quan binh Langsa về nhà, thì phải đến trình diện.

Mấy người ấy đều bị nó đem ra mà bắn hết, vì nó cáo rằng mấy kẻ ấy là kẻ nịnh.

(Sau sẽ tiếp theo)

THƯỜNG-TIỀN.

Huê-kỳ khai chiến với Đức-quốc

Ngày 2 Avril 1917, Hiệp-chúng-quốc (États-Unis) kêu là Huê-kỳ, hạ chiến thư cùng Đức-quốc. Từ ngày đêm giặc này khởi đoan cho tới bữa đó, thì Hiệp-chúng-quốc giữ bề trung-lập chẳng xao động quân binh, nhưng mà có ý giúp sức, hoặc cho vay, hoặc bán khí giới cho các nước Liêng-hiệp.

Nước nào thấy lòng sâu-độc của A-lơ-măn như vậy, mà chẳng đem lòng giận ghét. Lúc ban đầu, chúng nó còn một ít điểm lương tâm, nghĩa là nếu chúng nó gặp tàu nào ngoài biển, mà không phải là tàu của nước nghịch, thì nó không bắn chìm, ngày nay nó chẳng kể hơn nghĩa chi hết, hễ gặp tàu, bất kỳ của nước nào cũng bắn hết, vì chúng nó chịu đựng giặc này đã lâu ngày, chúng nó dòm ngó chung quanh, thì thấy ai cũng đem lòng ghét chúng nó, nên trong trí chúng nó tưởng rằng ai cũng là nghịch với chúng nó hết.

Ngày 2 Avril 1917, là ngày kỷ-niệm gương trung-cang nghĩa-khi của Hiệp-chúng-quốc, vì công-lý mà phải ra binh, dặng có mau đẹp đêm giặc to-tác của hai nước trung-ương bày ra và dặng làm cho cả Toàn-cầu giữ cuộc thái-bình bền vững.

Đại Tổng-thống Vinh-sông (Wilson) chiều ngày ấy, xin nhóm thượng, hạ nghị-viện lúc 8 giờ, dặng ngài trần tỏ cùng quan dân lớn nhỏ một hai điều công-lý buộc Hiệp-chúng-quốc phải ra binh mà trợ chiến với Anh và Pháp cho mau toàn thắng.

Từ thuở nay, chẳng có đêm nào vui cho bằng đêm ấy, đèn khi thấp cùng đường, còn cò treo đầy các nẻo. Thiên hạ, già trẻ, đờn-ông, đờn-bà, con nít, tụ trước đường Thượng, Hạ nghị-viện, vui cười ngả ngớn, lấy làm đắt chỉ vô cùng.

Gần 8 giờ, ai ai cũng ngóng trông Đại Tổng-thống đến. Từ xưa đến nay, chẳng bao giờ có Đại Tổng-thống nào đi ban đêm tại thành Hoa-thuận-dồn (Washington) mà đến Thượng nghị-viện, cũng chẳng khi nào có một ngài đích thân đọc lời cáo báo về vụ chinh chiến. Ở giữa thì các Đại thần, còn hai bên thì Sứ-thần chư-quốc.

Có một điều rất ngộ, là các quan Huê-kỳ đều có ghim một cây cò Huê-kỳ nhỏ nhỏ tại khuy áo.

Có hai ông không có đeo cò, vì hai ông ấy thế nào cũng không ưng lòng cho nước Huê-kỳ ra binh, muốn kiếm thế làm cho trong ngoài êm thuận mà thôi, hai ông ấy là Hội-viên Thượng nghị-viện tên là La-phò-lết (Lafollette) và Dô-ên-tuôn (Joelstone).

Trước khi mở hội, nước Huê-kỳ có thói quen đọc kinh cầu nguyện chung rồi mới mở hội. Có một Đức Thầy đứng dậy nguyện rằng : « chúng ta đã nhiều phen luận bàn quốc-sự muốn cho êm thuận cũng không được, chúng ta lấy hết lòng đạo đức mà khuyên lơn nước nghịch bót đều độc ác, nước nghịch cũng không nghe, chúng ta lấy hết lời công-lý mà giải hòa cũng không nổi, nên chúng ta phải ra binh.

Ấy là điều các nước nghịch buộc chúng ta đó mà thôi, nên chúng ta cầu nguyện cho cả dân-tộc ta lớn nhỏ đều phải tận tâm hiệp lực, đứng chung quanh Đại Tổng-thống chúng ta mà lo giữ gìn mỗi sanh-tồn của dân-tộc ta và nắm vững gian-sang của chúng ta ».

Chừng Đại Tổng-thống bước vào, hết thầy đều đứng dậy tung hô vạn-tuế, và vỗ tay hơn ba phút không ngừng. Lúc ấy hai hội-viên Thượng-nghị-viện nói tên trước đây, cũng đứng dậy mà không vui mừng như thiên-hạ vậy.

Kế đó Đại-tổng-Thống bước lên diễn-đàng mà đọc lời cáo báo, một là phiên trách các sự tàn-bạo của A-lơ-măn, hai là ngợi khen các nước Liêng-hiệp vì công-lý mà phải chịu cực khổ mấy năm rồi.

Ngài phân rằng: «tôi hội công-dồng ngày nay dặng mà tỏ cùng chư công những việc trọng can-hệ cho nước ta. Ngày 3 Février, tôi có tỏ cùng chư công hay rằng nước A-lơ-măn đã nhứt định kể từ ngày 1^{er} Février 1917, chúng nó không giữ lòng nhơn-nghĩa cùng nước nào nữa hết. Từ ngày ấy sắp tới, thì chúng nó nguyện thả đạo trầm-thủy-dĩnh xông pha trong các biển mà hại hết thấy những tàu lớn nhỏ bất luận là của nước nào. Cách một năm trước chúng nó đã hứa với chúng ta rằng hễ tàu nào chở bộ hành, và khi nào nó ra lệnh hỏi đều chi, mà tàu ấy trả lời thì chúng nó không hại. Rất dối là tờ hiệp-ước cộng-quốc, có vua chúng nó ký tên, mà chúng nó coi như một tờ giấy bậy thay, huống chi là một lời hứa ngày nay.

Tôi chẳng nói qua mấy đều hư hại của cải làm chi, thương hại cho những kẻ già, con nít, đờn-bà là những người yếu đuối mà bị hại như vậy rất nhiều. Của cải thì sau có lẽ chúng nó thường lại được, chớ mạng con người thế nào mà thường cho dặng.

A-lơ-măn quyết làm cho tan nát cuộc nông-thương kỹ-nghệ của chư-quốc, nên mới nhứt định như thế. Điều ấy thật là trái đạo.

Chúng ta ra binh ngày nay đây, chẳng phải là báo thù các việc tàn hại ấy, cũng chẳng phải ỷ mình đủ sức mà tru diệt kẻ nghịch, chủ ý chúng ta ra binh là chúng ta buộc các nước nghịch phải biết nhơn, biết đạo, biết trọng đều công-lý mà thôi.

Đạo trầm-thủy-dĩnh của A-lơ-măn, chẳng những là vật hại to của các nước Liêng-hiệp mà thôi, mà lại là vật rất hiểm nghèo cho cả Toàn-cầu chư-quốc.

Bởi ấy nên tôi chẳng còn dự dự, đến đây xin chư-công một lòng một ý, đem hết tất lòng bác-ái dân-tộc ta mà

lo phương chi, kế chi bảo toàn sự sanh-tồn của nước ta, và buộc A-lơ-măn phải thuận hòa theo đều công-lý.

Chúng ta phải tiếp chiến một bên với các nước Liêng-hiệp đương giao chiến với A-lơ-măn đó, hoặc lấy cớ mà giúp cho đủ sức chống cự, hoặc phải chĩnh tu đạo chiến thuyền của chúng ta mà tiêu diệt đạo trăm-thủy-dĩnh của A-lơ-măn cho chóng. Chẳng những vậy mà thôi, mà lại chúng ta phải có, ít nữa là 50 muôn binh dặng đem qua đàu cật cật các binh Liêng-hiệp mà dẩu chiến cùng A-lơ-măn cho mau toàn thắng. Chư công cũng đư biết rằng : các nước Liêng-Hiệp dẩu có mạnh bao nhiêu cũng phải hao mòn sức lực, ấy vậy chúng ta phải hết lòng vừa giúp vì các nước ấy bây giờ còn trông cậy có một mình nước ta mà thôi.

Nước chúng ta không lẽ giữ bề trung-lập nữa dặng, là vì cả Toàn-cầu, thế sanh-tồn đã khó vững.

Nước A-lơ-măn là một nước quân-chủ, lãnh thi thổ các đều vì ý tưởng của dân ; bề trên phán, thì dưới phải cuối dẩu vưng chịu, dẩu phải dẩu không, cũng chẳng dặng than phiền. Đám giặc này mà gây ra đây, ấy có phải ai hiếp đáp dân A-lơ-măn đều chi dẩu mà dân phòng dốc lòng ra giao chiến. Song vì dân A-lơ-măn, bấy lâu nay bị trên yểm chế nghiêm nhứt, nên sợ oai mà phải cuối dẩu. Bởi vậy lúc ban sơ nhiều dân dự dự không chịu đi nhập ngũ, lính sơn-dâm liền ra oai bằng chết biết bao nhiêu. Ấy đó có phải dân A-lơ-măn bị dân nước nào kèm chế mà liều mình vì nước, lại chẳng có xâm lấn cõi bờ mà phải đem thân vùi nước lửa

Còn dân ta với dân A-lơ-măn, bấy lâu bề giao-thiệp rất nên tử-tế. Bởi vậy trong nước ta, biết mấy muôn dân A-lơ-măn trú ngụ, mà lập biết mấy hằng công nghệ, biết mấy lò chế-tạo thương-trường rất nên đồ sộ, mà nay nước A-lơ-măn chẳng kể tình, chẳng xét nghĩa, đem lòng ham hố, muốn yểm chế cả toàn-cầu, muốn thâu đoạt quyền lợi một tay ; nước ta đây, nếu chẳng vưng vậy, thì

một ngày kia, nước ta phải đầu lụy nước chúng nó mà chớ.

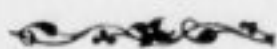
Rất đời là nước ta đem hết lòng nhơn-chánh mà giao thiệp cùng nước A-lơ-măn, mà nước A-lơ-măn còn trông mong khuấy rối. Trong lúc khởi giặc, chúng ta mắng tin lòng, nên A-lơ-măn sai đạo trinh-thám rãi đầy trong nước ta, mà dòm hành sự thi thố của Chánh-phủ ta. Đến nay trong phe Chánh-trị mà hầy còn có người A-lơ-măn làm quan-lại, và bày nhiều mưu, phòng sanh việc rối trong nước, cho dễ cho chúng nó trong ngoài phá hoại cuộc nông-thương công-nghệ của ta. Chúng ta có bắt đặng nhiều tên Trinh-thám, mà chúng ta cũng rộng lòng dung chế, ấy là vì ta biết rằng: những người đó là tay của Chánh-phủ A-lơ-măn sai, cho lương bổng rất nhiều, đặng mà tư thông những cử chỉ của Chánh-phủ ta. Chúng ta mà dung chế như vậy, là bởi ta không muốn sanh đều hại lớn, vì dân A-lơ-măn và dân ta không có đều chi thù oán hết.

Chút đó, thì đủ hiểu rằng Chánh-phủ nước ấy không lòng vì nước ta chút nào, nó muốn làm cho ta hao mòn yếu ớt đặng dễ bề kèm chế. Bởi vậy nếu giao thiệp với nước ấy lâu ngày, thì mối hại của nước ta không phương ngừa đón nữa, chúng ta hạ chiến thư với A-lơ-man, chỉ nghĩa là chúng ta bình vực đều công-lý, vậy mới có sự thái-bình cho cả toàn cầu. Nên chúng ta phải đem hết sức mạnh chúng ta, phải đem hết của cải của chúng ta mà dùng trong đám giặc này, hầu tận diệt các sự tàn bạo của nước A-lơ-măn, đặng mà làm cho nước ấy biết rằng: dân vì nước, nước cũng phải vì dân, trên dưới phải thông đồng tư-tưởng, Trách-nhậm ngày nay của chúng ta là đều đó » !

Đại Tổng-thống Vinh-sông (Wilson) nói vừa giứt lời, hết thầy đều gỡ những cờ Huê-kỳ nhỏ ghim trong khuy áo đưa lên phất qua phất lại và la lên rằng: « phải lắm, phải lắm, rất hiệp ý. » Kế đó có một ông Hội-viên Thượng nghị-viện bước lên nắm hai tay Đại Tổng-thống mà nói lớn lên rằng: « bầm ngài, ngài tỏ ý của dân Huê-kỳ một cách

rạng ngời vô cùng. Chúng tôi nguyện trên dưới đều thuận một lòng, một ý cùng ngai trong lúc này ».

Sáng ra Đại Tổng-thống Langsa là ông Bông-ca-rê. (Poincaré) tư diễn tin cho Đại Tổng-thống Vinh-sông mà khen ngợi và thay mặt cho cả dân nước Langsa, mà cảm ơn ngai.



Tin giặc trong tháng Mars và Avril 1918

Ngày khởi chiến binh A-lơ-măn, bởi nhờ đông mà dùa đuổi binh Langsa và Hồng-mao về đến sông La-mật-nờ. Đến đó binh Liêng-hiệp sắp đặt lại mà công phá A-lơ-măn, binh nghịch đại bại, là ngày mồng 4 cho đến mồng 10, 11, 12 tháng Septembre 1914. Từ ngày đó cho đến tháng hai 1916, thì hai bên cũng công phá nhau rất dữ, mà cầm cự nhau hoài chẳng phân thắng bại. Cũng trong tháng Février 1916, A-lơ-măn công phá tại Verdun, là đồn chắc chắn của Langsa. A-lơ-măn chết lớp này đem lớp khác, quyết chí phá đồn Verdun cho được. Trong ý chúng nó bàn luận rằng, hễ phá được đồn Verdun rồi, thì lính Langsa phải ngã lòng rúng chí, cho nên chúng nó chẳng kể hao binh tổn tướng. Song làm sao mà phá cho nổi đồn Verdun, là nơi cửa nước Langsa bồi đắp chắc chắn hơn mấy trăm năm ; bởi vậy nên bao nhiêu binh đến thì phải bị hại. Vậy mà chúng nó cũng chiếm đặng chín mươi chỗ trước đồn Verdun chớ vào đến đồn Verdun không nổi.

Binh Langsa công thủ nơi Verdun chắc chắn rồi, thì dắc binh đến sông Somme mà công phá A-lơ-măn lại. Đánh ngày đêm, A-lơ-măn thất thế đại-bại chỗ đó, binh tướng nghịch kinh hồn vỡ mật.

Qua đến tháng Octobre 1916, binh Langsa giáp chiến tại Verdun, trong đồn thì bắn vãi qua binh nghịch, làm cho chúng nó laọ xao, đứng ngời không vững. Mấy nơi mà A-lơ-măn chiếm đặng tháng Février 1916, thì tháng 10 năm ấy, binh Langsa ra lấy hết trong một ngày.

Từ tháng hai 1916, đến ngày 22 Mars 1918, binh A-lơ-măn bãi hoại, không thể đem binh công phá nơi nào dặng hết.

Từ ngày đó cho đến giờ, thì A-lơ-măn lo sắp đặt binh lại, kêu từ chạn con nít 17, 18 cho đến chạn già 45, 47 tuổi cũng buộc vào từng chinh. Đến bữa 22, 23 Mars 1918, thì chúng nó khởi sự dùng đại-bác mà xạ qua vòng binh Langsa và Hồng-Mao dài theo mặt trận. Trong ý chúng nó tưởng làm như vậy, thì binh Liềng-hiệp không biết chúng nó muốn công phá nơi nào mà đề phòng, dặng có thừa diệp mà thắng tới các chỗ trọng-địa của binh Liềng-hiệp.

Song binh Langsa chắc rằng dầu chúng nó đánh nơi đâu, thì cũng có binh mà cự chống với chúng nó hết.

Chúng nó quyết tới đánh mặt trận Hồng-mao cho phủng, dặng có chen đường mà lên Bắc-hải. Chúng nó đem binh vô số, phần thì phía sau binh chúng nó có dăng đại-bác mà xạ bỗng qua binh Hồng-mao, bởi đó dầu có chống cự cách nào cũng không lại, nên phải lui hết vài ngàn thước, song kể đó có hai đạo binh tiếp của Langsa và Hồng-mao đem tới, nên mặt trận ấy ngày nay cũng vững như tròng.

Tuy vậy, mà chúng nó cũng còn đồn tại đó, ngày đêm đánh phá luông. Còn các đạo binh khác thì áp đánh tại chỗ binh Langsa và binh Hồng-mao giáp mỗi với nhau, vì phía sau chỗ đó, là chỗ Langsa và Hồng-mao đồn binh và chứa lương-thảo, cho mặt trận trước. Chúng nó không dè chúng ta có đề phòng, nên chúng nó dầu có đem hết binh các nơi về mà công phá, thì đi tới cũng không nổi, vì binh Langsa công thủ rất chắc chắn. Bởi ấy nên binh nghịch lớp bị binh, lớp chết, kê trên nửa triệu.

Binh nghịch công phá từ ngày 22, 23 tháng Mars đến ngày nay, mà không nên việc, tuy chúng nó có thắng tới một hai chỗ, song binh tướng của nó phá hao nhiều, nên cũng không phải là thắng. Chúng nó hao binh bằng hai của Langsa và Hồng-mao, vì hễ công phá thì tự nhiên phải hao binh hơn cố thủ.

Binh Huê-kỳ đem qua nước Langsa đã ra trận rồi. A-lơ-măn muốn làm rối loạn binh Huê-kỳ, nên binh Huê-kỳ vừa xuất chiến thì quân A-lơ-măn đã đem đại-bác mà bắn vãi qua. Song binh Huê-kỳ không nao núng, đứng vững mà chống cự. Lúc sau đây chúng nó dùng súng dài bắn xa hơn 130 ngàn thước. Chúng nó bắn thấu đến kinh thành Paris, mà không hư hại bao nhiêu, vì đạn vào không tới trong rừng. Chúng nó dùng súng ấy, thì cũng không phải thắng binh Liêng-hiệp đảng, vì bắn vô xa, không phải chỗ sắp đặt binh lính, bất quá thì làm cho dòn-bà con nít, và các người già cả lo sợ đó thôi.

Trong tháng Février 1916, chúng nó công phá tại đồn Verdun một trận rất dữ, hao binh rất nhiều, mà không thắng đảng đến ngày nay là hơn hai năm, chúng nó công phá lại nữa. Rồi trận này đây, nếu chúng nó không thắng, thì biết ngày nào nữa mà chúng nó dám ra mặt công phá, binh lính đâu còn mà phòng làm các việc cả gang như vậy nữa được.

THỌ-SƠN.

Lời đoán tiên-tri của một thầy bói Nhựt-bồn

Có một ông Thầy Nhựt-Bồn tên là Seihachi Komoshita tại xứ Musahi có đoán tiên-tri rằng :

Thế giặc Âu-châu còn dây dưa đến tháng Septembre 1918. Đầu tháng Novembre 1918 các nước đương đấu chiến sẽ bàn tin giao hòa, đến tháng Mars 1919 mới êm. Nếu trong mấy tháng ấy mà hòa hảo nhau chưa dặng, thì các nước còn tranh đấu nhau cho đến tháng Mars năm 1920 mới rồi. Song sự thái-bình đó cũng không bền vững lâu cho được, là vì qua tháng hai năm 1921, sẽ có một đám giặc khác cũng lớn như thế. Trong đám giặc sau đây nước Nhựt-bồn sẽ giao chiến với ba nước lớn mạnh khác trong

Toàn-cầu, trong ba năm như vậy. Thầy ấy nhắt lại rằng :
 Mấy lời người đoán trước trong lúc giặc Nga và Nhật và
 trong lúc giặc ngày nay đây không có chỗ sai lầm, mỗi lời
 đoán trúng hết.

(Rút trong Cực-Đồng Thời-báo).

* * *

Theo lời Thầy bói Komoshita đoán trên đó, thì xét coi
 cũng có lý. Đám giặc này tự cổ chí kim chưa từng thấy ; từ
 ngày khởi chiến đến nay, tin đã gần 4 năm, hai bên thủ
 phá nhau rất dữ, lại còn lớp vượt biển, lớp ven mây, kinh
 nhau một chín một mười, thầy chồng chập dường non,
 máu chảy vơi đỏ biển, bên thua thì hao binh mất của đã
 đành mà còn bên thắng thì cũng không toàn binh tướng,
 Binh thì không số đếm, còn đạn thì bay hơn ba mươi dặm
 (1 dặm bốn ngàn thước). Công-phá thì đem tới năm bảy
 chục muôn binh ra mà giáp chiến, người còn sống, không
 gãy tay chơn, thì cũng đuôi mù, lại còn bày bắn đạn nổ
 ra khói độc mà giết người, bắn đạn dầu mà thiêu thành
 đốt lũy. Dường ấy, dầu hai bên, ai chẳng thua ai, thì cũng
 không thể tranh đua nhau lâu ngày được. Trong đám muôn
 muôn vạn vạn người chết vì nước đó, nào là bác-vật nào là
 thượng trí thông-minh, nào là kinh-tế chi tài, đem thầy bỏ
 giữa đồng oan, trí cả mưu sâu, chống chỏi sao cùng đường
 đạn lửa.

Từ-BÁ

Lễ tế Nam-Giao (Huế)

Lễ-tế Nam-giao tại Thừa-Thiên (Huế), năm nay trọng
 thể vô cùng. Đức Hoàng-thượng có mời quan Tổng-thống
 Sarraut đến, cho nên đám lễ-tế này lại càng rực rỡ hơn
 nữa. Có nhiều vị chưng dọn nhiều kiểu đẹp đẽ, tại trong
 Tân-thơ viện, hội “Liên-hữu” tại Huế, có sắp đặt dọn một
 cái nhà quan xưa, chưng những đồ xưa rất quý, ấy là của
 trong cung và các quan cho mượn.

Còn quan Công-bộ Thượng-thor có lập một cảnh huê-viên chung nhiều thứ bông tốt tươi hết sức và nhiều vị khác có lập một rạp hát diễn hai thứ tuồng Langsa, thiên hạ vào coi đông-dảo và khen-ngợi vô cùng. Hễ nghỉ hát thì có nhật Langsa giúp vui. Hội này góp được ba ngàn đồng bạc, và định gởi cho các hội làm phước bên Đại-pháp 2000 còn 1000 \$ thì cho dân bị thủy-tai tại Trung-kỳ.

Bồn-quán kính ít lời khen ngợi các viên-quan qui chức. Langsa và Annam có lòng ái truất chẳng nệ lao công tổn của mà làm phước cho những người bị nạn.

Đại-nam Hoàng-đế Bắc hạnh

Trong ngày đức Hoàng-thượng ngự giá đến Hà-nội, thiên hạ tại Hà-nội, quan dân Langsa và Annam, nhộn nhạo ngóng trông Thánh-giá. Tại ga xe-lửa, cờ đủ sắc treo rực rỡ trong ngoài. Chiều, 5 giờ 5 phút, Thánh-giá đến, quan Tổng-thống Đông-dương và các quan văn võ mặc Triều-phục đến hầu rước. Lính dàn hàng dài hai bên dàn hàng coi nghiêm trang vô cùng.

Chứng đức Hoàng-thượng cùng các quan ra khỏi ga, thì nhạc thổi bài «Marseillaise» rồi đó đức Hoàng-thượng ngự sang dinh Toàn-quyền tại đường Buginier.

Quan Tổng-thống thỉnh các quan vào chầu đức Hoàng-thượng và đọc một bài chúc mừng. Đức Hoàng-thượng bang lại rằng, ngài lấy làm vui mừng mà viếng châu-thành Hà-nội và quan dân. Mỗi một lời đức Hoàng-thượng bang ra thì đều tỏ lòng ái-mộ nước Đại-pháp chẳng cùng.

Lễ tiếp mừng đức Hoàng-thượng trong ngày ấy thì trọng thể lắm, nhưng mà chẳng có đều thái quá, vì lúc này chẳng phải lúc vui mừng mà quên những đều khốn đốn của muôn ngàn người đang dầm sương dãi tuyết khốn khổ nơi chiến địa.

Quan Annam các tỉnh đều về mà bái yết đức Hoàng-thượng trong ngày ấy và tỏ ý vui mừng lắm.

ĐẠI-NAM KHẢI-ĐỊNH HOÀNG-ĐẾ NGŨ DUNG

大南啟元皇帝御容



Cung hạ Tân-Thân

Bồn-quán lấy làm hân-hạnh mà hay tin rằng :

1^o Ông Lê-quang-Trình, khi trước bị tàu chìm may thoát khỏi nạn, nay được thưởng thêm một khoanh nữa và lãnh chức Lương-y trong toán binh Đồng-dương (tirailleurs indochinois) tại Pháp-quốc.

Quan Lương-y Lê-quang-Trình này là con của ông Lê-quang-Hiền, Đốc-phủ-sứ hưu-tri ở tại Sadec.

2^o Ông Bùi-quang-Chiều, mới thăng chức Nòng-chánh ty nhì hạng Giám-dốc.

3^o Ông Lưu-văn-Lang, làm quan một dang từng chinh bèn Pháp-quốc, được thăng chức Tạo-tác ty Bác-vật sĩ.

Bồn-Quán chúc tụng cho ba ngài đủ nếm mùi chung đánh, mau mở cuộc nông-công, mới xứng câu tư-hoàn đa sĩ, sanh thử Vương-quốc.



CÁO BẠCH

Nhơn vì chiến cuộc không dứt làm cho thiếu người làm giấy và thiếu tàu chở chuyên, nên giấy một ngày một ít và một lên giá hoài. Tệ-quán túng phải dùng đồ thử giấy mỏng một chút, chớ không thể có giấy tốt như giấy in hai số đầu được. Ngày nào có giấy tốt được thì tệ-quán sẽ dùng mà làm cho đẹp ý khán-quan.

Tuy tệ-quán dùng đồ giấy mỏng hơn một thí song chẳng hề giám bớt số tờ. Vậy cúi xin chư khán-quan dung tình miễn nghị.

ĐẠI-VIỆT TẬP CHÍ
Phi lộ.

ĐÍNH CHÁNH BIỂU (errata)

Trong Tập-chí số 3

- Trương 225, hàng đầu, xin đọc lại : **thì**.
- 228, — 4, id. **Chắc ý được.**
- 230, — 13, id. **Tòa tạp-hình phạt như đã nói....**
- 258, — 3 bắt dưới đem lên : 37 không phải 27.
- 263, — 2 xin đọc lại : sử **hung-thần**.
- 294, — 20 id. dùng cái **thình âm**, rất mạnh mẽ, dùng cái **thình-âm**, rất **hiệu** nghiệm.
- 294, hàng 24 xin đọc lại: một cái mỗi nguyệt Tập-chí :
- 295, — 26 bỏ chữ **chưa**.
- 297, — đầu xin đọc lại : nói vói.
- 297, — 8 id. **chúc** cho việc cả.
- 300, chỗ biên tên : xin viết lại : Bùi-Quân lai-cảo.
- 305, chữ hiển pháp dùng trong bài Đông-dương giáo dục là giáo dục chi hiển pháp nghĩa là các ti ết lệ định về việc dạy dỗ (chart de l'enseignement).
- 306, mục tiểu-tự điền xin đọc lại **Nữ-sử**.
- 306, hàng chót điền viết lại : **Exister**.
- 308, hàng đầu — id. — **Tuyên-thệ**.



ÂU Á TỪ ĐÀNG

Văn

LẬP HỘI THUYẾT.

(Bảng sự lập hội)

Trăm dòng sông nhóm về nơi biển, biển vì đó mà sâu ;
Ngàn thứ cây nhóm mọc nơi rừng, rừng vì đó mà rộng ;
Muôn thức hoa nhóm trồng nơi sân kiền, hóa một vườn
xuân, sân vì đó mà đẹp đẽ ;

Hai mươi triệu đồng-bào ta nhóm nhau trong nước,
nước vì đó mà phú cường.

Hoặc hỏi : nghị luận như thế, tỷ vụ như thế, e khi hy-
vọng thái quá chăng ? đồng như nói chuyện chim bao
chẳng ?

Ô hô ! *thiên hạ vô nan sự* ; hẳng thiệt như vậy : nếu
quốc-dân ta nhóm nhau trong nước, ăn dưới bóng cờ
Tam-sắc, vưng theo chánh-sách *Xa-Công*, mà bồi đắp cho
nhậm lệ, cho siêng năng, cho bền chắc, cho vững vàng bờ
cỏi *Đông-dương* ta, làm cho xứng đáng gọi rằng : *Á pháp-
lang*, chẳng phú cường là gì ?

Cách nhóm nhau phải làm thế nào ? Phải tùy các bộ
phận mà lập hội, lập hội phải có danh-mục, và có chủ-
trương.

Danh-mục là gì ? Hiện nay gấp gấp toan lo có 6 điều.

- | | |
|----------------------|------------------------|
| 1. — <i>Binh-hội</i> | 2. — <i>Tài-hội</i> |
| 3. — <i>Sĩ-hội</i> | 4. — <i>Thương-hội</i> |
| 5. — <i>Nông-hội</i> | 6. — <i>Công-hội</i> |

Chủ-trương là ai ? Phải nương cùng *Chánh-phủ* lấy cái
chủ-nghĩa « *Đồng-hội công-tác* » của *Xa-công* bảng nghị,

mới đây (lời diễn thuyết tại *Thượng-Nghị-viện*, ngày 13 Novembre 1917), ý trọng đó làm chủ-trương ; được như vậy, thời thấy tư-tưởng rất cao, sự thể rất lớn, chúng ta chắc rằng : Phú cường sự nghiệp gầy dựng từ đây, há phải nam *niết tạo không-ngôn*, mà kẻ hoặc cho rằng : mộng tưởng.

Nhưng mà : chưa biết được vì làm sao quốc-dân ta đã nghe *Chánh-phủ* tỏ ý rồi, hạ lệnh rồi, mà còn như chưa tỉnh mộng-hồn, đành quên thế-cuộc ?

Nào có phải ý-tưởng như thế hay sao ; cũng xét lại như vậy :

Lập hội có hai vấn đề quan hệ :

1. — qui hồ *Nhơn-tâm công-cộng*.
(lòng người chung lo)
2. — qui hồ *Cơ-hội khả-thừa*.
(dùng lấy diệp tốt)

nếu không rõ được cho cùng chung tác kẻ rằng, mà tỏ đều hơn sự thiệt, thời phải ngăn trở cái tư-tưởng, phá hoại cái sự thể của quốc-dân ta, nên phải nghiên-cứu ra đây, cho chư quốc-dân ta giải quyết.

ĐIỀU THỨ NHỨT

Nhơn-tâm không đặng công cộng, mà lại bị chia lìa, thời có trông chi các việc thi vi, mà phò tri công ích, nên đã thấy tạo lập cho có đoàn-thể cho có hiệp-quần, thời trông ra cảnh tịch-liêu, nghĩ lại tình thê-thảm, tỷ chẳng khác :

*Bóng chiều cây lác đác,
Đồng trống nước ghen ngan.
Vườn quanh rêu chen cỏ,
Đêm thu nghĩ lại càng.*

Có lạ chi, mỗi người riêng mỗi phận, đường xa ngày tối, một bóng một người, xơ-rơ như lá rụng trời đông, thưa thớt như sao chìm buổi sáng ; dầu rằng : *cao thượng kỳ chí*, hay là *độc thiện kỳ thân*, đều rủ nhau lánh khỏi phon g

trần, vui cùng điền-giã, mỗi mỗi như thế, thời đã hết rồi cái gánh phần tử của quốc-gia; thăm hồ riêng than chẳng được như loài kiến loài chim, kêu hú có bầy, rú ren có lũ; ai mà khéo triu mến cái cảnh cô-cùng cũng lạ! buồn cho loài người biết là đường nào! hỏi vậy chờ quốc-dân ta không đoàn-thể, không hiệp quân, thời xã-hội sao cho thành-lập? không xã-hội, thời quốc-gia lấy chi mà làm cơ sở gây dựng *chủ-quyền*?

Vả cái chủ-nghĩa lập hội không tối tăm xa xác chi chi, ví như chung vui một tiệc rượu, một đoàn chơi kia vậy; tính lại cái náo-cân của chúng ta, dầu bọn tân-học, dầu bọn cựu-học, dầu đám thượng-lưu, dầu đám hạ-lưu, vốn ai nấy cũng đều một niềm cảm-giát cái lý-tưởng lập hội nói trước đây; nhưng mà tai ngơ mặt lấp là vì sao? tưởng vì thấy những việc đã qua mười năm trước, quốc-dân ta nào là đoàn-thể, nào là hiệp-quân, xã-hội lãn-xãn, mới lập liền phá, mới nhóm liền tan, cho nên đã chẳng trông gì tấn bộ tiền-đồ mà lại đành lòng hoán tán;

Sự tưởng như thế, còn nhiều chỗ sai lầm; xin coi những các cuộc lập-hội bên *Âu-mỹ* năm xưa, mà bèn lòng « so sánh; » năm 1757 hơn dân ở tỉnh Bretagne nhóm « nhau lập một hội NÔNG-CÔNG-THƯƠNG-HỘI, dặng lo « mở rộng các cuộc *Lý-tài*, qua năm 1759 hội ấy gởi đơn « xin với *Chánh-phủ* chuẩn tiền cứu giúp dặng cải-lương « hội vụ, *Chánh-phủ* phê y; sự đoàn-thể mà sanh lợi từ « ấy mới thấy mời; các tỉnh khác cũng có một hai chỗ « bắc chước mà làm như hội ấy; rồi các nước bên *Âu* « thấy vậy cũng lần lần làm theo nhưng mà cái chủ « nghĩa đoàn-thể hiệp-quân cũng-chưa mấy hiệu.

« Năm 1840 mới có ông Louis Reybaud ông de Corme-
« nin và ông Rossi đồng ra đề xướng cho rõ cái chủ-
« nghĩa lập-hội *kinh-tế*, mà lại chỉ vẽ các cuộc *lý-tài*
« cho quốc-dân rành; ngặt vì quốc-dân chưa suy xét
« cho cùng mà làm theo, nên chủ-nghĩa ấy chưa được
« phát-minh cho mau, mà thanh hành trong nước.

Năm 1883, ông Tanviray là nông-vụ giáo-sư xướng ra mà lập một hội « **Nông-nghiệp tương-tế** » tại tỉnh Loir-et-Cher, mà lúc ấy *Chánh-phủ* chưa nhìn đem vào quốc-luật.

Năm 1884 *Chánh-phủ* mới lập luật và định cho dân lập hội « **Đồng-nghiệp tương-tế** » (Syndicat professionnel) từ đó tới 1890 *Nông-thương kỹ-nghệ* các hội thanh hành được 910 hội, kể số người đã được 60 vạn hội viên ; các nước tuy đã rõ cái lý-tưởng lập hội rất có ích lợi cho nhà *kinh-tế* mà ùn-ùn làm theo, nhưng mà sự hưng-vượng sao bì *Đại-pháp* ta được.

Coi đó thời rõ thấy phạm môn việc thi-thố, thành bại lẽ thường, cũng chẳng nên thấy những cuộc gian-truân, mà cam bề tự khi, uổng thay ! tiết thay ! Vậy thời phải giữ gìn nhơn-tâm công cộng cho bền, mà chờ lấy cơ hội, khả thừa chẳng muộn.

ĐIỀU THỨ HAI.

Cơ hội chẳng dặng may mắn, mà lại bị lở làng, thời lại còn trông chi nữa, các việc thí vi mà tạo thành thời thế; nhớ lại những việc mười năm trước các xã-hội coi ra chưa có cái cơ thể linh động, cho nên mỗi mỗi tổ-chức đều chi, cũng như: lộn lạc chấm phết ra đủ năm màu, mà không nhằm là bức đồ họa nào; đồn dập chắc chưa vôi ngói nghên ngan, mà không nên là cái cung thất nào, rõ lại chẳng khác nào bong ra cái thân thể của người, thịt xương trộn trạo, mạch lạc lẫn xăn, tuy cũng sắp lợp ra được một cái hình kia, song không trông thấy được cái máy linh động ; rõ như vậy, xã-hội mà không có cơ thể, thời lấy chi mà vận động cho hoàn toàn ; hỡi ôi ! gặp-gỡ làm chi thời-đội chẳng may, dân trí chưa mở, dân trí chưa mở đó, là cái cơ thể của xã-hội chưa thành ; mưa gió tối tăm, gốc gai mù-mịt, còn có cơ hội nào bằng bạc mà chi ? có một điều : *Kỷ vãng bất cựu* (đã qua chẳng nên trách), *lai giả khả truy* (về sau nên tính nối theo) hãy còn lắm lúc đỡ nhà nghiên, nung cội ngã, đương giữ lấy cái mối mông-mảnh to-mạnh chưa dứt, là còn trông cơ hội khả thừa từ đây.

Hoặc lại hỏi : hai vấn đề luận trước đây, đã rõ quan-hệ về phần lập hội, song chưa rõ chắc ngày nay nhơn-tâm đã được công-cộng ; cơ hội đã được khả thừa cùng chăng ?

Rất thương thay ! Tình thế ngày nay nói ra chừng nào càng chua xót ! Càng đắng cay ! Làm sao chẳng dục-giả nhơn-tâm, đua chen cơ-hội.

Sự thiệt có như vậy :

Thế-huynh Xa-công đã diễn-thuyết nơi *Chánh-phủ thượng nghị-viện* (ngày diễn-thuyết ghi trước) mà bố cáo các chánh sách theo chơn-tâm công-lý của ngài đương lo bình trị cõi Đông-Dương ta, có một đoạn tình từ chí thiết của ngài nói rằng :

« Ngày nay nhơn cuộc đại chiến bên **Âu Châu** rối loạn,
 « mà ta dòm thấy tình cảm động của nhơn-dân bên cõi
 « Đông-dương dường có một ý thương xót mà lo việc rối
 « loạn ấy cũng như việc một nhà ; rồi ta lại thâm nghĩ
 « cái lòng suy tưởng của nhơn dân đó khi sợ-sệt lắm mà
 « từng-tiểu nghĩ rằng : *Đại-Pháp* ngày nay mắc cái ách-
 « vận, e cơn nguy biến liên lụy đến mình, nếu *Đại-Pháp*
 « muòn một chẳng may mà bị thua người, thời *Đông-*
 « *dương* ta mạng vận đảo-diên biết ra thế nào ? Còn cái
 « số làm dày làm tở của chúng ta đây, có khỏi về tay
 « bạo ngược, hay là phải căng dày kiếp dọa nữa chăng ?
 « Kiếp người đến thế thời thôi, lại còn tưởng chi cuộc
 « tấn hóa tương lai mà phòng mơ ước ; cứ sao mà sợ-
 « sệt lại lo-lấn như thế ? Bởi các dân-tộc bên *Đông-dương*
 « như một mâm các rả rời, dễ duôi trao cái thế tan-tác
 « yếu-ớt cho người lần hồi xâm đoạt ; bởi sự sợ-sệt lo-
 « lẩn ấy mà làm cho ta biết chắc rằng : các dân tộc
 « *Đông-dương* đã sẵn cái tư-tưởng, đồng hè một lòng
 « mà lo đoàn kết liềng-hiệp với nhau mà xúm xít
 « đeo đuổi dưới bóng cờ tam sắc mà nghị rằng : nếu
 « chúng ta đã hiệp các cái thế-lực về đây mà dục nên

« một cái đại đoàn-thể rất cứng rất bền thời chẳng những
 « lo được cuộc bảo thủ an toàn mà thôi, mà lại sức mạnh
 « của nước ta, lại có phương phép phòng ngự của Đại-
 « pháp ta giúp đỡ thời chắc cho càng ngày càng mạnh lớn,
 « nào có lo chi ngoại địch nó xâm loạn... ».

Ấy đó :

Nghe cũng lắm buồn chung, há chẳng biết đục lòng công-
 cộng ; làm mà còn sợ trễ, dễ bỏ qua cái diệp khả thừa.
 Vậy thời phải rõ cái chủ-nghĩa lập hội ngày nay là đủ
 giúp cho quốc-dân ta tinh-thần kiện vượng thế-lực tung
 hoành, như lời Thế-huynh Xa-công đã nói trước đây mà
 chăm chỉ làm theo, đã vun tròn cái phần tử của quốc-
 dân, lại đáp báo cái thịnh tình cùng tri-kỹ. (Xa-công).

Đẹp dễ thay !

*Bốn ngàn năm một cuộc Tàn-kỳ, gây nên nước mạnh ;
 Muôn ức kiếp nhiều công tu-luyện, mới có ngày này.*

Quốc-dân ta nên ngẫm nghĩ cho cùng cái lý-thú biển-
 sàu, rừng-rộng, kiên-tốt, người-dòng, mà trông ra cái các
 cơ-sở lập-hội đó mà vui mừng cao tốt khoe khoan biết là
 dường nao.

ĐẶNG-THỨC-LIÊNG.

Nhơn-hòa thuyền hội

Bấy lâu nay Chánh-phủ ý tưởng rằng Pháp-việt như
 gia, nên mỗi mỗi cùng dân chúng ta cho biết đều hơn sự
 thiệt, đặng mà tin tưởng cùng nhau, coi như thơ của quan
 Thượng-thơ các Thuộc-địa gửi cho quan Tổng-thống Đông-
 dương muốn điều đình cho dân chúng ta trở vào đồng
 hội (coi Nhựt-trình *Moniteur des Provinces*, 15 Février 1906).

Lúc nầy quan Toàn-quyền Xa-Công tái nhậm Đông-dương
 ngài cấp cấp chuyên lo cho quốc dân ta cầm lấy thương

quyền nên hạ lệnh kêu cho dân chúng ta hùn vào cuộc sắm tàu buôn, ấy là việc rất cã thể, rất thanh tình. chúng ta phải rõ ý tưởng của Chánh-phủ bày ra đó không phải không quyền thế nào mà lập cuộc, lựa là phải ăn cần tới chúng ta ; có một điều bởi ý tưởng thuở nay *Thiên thời địa lợi bất như Nhơn hòa*, nên mới cho chung cùng với nhau, dặng mà hưởng phước, chúng ta phải suy lấy cho cùng, nếu biết rõ được nghĩa nhơn-hòa, mới gọi là người minh bạch nghĩa Dinh-thương, nên tôi nhơn cơ hội này mà chúc tụng rằng : *Nhơn hòa thuyền hội* dặng bố cáo cho đồng nhơn.

Tôi rất mừng thay cho cuộc *Tám bồn-mễ thương* của tôi bày ra (coi các Nhứt-báo Annam 1907). Lục-châu thương trường chư quân-lữ có kẻ cho rằng phải, nhưng mà ngại vì chỗ thiết thương chức, chương thương huyền (*Tám bồn-mễ thương* chương thứ ba) bài bố gian nan, nên chắt chừa thi vi cho được tận thiện tận mỹ, phùng thử hội hạnh phước hà như.

Bởi vậy mới vọi vàng lập luận, luận ý có hai điều xin.

- 1^{er} Xin *giải nghi thích lự*,
- 2^e Xin *quyết chí lực hành*.

Mau mau cho Chánh-phủ rõ lòng chúng ta rất đẹp vào cuộc *Nhơn-hòa-thuyền hội*, lúc này ; lại chẳng phụ lòng Chánh-phủ hậu đãi chúng ta cho có cuộc *Nhơn-hòa-thuyền hội* ngày sau.

CHƯƠNG THỨ NHỨT

Xin giải nghi, thích lự.

(Giải sự nghi nan, bỏ ý sợ sệt)

Hoặc có kẻ nghi và sợ rằng : dám tiền ra mà gởi dĩa phong ba, buông lọng thả khơi, có biết đâu động hay là êm, chìm hay là nổi, lúc nháy mắt, lúc dực mình, thì hăng khác nào người lo trời sập.

Ồ hò !!! *Phù sanh nhược mộng*, thân này nào có chắc gì, thân này mà còn chẳng kể, huồn kể chi là *A-đồ-vật* (tiền); sự nghi lự phân phân, tôi đã giải thích trong tâm-bồn mẽ thương nhiều điều khích bác, e nói lắm thêm phiền về rần thêm chơn, lại có khi bức máy động rùng chẳng.

Tri ngã dã (thữ luận)

Tối ngã dã (thữ luận)

CHƯƠNG THỨ HAI

Xin quyết chí lực hành

Tục ngữ ! *Gắt công mài sắt chầy ngày nên kim*, là câu khuyến cho những người quyết chí; chúng ta phải hiệp ý cùng Chánh-phủ mà làm theo, chớ hồ nghi, chớ ưu lự mà thất thủ cơ hội.

Chẳng kể chi cho xiết toàn cầu các nước tàu buôn, chỗ có dư ngàn, chỗ có dư muôn (coi thanh thế nguy ngôn thương thuyền), độc hại Annam ta không một; ời thôi xa xuôi chẳng thấy, cũng đành mặt lấp tai ngơ; lại còn kể chẳng xiết những hội trước mắt thấy đây như:

Hảng nhà rồng

Hảng Nam-vang Lục-tĩnh

Hảng Năm-ngôi-sao

Vân lời sự nghiệp, sồ sộ dữa trời, dẫu cho rằng cuộc của người Âu tây, mình sao dám bì; thời kể lấy mà phân bì những cuộc của người Đông-Á mình lập tại Nam-kỳ như: *Đái-ký*, *Thái-Thuận* công-ty, cùng các người Cao-mang cũng gây nên đôi ba cuộc.

Phàm tường vân tập (tàu nhiều).

Đài các phong lưu (giàu sang).

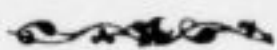
Suy nghĩ cho cùng, hồ then hay không?

Nhơn-hòa-thuyền hội, quyết chí nên công! phải *bất phĩ bất phát*, may có khi trở muộn sanh sau, mà lại thấy lưng dài vai rộng, quyết chí vậy; lực hành thế nào?

Sắm tàu buôn chẳng phải vốn liếng nhỏ mà được, phải kể cho có số triệu sắp lên mới có sắm sanh, vậy thời chúng ta đã quyết chí rồi, đừng có tưởng hùn năm, mười ngàn đồng là lớn, gọi là thái quá mà thôi, *đa đa ích thiện*; hay là hùn năm mười đồng là nhỏ, gọi là bất cập mà thôi *tập dịch thành cầu* (góp đa nạch con hồ mới làm nên áo cầu mặt ấm). Thới quá là lực hành; bất cập cũng là lực hành vậy.

Biện luận vừa dứt có kẻ hỏi rằng: luận kêu hùn sắm tàu buôn, sao chẳng thấy nói chữ lợi nào cho người động tâm? Ý! *Lợi bất hành ngôn*, lợi nào mà tỏ vẻ ra được, lợi ấy hãy còn nhỏ, cuộc này ai chẳng biết làm được lợi lớn, mà phòng phân phó.

ĐẶNG-THÚC-LIÊN.



TÂN BỒ Văn quốc-ngữ

Cho hay chữ quốc-ngữ thiệt là hoàn-toàn mà làm được một thứ quốc-văn của chúng ta, không còn có chỗ nào mà phải đổi phải sửa nữa dặng.

Nhưng vậy mà có một vấn-đề rất yếu hệ cho trong phần quốc-dân ta không phước mà học dặng chữ Langsa, chỉ biết có chữ quốc-ngữ và một ít chữ nho mà thôi. Rủi thay! Phần ấy lại là phần đông bằng trót trăm phần người có học vừa đọc dặng và hiểu dặng chữ Langsa. Vấn đề ấy, các nhà Báo-quán và các trang thức-giả cũng thường nghiệm-cứu rồi, song ý-kiến bất đồng, nên đến nay còn phân-phân bất nhứt.

Vấn-đề ấy là: *Phải do theo chữ Pháp hay là chữ Tàu mà biên những tên người, tên xứ trong Toàn-cầu ra quốc-âm?*

Hiện kiêm trong các nhật-báo quốc-ngữ, mấy vị chủ-bút cùng phụ-bút có học nho, thì do theo chữ Tàu còn mấy vị

học Pháp thì do theo chữ Langsa. Bởi vậy cũng một tên xứ, cũng là một tên người, mà trong một tờ nhật-báo chỗ thì viết vậy, chỗ thì viết khác. Thí dụ như tên Kinh-dô Đại-pháp-quốc có chỗ viết *Ba-Ri*, có chỗ thì viết *Ba-Lê*; tên quan Toàn-quyền nơi thì viết *Xa-Rô*, nơi lại viết *Sa-Lô*. Viết như thế làm cho những vị khan-quan không biết chữ Langsa, chẳng biết kêu sao cho nhầm.

Theo ý-kiến siên-lậu tôi, nếu muốn đọc ra nghe cho đúng hay là ít nữa tương tự, dặng cho hết thấy đồng biết, thì trừ ra khi nào viết tên người, tên xứ trong nước Trung-hoa, thì do chữ Tàu mà thôi, còn thuộc Pháp thì tốt hơn phải do theo chữ Pháp.

Vì sao vậy? Vì nếu do theo chữ Tàu mà biên ra chữ quốc-âm, thì sai xa lắm, dầu mà đọc cho người Trung-hoa nghe cũng không hiểu dặng là xứ nào, tên ông nào, bởi họ do theo tiếng Hồng-mao hay là tiếng Pháp mà biên lại chữ Tàu, rồi đọc ra tiếng Trung-hoa thì nghe đúng tên ấy hay là tương tự, còn cũng chữ ấy mà đọc theo ta thì khác xa lắm. Vì như tên Kinh-dô Anh-quốc, người Trung-hoa do tiếng Hồng-mao viết ra 倫敦 họ đọc lại Lông-dông nghe đúng, còn mình viết Luân-đôn rồi đọc nghe sai xa quá.

Viết đến đây tôi nghĩ tôi trách Sĩ-vương sao khi đem Hán tự về dạy quốc-dân ta, không dạy đọc theo tiếng Tàu luông, lại dạy đọc cho khác đi, làm cho dân-tộc ta đã chịu nước Trung-hoa chín-phục hơn ngoài một ngàn năm mà không nghe hiểu tiếng Tàu dặng; lại cũng không dạy đọc luông ra tiếng Annam cho khỏi học mỗi chữ phải hai lần : một tiếng chữ một tiếng nghĩa.

Ấy cũng tại ngài là người Trung-hoa, tuy có lòng khoan-nhơn đem chữ nước ngài mà truyền dạy dân-tộc ta mặt dầu, chớ cũng còn lưu ý không cho ta mở mang cho mau bằng dân Tồ-quốc của ngài.

Trên đây, tôi đã tỏ những việc bất tiện trong sự do theo chữ Tàu mà biên tên xứ, tên người ra quốc-âm rồi, vậy

thì tốt hơn phải do theo chữ Pháp (trừ tên người và tên xứ trong nước Tàu ra). Nhưng mà nếu dùng rông vần quốc-ngữ cũng có đều chẳng tiện, vì trong chữ Pháp có nhiều cái vần viết ra vần quốc-ngữ chẳng đặng, như vần : *ja, je, ji, jo, ju, za, ze, zi, zo, zu, va, ve, vi, vo, vu*, lại với chữ *u* đọc theo vần Langsa.

Nay trong vần quốc-ngữ thiếu chữ *j*, chữ *z* và chữ *u* với chữ *v* đọc theo vần Langsa. Nếu mà thêm đặng mấy chữ ấy vô quốc-ngữ, thì có đủ chữ mà biên tên người tên xứ, viết bằng chữ Langsa ra chữ quốc-âm hết.

Chữ *u* và *ơ* trong vần quốc-ngữ có rồi mà đọc khác dạng, muốn biết khi nào phải đọc theo vần Langsa thì làm dấu riêng cho dễ phân biệt. Theo ý tôi, nếu thêm hai chữ ấy vào vần quốc-ngữ thì viết như vậy chắc khỏi lẫn khỏi lộn : *ũ* và *ơ*. Thí dụ : nếu muốn biên tên thành Luneville ra quốc-âm thì viết Lũ-nơ-vi-lờ ; thành Douvres viết Đu-vờ-rờ ; sông Oise viết Oi-ze ; tên ông Joffre, viết Jô-phờ-rờ.

Cái ý kiến của tôi như vậy. Xin mấy nhà Báo-quán quốc-âm và mấy hội khuyến-văn trong Đông-dương, nhơn ra một lúc rảnh đặng nghiên-cứu cái vấn-đề ấy coi ý kiến của mỗi nhà Báo-quán cùng của mỗi hội khuyến-văn có hợp với ý-kiến tôi chẳng. Như phần đông mà đồng một ý-kiến, thì hết thấy xin hiệp nhau lại mà xin Chánh-phủ đem thêm mấy chữ tôi chỉ trên đây vào vần quốc-ngữ mà truyền dạy trong các học-đường và truyền cho các nhà Báo-quán cùng mấy vị Trước-tác-nhơn (écrivains) phải dùng mấy chữ ấy trong vần quốc-ngữ, đặng do theo chữ Pháp mà biên tên người, tên xứ ra chữ quốc-âm.

Đặng như vậy thì ngày sau từ Nam chí Bắc trong cõi Đông-Dương ta, đều viết y nhau một điệu, ngỏ hầu dễ nghe dễ hiểu cùng nhau.

*Khuyến học hội Longxuyên Chánh Hội-trưởng,
LÊ-QUANG-LIÊM dit BẢY.*

THI

Độc Thanh-quang thi hữu cảm

Thỉnh-dân

Bà huyện Thanh-quang ở tỉnh Hà-nội, Bắc-kỳ vẫn có thi tài như các thi ông vậy. Triều đức Tự-đức đã phê khen rằng: cung trung chi Đồ-phủ; ta lúc tuổi nhỏ dạo chơi nơi Trường-an, đã nghe người truyền tụng thi của Bà được một đôi câu, tình tứ vào trong phong nhã, lấy làm cảm động vô cùng; nay lại thấy Nam-phong (nº 7) chép ra thi của Bà năm bài, tiếc thay! Không được toàn bích, nên ta cũng ủi một hồi lâu, đọc đi đọc lại, ngâm nga từ sớm đ'n khuya, trong lúc tư-tưởng, chẳng dè có thần tình trở lại dịch ra thi chữ nên được năm bài (chép đủ năm bài nôm và chữ ra sau) không có chỗ nào biết là gian sáo, cũng lạ lắm thay! Khi đọc chữ, khi đọc nôm, lại càng vui thay! Là đều đủ có lý thú theo nhà thi ca; ý ta chẳng phải giám khoe khoan rằng: làm thi hay, mà cũng chẳng phải giám tự phụ rằng: dịch thi giỏi; chỉ có một hiềm cảm động mà phát xuất tình từ ra đó mà thôi.

Vả lại nghĩ cho Bà:

Tài hoa mấy kẻ bì;

Danh tánh không ai biết;

Nhơn vật chẳng tâm thường,

Sữ thơ đành bỏ biệt là có đôi gì?

Hỡi ôi! Cái tàng biên này dầu mà chẳng quý cấp cùm để vào Báo-quán mà nêu cái phương danh về sau cho đám Thư-anh, làm sao cho giải được bá niên hận sự; chớ cái danh của Bà ai biết mặc ai, ai không biết cũng mặc ai; ý Bà cũng chẳng màng chi mà cầu lấy Sữ-thơ chép để; vì vậy: nên ta có bài cảm tác này: (Dụng quá đèo ngan vận).

(Dụng quá đèo ngan vận).

Sàn trống, đêm khuya bóng nguyệt là,
 Nhìn hca đêm có mấy nhành hoa.
 Giang sơn anh tuấn còn nhiều kẻ,
 Quê các phong lưu có một nhà.
 Trối kệ! Trần ai khi khốn đốn,
 Thương thay! Khẩn khái lối bi ca.
 Cái thi tình đủ trên trời mộ,
 Dầu sử biên không dễ biết ta?

Nguyên thi: Qua đèo-ngan (1)

Qua đanh đèo-ngan bóng xế tà.
 Cổ cây chen đá, lá xen hoa,
 Bền gành lác đát tiêu vài chú,
 Dục núi lum khum xóm mấy nhà.
 Nhớ nước đau lòng con quốc-quốc,
 Thương nhà mỏi miệng cái đa-đa.
 Dừng chơn ngảnh lại niềm non nước,
 Một mảnh tình riêng ta với ta.

(Có sai với Nam-phong một đôi chữ,
 là tại chỗ ta nghe vạy).

Dịch ra chữ: Qua Hoành-Sơn.

Trắc bĩ Hoành-Sơn tịch chiếu tà,
 Thọ xiềng thạch kính, điệp liên hoa.
 Lâm dang ảnh lạc tiêu tam lưỡng,
 Lãnh bạn nhưn thê thôn kỷ gia.
 Hoài-thổ cộng liên qui-khứ-khứ,
 Tư hương bắc đoạn gia-ca-ca.
 Quang hà hồi thủ đình xa xứ,
 Nhứt phiến, tư trung độc tự ta.

Nguyên thi : Vịnh chùa Trấn-bắc. (2)

Trấn-bắc hành cung cỏ giải giầu,
Khách đi qua đó chạnh niềm đau.
Mấy tòa sen rớt mùi hương ngự,
Năm thức mây phong nét áo châu.
Sóng lợp phể hưng coi đã rộn,
Chuông rồn kim cổ lắng càng mau,
Người xưa cảnh cũ đi đâu tá ?
Khéo ngần ngợ thay ! Lũ trọc đầu.

Dịchrachữ: Trấn-bắc tự thơ hoài

Trấn-bắc hành cung thảo mộc thu,
Lao-tao quá khách bắc thẳng sầu.
Kỷ dài liêng tọa vượn hương khi,
Ngủ sắc vãn phong cỏ miện lưu.
Triều ảnh hưng vong thiên thái tập,
Chungthình kim cổ nhứt trường sầu.
Phương trần thẳng cảnh tri hà tợ,
Thặng hữu vô tình kỷ hận thu.

Nguyên thi : Hoài cổ (3).

Tạo-hóa gây chi cuộc hí trường ?
Đến nay thấm thoát mấy tình sương,
Lối xưa xe ngựa hồn thu-thảo,
Ngổ củ lâu đài bóng tịch dương.
Đá vẫn bền gan cùng tuế nguyệt,
Nước còn châu mặt với tang thương.
Danh là gương, để soi kim cổ,
Cảnh đây người đây luống đoạn trường.

Dịch ra chữ : Hoài cổ.

Tạo-hóa vô doan nhà hi-trường,
Chi kim thúc hốt kỷ tình sương.
Đương niên xa mã không thu-thảo,
Cổ quận lâu đài thặng tịch-dương.
Thạch thượng phi cang lưu tuế nguyệt,
Thủy như sậu diện cảm tang thương,
Thạnh danh như cảnh, chiêu kim cổ,
Đối cảnh linh nhơn không đoạn trường.

Nguyên thi : Đi dò buổi chiều (4)

Thấp thoản non tiên lát đất mưa,
Bút trần không vẽ thú tiêu sơ.
Xanh um cỏ thụ tròn xây tán,
Trắng xoát trường giang phải lặng tờ.
Bầu giốc giang-sơn say chấp rượu,
Túi lưng phong nguyệt nặng vì thơ.
Biết bao tao khách tình đi lại,
Thấy cảnh này ai chẳng thần thờ.

Dịch ra chữ : Quá vãng độ tức sự

Ăn ướm linh-sơn ấp tế vồ,
Tục hào nan họa tiêu sa thú.
Lục vi cô-thọ họa đồng như,
Thanh triệc trường-giang trừng luyện tú.
Hồ đảo giang sơn đồ trửu hào.
Nang khuynh phong nguyệt đam thi cú.
Hứa đa tao khách vãng lai tình,
Đối cảnh y thùy bắc tượng mộ.

Nguyên thi: Buổi chiều đi dò nhớ nhà (5)

Trời chiều bằng lãng bóng hoàng-hôn,
 Tiếng ốc xa đưa lặn trống đồn.
 Gát mái ngư-ông về Viên-phố,
 Gỏ sừng mục-tử lại Cô-thôn.
 Ngàn mai gió cuốn chim bay mỗi,
 Dặm liễu sương sa khách bước rồn.
 Kẻ chốn chương-dài, người lữ thứ,
 Lấy ai mà kể nỗi hàn-ôn?

Dịch ra chữ: Quá vắng độ thơ hoài.

Tịch dương đạm dắng quá hoàng-hôn,
 Cỗ tạp già thình cặn thú đồn.
 Diều trống ngư-chu qui viên-phố,
 Xuy tiêu mục-tử hướng Cô-thôn.
 Mai-dinh phong cần cầm phi quyen,
 Liễu-mạch sương xâm khách độ vòn.
 Lữ xả chương-dài đa thiếu tứ,
 Bểng thùy trần trọng tổ hàng-ôn.

LỤC-HÀ TÀU.

Bản truyện

Tại quán *Đại-việt Tập chí* ở Longxuyên, có bản truyện của ông Hồ-văn-Trung tự Biều-chánh đặt. Truyện ấy từ điệu theo lục bát, còn sự tích thì thuộc chuyện trong nước ta.

U-tình-lục, giá 0 \$ 40

Vậy mới phải, giá 0 10.

Ai muốn mua gởi thơ đến thì sẽ gởi truyện liền, song tiền cò gởi truyện về phần người mua chịu.

Ca

Y-HỌC BỒ TẬP KHOA ĐIỀN NGHĨA

Được tánh cũng nhiều câu ngộ giải,
 Vị Thạch-cao không phải thuốc dùng.
 Mà rằng: Trị táo trị phong,
 Phát cuồng,thở,tả không công hiệu gì.
 Thu-thạch khéo dùng chỉ trước khi,
 Tiểu-tiện mà chưa lấy những ngày.
 Trị hư, tư-thận cũng kỳ,
 Tiêu đàm, thối nhiệt, rõ rày không nên.
 Long-đởm-thảo, Huỳnh-liên hai vị,
 Vốn bổ hư, khai-vị lương phang.
 Mà rằng: cái tánh khổ hàng,
 Chưa nhằm công dụng nghĩ càng tiết
 [thay.

Học được tánh, ngày xưa như thế,
 Bồn-thảo nay, không kể sao rành.
 Được-vật-học, giảng cho tinh,
 Thuốc kia mới trúng bệnh tình được an.

MỘNG-LIÊM.

Vi hoàn.

Điền đảng đông nghiệp hữu

Chư-quân lai hạ từ:

Tạng xuân chung nhứt tại viên đình,
 Đại-Việt thái lai độc khả kinh.
 Ai chúng trâm kha cam lộ sái,
 Thương trường đàm luận huệ phong sanh.
 Lôi thỉnh hoán tinh quần nho mộng,
 Bút lực thời xu chiến sĩ tình.
 Vật vị dương kim vô tuần kiệt,
 Văn từ bất nhượng cổ Như-hoành.

ĐỖ BÔNG-ĐÌNH,

Bút hạ thiên ngôn đại quát.
 Nam-trung kim cổ sự.
 Tâm du ấn bằng, viết đàm,
 Âu Á cạnh tranh thu.

Nông-cổ Min-dàm
 chánh Chủ-bút,
 NGUYỄN-CHÁNH-SẮT.

••

Đại-pháp sở dĩ thực dân,
 Thiệt hành nhi dĩ hỷ.
 Việt-Nam do lai tấn bộ,
 Chư-công kỳ miễn chi.

Nam-trung nhật-báo
 Chánh chủ bút,
 NGUYỄN-TỬ-THỨC.

••

Dữ chư báo tranh phong tự tín,
 Hùng tài không dè giáp.
 Vi tân văn trợ chiến, nguyên tòng,
 Thư giới đại minh chung.

NỮ GIỚI BÁO.

••

Bất phụ thời danh, bút trận,
 Năm khoa đà đáng mặt.
 Quảng khai dân trí, từ phong
 Một tập rất ưng lòng.

Tước-nguyên,
 HUỲNH-ĐÌNH-ĐIỂN.

••

Đại khối văn chương, tập lục,
 Cổ kim chí luận.
 Việt-nam nhơn vật, chí truyền,
 Thế-giải cao đàm.

Long-xuyên ký-lục,
 NGUYỄN-THANH-ĐỒNG.

Đại truyền văn minh, kế thuật,
Từ chương do Pháp-quốc.
Viết ư cổ lục, kinh dinh nhựt,
Bảo khải nam phong.

Longxuyên, Mỹ-phước Xả-trưởng,
NGUYỄN-NGỌC-TƯỜNG.

Truyện

Vọng-Tây tiểu thuyết

GIA-ĐI TRUYỆN

HỒI THỨ 6.

Gia-Đi chẳng cậy quyền mà hà hiếp dân, không tuân vị ai hết, ai có công thời thưởng, ai có tội cứ phép gia-hình. Khi quan Hình-bộ xữ đoán, các quan đều dự vào, được phép cải lẽ. Ngài xữ đoán cứ nói luật-hình chớ chẳng làm theo ý riêng mình; khi nào luật buộc chắc lắm, thời người cũng chằm chế; nhờ Gia-Đi bày ra, cho nên ngày nay các nước mới biết câu: « *Thà dung thẳng gian, chẳng thà gia hình người vô tội* ». Người thăm nghĩ: luật hình dễ mà rằng đời, có luật hình dân mới an cư lạc nghiệp, nên người đốc kiểm cho rõ đầu giây mỗi nhợ, mỗi việc tìm tòi cho rõ lẽ ngay, hầu có sửa phạt

Thuở ấy có một người lái-buôn gốc ở thành Bá-bĩ-lông qua Ấn-độ buôn bán, thỉnh linh thác tại xứ ấy; lúc còn ở Bá-bĩ-lông tên lái-buôn, có gả con gái lấy chồng, phụ trợ chút đỉnh, còn gia-tài thì chia đồng cho hai đứa con trai. Lại có để riêng một phần, ba muôn đồng vàng, hứa sẻ cho đứa con nào có hiếu. Vậy nay hay tin chú lái từ trần, con trưởng nam làm một cái mả cho cha, còn đứa con trai nhỏ lại trừc một phần ăn của mình mà cho em gái. Thiên-hạ thấy đều nói: « *thằng con lớn có hiếu với*

cha, thằng nhỏ thì thương em gái ». Thế thì thằng lớn được hưởng ba muôn đồng vàng.

Gia-Đi hay đặng vụ ấy, đòi riêng hai người con trai chú lái đến. — Trưởng-Nam đến hầu thì Gia-Đi nói: « ông già người còn sống, căn bệnh đã lành, nay về Bá-bĩ-lông rồi đó. » Anh trai lớn liền nói: « may dữ a ! Ý mà còn cái mả tôi xây đó hao tiền mà vô ít quá ! » Người em đến, Gia-Đi cũng nói vậy. Cậu trai nhỏ bèn nói: « may dữ a ! Để cha tôi về tôi giao hết của lại, mà tôi xin cha tôi để phần tôi đã cho em gái tôi cho nó ». Gia-Đi nói rằng: người chẳng cần giao của lại cho ai, người thương cha người hơn hết. Vậy thì người được hưởng ba muôn đồng vàng. »

Có một gái tơ kia nhà phú tức đã hứa hôn với hai anh Thiên-văn-gia. Thường bữa hai anh này tới lui dạy dỗ; chẳng bao lâu, ả ấy thọ giáo mà mang thai, mà hai chàng đều muốn nàng ấy. Cô ấy chẳng biết tính làm sao mới nói với hai cụ rằng: « Hai chàng đều thương thiếp, thiếp cũng thương hai chàng. Nếu thiếp biết chàng nào đã giúp cho thiếp thêm số dân cho Nhà-nước, thiếp nguyện lấy chàng ấy làm chồng ». Nghe vậy cả hai đều xưng mình là người đã ra tay tế độ. Túng thế cô ấy nói rằng: « thôi ! Xin hai chàng đừng cãi cộ nữa. Sau ai dạy được con thiếp nên người ấy là cha nó đó ».

Đến kỳ khai hoa, nàng trở sanh nam-tử. Hai cụ Thiên-văn-gia giành nuôi trẻ ấy mà sanh rầy rà. Vụ này đem tới cho Gia-Đi xử.

Gia-Đi đòi phạm-nhơn đến, hỏi người vô thứ nhứt: « Chớ người tính dạy trẻ ấy nghề gì ? » Thì phạm-nhơn thứ nhứt thưa: « Tôi định dạy nó, học thổ ngữ pháp, Thiên-văn địa-lý, hữu-hình vật và vô-ảnh vật, việc quá-khứ vị-lai, và học Thiên-chúa nhứt thể đạo ». Tới phiên phạm-nhơn thứ hai nói: « Tôi cứ dạy nó công-bình chánh-trực và lấy lòng trung-hậu mà đãi bằng-hữu ».

Gia-Đi mới xữ như vậy : « Người thứ nhì dầy dầu không phải là cha đứa trẻ, cũng được phép cưới mẹ nó ».

Đời ấy có một vị Hầu-tước là Y-Rất, người xứ Mê-di, bồn-tánh sa đấm tữ-sắc và hay khoe-khoan, nên người không phục. Y-Rất lại hay háo-thắng, nói chi thời chẳng muốn cho ai trả lời, dầu quấy, dầu phải cũng chẳng chịu cho ai cãi cả.

Người lại chậm-lục biếng-nhát mà cứ ước mơ công-hầu phú-quí và trông làm cho thỏa chí mình, chớ không dè mấy cuộc ấy là cửa phù-vân, mất còn trong nháy mắt.

Gia-Đi thấy tình-hình như vậy, muốn giúp cho người cải tà qui chánh. Vậy mới chọn một nhật-sur, 24 nhật-công, 12 ca-nhi, một đầu bếp chánh, 6 đầu bếp phụ, 4 nội-tbần, dạy kể xong, sai qua nhà Y-Rất mà nói rằng : Phụng lệnh Thiên-tử qua giúp việc quan Hầu-tước.

Bữa đầu, Y-Rất vừa thức giấc thì nhạc-sur cùng nhạc-công, ca nhi áp vào, kèn-quyển rình rang, ca-xang lảnh-liếu, có hơn hai ba giờ đồng-hồ, mà cứ ngâm đi nhạo lại bài này hoài :

Công nghiệp ngài thâm-thâm,
Tiếng đồn ngài muôn dặm.
Rỏ ân đức như mưa,
Quả thịnh-danh tợ sấm.
Vui bấy chúa-công ta !
Toại lòng ngài lắm lắm !
Đặng ngài đẹp lòng ngài,
Chẳng khác hoa trên gấm.

Tiếng đồn, tiếng ngâm vừa dứt, có một người đến đọc một bài cung-tặng kể những đức tánh Y-Rất, mà không có khen chút nào. Đọc hơn ba khắc đồng-hồ mới dứt, rồi kể Y-Rất qua phòng ăn. Lúc ăn uống nhật-trời ca-xang. Bữa ăn ba giờ đồng-hồ mới rồi, hễ Y-Rất có muốn mở miệng mà nói chi thời có tên nội-thần chặn họng rằng : « Chắc là Thượng-quan nói nhầm lý. » Người nói chừng ít tiếng kể nội-thần khác rằng : « Lời Thượng-quan hữu-

lý ». Còn hai tên nội-thần kia thời trông cho Y-Rất nói tiếng chi ngô một chút, ré lên cười mà cho rằng hay và ngô vô cùng. Dứt bữa ăn khởi lại ca nhạc nữa.

Bữa đầu Y-Rất lấy làm toại chí, tưởng vua yêu mình vì mình dày công với Nhà-nước. Qua bữa sau, ông Hầu bớt vui : bữa thứ ba hết vui, bữa thứ tư nhàm rồi phát ghét. Đến bữa thứ năm, ông Hầu nghe ca-nhạc cung-tặng dường như ai đem gong mà máng vào cổ. Mà nhứt là nghe ngâm câu :

Vui bấy chúa-công ta !

Toại lòng ngài lắm lắm !

Ông Hầu xốn-xang trong mình khó chịu quá. Mỗi ngày mỗi nghe ca-nhạc cung tặng; Vừa hờ mỗi có người cho rằng phải, nói chưa rồi chúng tặng rằng hay, làm cho Y-Rất chịu không nổi phải cựa sớ về kinh, xin Thiên-tử đòi nhạc-sư, nhạc-công, ca-nhi, nội-thần về, và lập thệ với vua rằng : Minh sẽ bớt kiêu-căng mà cần lo việc chánh. Từ đó Y-Rất bớt gắc-gao với người dưới tay, và bớt sự yến-ẩm. Nhờ đó mà sữa-tánh lại tốt, toại chí bình sanh.

(Sau sẽ tiếp theo)

BÁ-TRANG.

Kính bạch

Đại-Việt Tập chí xuất bản mới bốn tháng nay mà nhờ văn-nhơn, tài-tử, phú-hộ, hào-gia, rộng lòng chiếu cố nên hiện kiêm mỗi tháng gởi cùng trong Đông-Dương kể đã trên 900 tập. Tệ-quán được Đồng-bang sẵn lòng hoan-tiếp như thế thì tệ-quán rất cảm.

Tệ-quán tưởng khi liệt-vị khán-quan cũng sẵn lòng muốn gởi bạc mà trả tiền mua Tập Chí, song ông thì mắc gia sự đa đoan, ông thì mắc ở xa nhà giấy thép, nên chưa mua mandat được mà gởi bạc đến trả cho tệ-quán. Vậy tệ-quán kính nhắc chư-vị chưa trả tiền mua Tập Chí xin nhớ lại mà giúp cho tệ-quán đừng làm phi dụng. Hạnh thậm ! Hạnh thậm,

ĐẠI-VIỆT TẬP CHÍ, Quản-lý
NGUYỄN-VĂN-CƯ Cần khải.



TIÊU TỰ-ĐIỀN

(Lexique)

CÔNG-XÁ	Nhà của nhà-nước (Bâtiment administratif).
ĐỒNG-HỘI CỘNG TÁC	Hiệp nhau đồng một hội, chung sức nhau mà làm (Coopération).
HỒN-TẠP	Lộn xộn (Confus, obscur).
PHỦ SANH NHƯỢC MỘNG	Kíp sống như giấc chim bao (La vie n'est qu'un songe).
TÀN-THƠ-PHÒNG	Chỗ để sách (Bibliothèque).
TỔNG-CUỘC	Chỗ nhóm các chỗ nhỏ (Généralité).
THÚ-Y	Người trị bệnh thú vật (Vétérinaire).
TRƯỜNG CHUYÊN MÔN TẬP NGHỆ	Trường dạy đủ các nghề (École polytechnique).
TRƯỜNG KỸ THUẬT CÔNG NGHỆ	Trường dạy nghề nghiệp khéo (École des arts et métiers).
TRƯỜNG KIỀU-LƯƠNG	Trường dạy làm cầu, đắp lộ (École des ponts et chaussées).
TRƯỜNG Y-KHOA	Trường dạy thuốc (École de médecine).
TRƯỜNG PHÁP LUẬT	Trường dạy lệ luật (École de droit).
TRƯỜNG THUỘC-ĐỊA CHÁNH TRỊ	Trường dạy cách cai trị thuộc-địa (École coloniale).
TRƯỜNG VỎ-BỊ	Trường dạy làm quan võ (École militaire).



ĐẠI-VIỆT TẬP-CHÍ

Pharmacie asiatique

NHỊ-THIÊN-DU'ÔNG

38, rue de Canton, Cholon

TÉLÉPHONE n° 658

DU'OC-PHẠM PHỤC PHÁP

Kiểm sắt-bổ hườn

Phàm con người ta sanh ra, mỗi người đều bẩm thọ chẳng đồng, tư chất khác nhau, kẻ thì tiên-thiên chẳng đủ, người lại hậu-thiên kém hư. Vả lại đờn-ông, đờn-bà cũng đều nhờ có khí huyết mà dưỡng lấy sự sống, còn khí-âm, khí-dương cũng phải do sự điều hóa mà mạnh mẽ, nếu bồi bổ thất cách thì trăm bệnh đều sanh. Bởi vậy cho nên người xưa có bài chăm giữ mình lúc chưa có bệnh, người quân-tử lại phải biết phương bổ dưỡng thân mình.

Thuốc Kim-Sắc-Bổ-Huòn của tiệm tôi đây, đã sắp đặt các vị quân thần tá sứ rất nên trúng cách, chẳng nóng lắm, mà cũng không mạnh quá, miêng là làm cho khí-huyết sung túc, tâm thần điều hòa mà thôi.

Nếu có bệnh mà uống nó, thì chứng chi cũng hết, còn không bệnh mà uống nó thì dặng sống lâu, sanh con nhiều, trong mình mạnh mẽ sung túc, thiệt là thuốc hay bậc nhất trong hoàn-cầu thì chỉ có Kim-Sắc-Bổ-Huòn này mà thôi.

Chủ trị các chứng bệnh kể sơ ra sau này :

Huyết kém khí hư,	Bệnh hậu khiếm bổ,	Xây xẩm mặt mày.
Giao cấu không nổi,	Đau lâu lâu năm,	Thận kém óc lưng.
Tay chơn nhứt mỗi,	Thân thể gầy ốm,	Đi đứng bần thần,
Trong lòng hồi hộp,	Chiêm bao di tinh,	Sanh ra nóng lạnh.
Ăn uống không tiêu,	Hơi thở khô khè,	
Đau lưng mỗi căn,	Đêm ngủ chẳng yên,	

Như ai có mấy chứng đã kể trên đây, phải mau uống thuốc huòn này, thì trong 24 giờ đã thấy công hiệu; uống luôn cho dặng 5 ngày, các bệnh đều hết, thân thể tráng kiện, mạnh mẽ như xưa. Như mấy ông-già, bà-cả khí-huyết dâm suy, tinh thần hao kém, ăn uống không dặng, bệnh hoạn liên niên, như uống thuốc huòn này cho thường, thì ăn uống mau tiêu, da thịt mịn màng sống lâu, thêm tuổi, tinh thần càng ngày càng vượn lại, phản lão huòn đồng, tuy chẳng phải thuốc tiên, song thể gian cũng ít có.

Xin các vị có mua thì phải nhìn cho kỹ cái hiện NHỊ-THIÊN-DU'ÔNG có hình ÔNG-PHẬT kéo làm đồ giả.

CÁCH DÙNG : Mỗi ngày phải uống 2 lần, sau khi ăn cơm rồi thì uống với nước trà, mỗi lần uống 10 huòn.

Mỗi ve giá là..... 2 \$ 00

NAM-ĐỒNG-LỢI

56, Rue Viénot, Saigon

Hiệu **Nam-đồng-Lợi**, là của hảng Annam của hội Nam-kỳ Cơ-tư-phương-chức-công-ty, lập ra mà bán đủ các thứ.

Hàng-Bắc, Hàng-Tàu, Hàng-Tây, Nón casques, Valises.

Bổ may mừng Annam dẹt rẻ và chắc.

Ổng súc thao, xuy bạc, ô trơn, ô chạm vân vân.

Võng gai, trà ướp sen, ướp thủy-tiên.

May quần áo Annam.

May áo quần Tây; đồ trắng, đồ kaki, áo chemises, blouses.

Bán thiệt giá — may mau ăn công rẻ — có mướn được thợ giỏi.

Xin mời quí khách đồng-bang tới xem chơi.

BÙI-QUANG-CHIÊU.

Tiệm khắc con dấu bằng đồng và bản đồng

TANG-VAN-PHA

49, Rue d'Espagne, 49.

SAIGON.

Tiệm bán nón và giày theo kiểu Lang-sa

LIÊU-HIÊN

51, Rue d'Espagne, 51.

SAIGON.

ĐẠI-VIỆT TẬP CHÍ

MỸ KỸ

Tiệm họa chơn dung và khắc con dấu

Ở đường Turc, số 16

Ngang nhà hàng **MOTTET**, Saigon

Kính cáo cùng quý khách đặng hay, tại tiệm tôi có làm
mả đá bằng đá Cẩm thạch, đá xanh Tonkin, có đủ các
kiểu.

Có khắc con dấu bằng đồng, mũ thun, bằng cây, chạm
bằng đồng cùng hoa điều thảo mộc theo lá nhân hiệu, vân vân.

Mộ bia chạm bằng đá cẩm thạch.

Có thợ họa chơn dung, *nhắm hình người* mà vẽ bằng dầu
sơn vô bố, nước thuốc, mực Tàu, viết chì than, họa biên
liền và tranh, họa sơn thủy.

NAM-HÔNG-PHÁT

KHÁCH SẠN

ở đường Boulevard Bonnard, số 106, ngang Gare xe lửa nhỏ
Saigon-Govap, tại chợ mới Saigon.

Bán rượu tây và sữa xe máy, đèn essence và đèn alcool.

Có cho mượn phòng ngủ sạch sẽ rộng mát, giá rẻ;

Quý-quan, Quý-khách ở xa muốn mua bấtcâu vật chi thì tôi mua
giảm, niềm kỹ lưỡng gởi tới chỗ ở mấy ông.

HUỲNH-HUỆ-KỶ

IMPRIMERIE DE L'UNION

Lê-van-Nghi và Dinh-thai-Son dit Phat-Toan

NGUYỄN-VĂN-CỦA, chủ-nhơn

157, Rue Catinat, Saigon, 157

Nhà in này là một nhà in lớn trong Đông-dương, có lãnh chịu sách, sổ, giấy, mực cho các sở Nhà-nước, có bán đủ đồ dùng về thơ-phòng, sách chữ tây, thơ, tuồng, truyện chữ quốc-ngữ, in nhứt trình, in sách, sổ, danh thiếp, thiệp mời đám cưới, đám tang. Bán buôn mau mảng. Như ai ở xa gởi thơ đến mà thương nghị việc chi hoặc đặt món chi, thì lập tức kỳ tàu kế có trả lời.

XUÂN-LAN

Au bonheur des Saigonnaises

*Ở gần nhà giấy Saigon-Cholon (route haute)
Ngang Chợ mới, đường Latérale Sud, môn bài số 21*

Kính cáo cùng Lục-châu Quý-khách: tôi mới lập thêm một tiệm, Hiệu « **XUÂN-LAN au bonheur des Saigonnaises** », tại Chợ mới Saigon, gần nhà giấy xe lửa vô Cholon, đường Latérale Sud, môn bài số 21.

Có bán đủ các thứ vải-bô, tơ-lụa tàu và bắc; có may áo quần Annam và theo kiểu Langsa, nhứt là con nít, như: áo, mào, giày, vớ, làm nhiều kiểu đẹp-dẽ và khéo-léo.

Có bán đủ đồ phụ tùng trong khi rửa mặt: dầu thơm, phấn dồi, nước súc miệng, phấn chùi răn, vân vân.

Lại cũng bán các vật dùng làm tại Bắc-kỳ, đồ bằng đồng, đồ mạ bạc, đồ cần ốc Xa-cừ, nón, giày dép v. v.

Xin nhờ Quý-Bà, Quý-Cô chiếu-cố, thừa lúc nhàn du, ghé lại Hiệu **XUÂN-LAN**, xem chơi, thì tôi rất đội ơn.

PHÁT-LỢI

Quai de Belgique, Saigon.

TÂN-HUÊ VĨNH-PHÁT

Nº 134, rue Latérale Nord, ngang nhà giấy xe lửa lớn Saigon

TIỆM MAY VÀ BÁN HÀNG

Thợ may chắc chắn, khéo và tính giá rẻ.

Có bán hàng bác, hàng tàu và đủ đồ nhứt-dụng trong nhà.

Nhơn chư quý-bà, quý-ông đi đường, trong lúc chờ xe lửa, ghé vào tiệm trước nghỉ chơn, sau muốn đặt may đồ chi, hoặc mua món chi cũng tiện, dầu trong tiệm có thiếu đồ thì vợ chồng chủ tiệm là người rất vui vẻ mau mǎng, cũng tính cho đẹp ý mỗi hàng.

GRAND HÔTEL DE FRANCE

PHÁP-VIỆT KHÁCH-LÂU

Rue Catinat, Saigon

M. NGUYỄN-VĂN-CỦA, Chủ-nhơn

Phòng ngủ rộng rãi sạch sẽ, sắp đặt nghiêm trang, đủ đồ dùng rất thuận tiện cho khách, Boy bạn dễ sai khiến, mỗi mỗi đều vừa ý khách mà giá phòng lại rẻ.

BANQUE INDUSTRIELLE DE CHINE

TRUNG-PHÁP THIẾT-VIỆP NGÂN HÀNG

Hội nặc danh vốn 45 triệu quan

HỘI-TRƯỞNG, HỘI-ĐỒNG CẠI QUÂN: ÔNG ANDRÉ BERTHELOT

Đại Tổng-lý: ÔNG A. J. PERNOTTE

Hội quán tại Paris, đường Saint-Lazare, môn bài số 71

Tổng cuộc tại Bắc-kinh

Ngành tại Thượng-hải, Thiên-tân, Hương-cảng và Saigon

Có đặt người thông tin
cùng các nơi thương trường trong thế giới

Ngân hàng thì là:

Tại Pháp-quốc: Hội để mà khai phát thương cổ và công-nghệ

Tại Luân-dôn: Hội London County & Westminster Bank L^d

Tại Niền-do: Ông Redmond và Công-ty.

Ngành tại Saigon

Mé sông Belgique, môn bài số 8 và đường Adran, môn bài số 2

Lãnh:

Đổi gửi tiền bạc theo ngân-hàng, nếu tính theo bạc
đồng thì tiền lời hai ly.

Nếu tính theo quan tiền langsa (Gửi về Pháp-quốc) thì
lời hai ly rưỡi.

Đem tiền đến gửi, huặc tính theo bạc đồng, hoặc tính
theo quan (phải hỏi mới nói số tiền lời).

Tiền gửi có định chắc ngày lấy ra (phải hỏi mới nói
số tiền lời).

Lãnh giấy của các nhà mua bán mà trả bạc hoặc đòi bạc.

Lãnh bán giấy nợ, giấy lãnh bạc hay là đánh dây thép
mà sang giấy ấy cùng mấy thương trường lớn.

Lãnh gửi giấy mua bán theo Tiền-thị với mấy thương
trường lớn.

Cho vay có thể chung hàng hóa và bằng khoán.

Tổng-lý, A. Berthier.

MINH-THÀNH-HÒA

Tiệm làm và bán đồ nữ-trang

M. NGUYỄN-V.-LẠC dit BẦY-KHOẾ, Chủ tiệm

23, rue Schrøder Saigon, Téléphone n° 295

Trước bốn năm nay thợ bạc Annam hay ở chỗ khuất tịch, chớ không có dọn tiệm giữa chôn phiên ba coi cho kinh-dinh như thợ bạc Langsa và Khách-trú vậy. Duy có M. Nguyễn-văn-Lạc nầy bày dọn ra một tiệm thợ bạc hiệu là **Tân-hiệp-Thành**, n° 184, rue des Marins Cholon, téléphone n° 281, chừng dọn hực hơ, như tiệm thợ bạc Langsa; từ ấy cuộc thợ bạc tần phát lắm, sau M. Nguyễn-văn-Lạc lại lập thêm một tiệm nữa tại chợ Saigon hiệu là **Minh-thành-Hoà**, môn bài số 23 đường Schrøder, dây thép nói số 295, cuộc buôn bán lại càng thanh mậu thêm vì là đồ nữ-trang hai tiệm nầy nhiều kiểu khéo lạ, chắc chắn và vàng ỹ, nên mấy bà có lòng tin cậy mới dặng nên cuộc như thế. Vậy chừ quý-bà, quý-cô có cần dùng đặt đồ, hoặc mua đồ nữ-trang xin đến hai tiệm nầy thì chắc khỏi lầm và đồ thiệt rất nên kỳ-xảo.

NGUYỄN-THÊ-NGỌC

Chủ vựa cá

Quai de Belgique Cầu-ông-Lãnh
(SAIGON)

